

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



THÁNG 08.2015



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Laura@ElegantNest

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THƯ MỜI THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 9 TẠI PHÁP** (GHPGVNTN Âu châu), trang 9
- ♦ **NHẤT THỪA ỦNG HỘ HÒA BÌNH** (Nguyễn Hạnh dịch), trang 10
- ♦ **RỜI CUNG QUÀ ĐÌ, TIÊU HAO** (thơ Phù Du), trang 12
- ♦ **ĐI CHÙA, ĐẾN CHÙA VÀ VỀ CHÙA** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- ♦ **CHỮ KHÔNG, GIỌT HƯƠNG TÌNH...** (thơ Xuyên Trà), trang 14
- ♦ **LỚN LÊN TRONG MÊ LÀM** (Ns. TN Trí Hải dịch), trang 15
- ♦ **ĐẾN VÀ ĐI, TUNG VÀO KHOẢNG KHÔNG** (thơ Hoa Cát Phan Văn), tr. 15
- ♦ **ĐẾN VỚI THƠ HOÀNG CẦM TỪ NGÔN NGŨ PHÁP** (Tuệ Sỹ), trang 16
- ♦ **GIÁO LÝ TỊNH ĐỘ QUA LĂNG KÍNH DUY THỨC HỌC** (Thích Đức Trí), tr. 18
- ♦ **ĐẤT NƯỚC TÔI, ĐA ĐOAN, NHỚ PHẬT...** (thơ Du Tâm Lăng Từ), tr. 21
- ♦ **ĐÁNH GIÁ ĐÚNG LÝ DUYÊN KHỜ** (Tuệ Uyển dịch), trang 22
- ♦ **NƯƠNG THẦY HỌC PHẬT** (thơ Ân Kiên), trang 23
- ♦ **NGHĨ VỀ TRUYỀN THÔNG VÀ PHẬT GIÁO** (Huỳnh Kim Quang), trang 24
- ♦ **LỜI THƠ VIỄN XỨ** (thơ Mặc Không Tử), trang 25
- ♦ **NGÔI THUYỀN BÁT NHÃ** (Thích Nguyên Tạng), trang 27
- ♦ **TRĂNG MỜI GỌI BƯỚC** (thơ Nguyễn thị Minh Thủy), trang 30
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** (Steven N), trang 31
- ♦ **NỘI QUÁN – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **NHÂN NHỤC – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **TRỪNG TRỪNG NHÂN DUYÊN – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **VÔ MINH VÀ TUỆ GIÁC** (Quảng Tánh), trang 35
- ♦ **THIỆN PHÁI THẢO ĐƯỜNG** (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ **BẮT CHỌT NHÌN TÔI, THỨC TÌNH TRĂM NĂM** (thơ Lê Phương Châu), trang 37
- ♦ **NAM PHƯƠNG THOẠI ĐẦU** (Toại Khanh), trang 38
- ♦ **THÀ NHƯ GIỌT MƯA** (Huệ Trân), trang 40
- ♦ **ĐI EM, ĐỜI CHƯA MUỘN** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 41
- ♦ **CON GÀ Ó MÃ LẠI** (Lê Giang Trần), trang 48
- ♦ **ĐI NGHE DIỄN GIẢI CỦA TS NGUYỄN TƯỜNG BÁCH** (Tâm Thường Định), trang 51
- ♦ **STORY OF KING PASENADI OF KOSALA** (Daw Mya Tin), trang 54
- ♦ **NẤU CHAY: LẤU BÁT BỮU CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **DANH SÁCH CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT NEPAL**, bổ túc (Ns. Diệu Tánh), trang 59
- ♦ **KÊ BÓN SẼN BỊ PHẠT** (Thích Trường Lạc), trang 60
- ♦ **MÀNH TÂM, MÀNH ĐỜI** (thơ Thị Giới), trang 61
- ♦ **CHUYẾN BAY ĐỊNH MỆNH** (Hoàng Thụy Dung), trang 62
- ♦ **ẢNH HƯỞNG CỦA DƯỢC PHẨM VỚI THỰC PHẨM** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ **HÍT THỜ SÂU – GIA TĂNG TUỔI THỌ** (thơ Thích Viên Thành), trang 65
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 4** (Vĩnh Hào), trang 66
- ♦ **VE KÊU GỌI HÈ SANG** (TN. Giới Định), trang 69
- ♦ **KHÓA AN CƯ KẾT HẠ CỦA CỘNG ĐỒNG TĂNG...** (Thích Tuệ Uy), tr. 71
- ♦ **HÌNH ẢNH KHÓA AN CƯ KẾT HẠ TẠI PHV QUỐC TẾ** (hophap.net), trang 72

Báo Chánh Pháp số 45, tháng 08 năm 2015, do Chùa Quang Thiện (Calif.) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

VÔ GIA ĐÌNH, VÔ ƯU, VÔ TRÚ

Hãy nói về những kẻ không nhà, đứng nơi đầu đường, ngủ nơi góc phố.

Lo toan không? khổ đau không? – Khó ai biết; chỉ thấy khi ngửa tay xin ăn thì gương mặt phải lộ ra vẻ thảm thương, tội nghiệp; và khi ngồi co ro nơi ghé đá công viên, hay dưới gầm cầu, thì cả thân người, cả thân phận, như bị gánh nặng của trời cao phủ xuống, nén xuống, tưởng chừng không bao giờ có thể vươn mình lên được.

Những kẻ ấy không có gia đình, hoặc đã có một gia đình tan vỡ, chia ly, tan tác.

Từ những ưu phiền lo toan nặng nề của đời sống (áo cơm, danh, lợi...), họ đã rơi xuống đáy vực, nơi không còn gì để phải vương bận lo toan nữa.

Từ những căn nhà có vườn hoa nhỏ và sân cỏ xanh mát... họ đã, thoáng chốc (hoặc từ từ) trở thành những kẻ lang thang, không nơi trú ẩn cố định.

Chính họ, hoặc người khác, nghĩ đó là số phận, là định mệnh, là ý trời, là nghiệp quả (của một hay những nghiệp nhân gần, xa).

Hãy nói về những kẻ tự nguyện rời bỏ đời sống gia đình thế tục, sống đời vô ưu, thực hành con đường vô trú. (*)

Vì tự nguyện, cố nhiên họ hạnh phúc với chọn lựa của họ. Cơm ăn áo mặc không bận lòng. Ba y thô sơ, đắp đôi ngày tháng. Một bình bát dạo khắp muôn nhà. Môi rạng rỡ nụ cười thơ trẻ. Mắt trầm tư đạo lộ thâm sâu.

Không gia đình, không dây buộc trói. Không cửa nẻo, không mái che, nhà ba gian mở toang tường vách rui mè. Kẻ cùng tử hào phóng, đêm ngủ gốc cây, ngày rảo bước, ngang qua những quán trọ, không đâu là chỗ dừng nghỉ cuối cùng. Thành thang con đường không đích đến. Bước qua những không gian và nơi chốn, bước qua những dĩ vãng, kỷ niệm, và thời gian...

Có vẻ gì tương đồng giữa những kẻ không nhà. Có, họ giống nhau ở vài hình thức, nhưng khác rất nhiều nơi bản chất. Một bên là nghiệp, một bên là nguyện.

Từ nghiệp chuyển thành nguyện, sẽ hạnh phúc.

Từ nguyện biến thành nghiệp, sẽ khổ đau – và hơn thế nữa: lụn bại, hư nát! Từ nghiệp mà

chuyển thành nguyện là cả một nghệ thuật, một thành quả rực rỡ của tư duy, giác ngộ.

Ngược lại, từ nguyện biến thành (nghiệp) nghiệp là một sự sa đọa khó tha thứ, khó chấp nhận!

Làm thế nào mà một kẻ tự nguyện sống đời vô gia đình, vô ưu, vô trú, lại có thể ham thích nhà cao cửa rộng, áo quần loè loẹt sắc sỡ diêm dúa, tiền tài của cải, cho đến phẩm hàm tước vị, quyền chức cao danh! Tất cả những thứ phù phiếm, hư huyền ấy, chẳng phải đã từng một lần phải sạch để chọn con đường cao đẹp vô danh vô tướng hay sao! Từ đâu mà ra nông nổi như thế! Có khi nào kẻ lên đường chịu ngồi lặng vài phút giây, tự hỏi mình đi đâu, còn chẳng con đường đã chọn, hay chính mình đã lạc hướng từ đời thuở nào?

Hãy nhìn lại, nhìn lại xem. Phải chăng cái gì nhỏ bé sẽ bị giam nhốt, chứa đựng trong những khuôn khổ nhỏ bé? Nếu tâm bao la như hư không thì có thân xác, mũ áo, nhà cửa, đèn đài, danh vọng hay lợi lộc nào trói buộc được?!

Như vậy, tâm nhỏ hẹp, tầm mùn, chính là nguyên nhân của sự sa đọa, thoái hóa. Nó làm chùn những bước chân, khiến kẻ không nhà không thể ra khỏi khung cửa hẹp của những căn nhà, kẻ vô tư lự không thoát ra được những điều lo nghĩ tan toan, kẻ vô trú không vượt qua nổi những gốc cây hay những quán trọ bên đường...

Thoáng chốc quay về, có khó khăn chi! Chỉ nguyện ban đầu hãy còn nguyên vẹn. Một tâm ấy thôi, sẽ chuyển động tất cả. Đơn sơ, đạm bạc. Mỗi cười hồn nhiên như con trẻ. Mắt sâu thăm thẳm như thiên gia. Mỗi bước chân cất lên, có thể vượt ngoài vạm đục mây trắng.

(*) Triển khai 3 ý nghĩa của chữ *Xuất Gia*: 1) xuất thế tục gia, 2) xuất phiền não gia, 3) xuất tam giới gia (rời khỏi căn nhà thế tục, xa lìa căn nhà phiền não, vượt ngoài căn nhà ba cõi [dục, sắc và vô sắc giới]).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

MÃ LAI Á: Liên hoan Phim Vesak Quốc tế lần thứ IV tổ chức tại Kuala Lumpur

Liên hoan Phim Vesak Quốc tế (Wiff) lần thứ IV sẽ diễn ra tại Jalan Ampang, Kuala Lumpur.

Các kỳ liên hoan trước đây đã được tổ chức vào năm 2006, 2008 và 2011.

Mục đích của sự kiện này là để quảng bá những giá trị Phật giáo thông qua phương tiện hình ảnh, và để tạo nên nhận thức lớn hơn trong công chúng về những lời dạy của Đức Phật.

Các nhà đồng tổ chức liên hoan phim bao gồm Hội Phật Bảo, Hội Phật giáo Nalanda và Hội Thanh niên Phật tử Mã Lai, cùng với sự bảo trợ của 10 hội Phật giáo khác ở Klang Valley.

Năm nay Wiff sẽ chiếu một bộ sưu tập gồm 24 phim dài, phim tài liệu, phim hoạt hình và phim thiếu nhi có chủ đề Phật giáo vào 2 kỳ cuối tuần, nhằm các ngày 20, 21, 27 và 28-6-2015.

(The Buddhist Channel - June 15, 2015)

Nghệ thuật Phật giáo từ Bảo tàng Koltaka, Ấn Độ", triển lãm đã được khai mạc vào ngày 18-6-2015 bởi Bộ trưởng bộ Văn hóa, Cộng đồng và Thanh niên Lawrence Wong của Singapore và Ngoại trưởng đặc trách Văn hóa và Du lịch Ấn Độ Mahesh Sharma.

Triển lãm diễn ra vào năm thứ 50 của nền độc lập của Singapore, và kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ và Singapore. Đây là kết quả của sự hợp tác với bảo tàng Koltaka và được chính phủ Ấn Độ tài trợ. Triển lãm kéo dài cho đến ngày 16-8-2015.

(CNA - June 18, 2015)



Bộ trưởng bộ Văn hóa, Cộng đồng và Thanh niên Lawrence Wong của Singapore và Ngoại trưởng đặc trách Văn hóa và Du lịch Ấn Độ Mahesh Sharma tại Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ—Photo: Alice Chia

PHILIPPINES: Nhạc kịch Tắt Đèn sẽ trình diễn tại thành phố Pasay

Năm nay, Phật Quang Sơn Philippines cùng với Hội Phật Quang Quốc tế sẽ diễn lại vở "Nhạc kịch Tắt Đèn: Hành trình dẫn đến Giác ngộ" vào ngày 17-7 (lúc 2 p.m. và 8p.m.) tại Rạp hát Chính CCP ở thành phố Pasay. Vở nhạc kịch này nhằm mục đích khuyến khích mọi người nhìn vào sự đau khổ của con người và cung cấp một số câu trả lời dựa vào những lời Đức Phật dạy. Qua vở kịch, Phật Quang Sơn Philippines hy vọng quảng bá giáo lý Phật giáo với cộng đồng người Philippines.

Dựa vào cuốn "Tiểu sử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni", một

cuốn sách được viết bởi Đại sư Hsing Yun, người sáng lập Phật phái Phật Quang Sơn, vở nhạc kịch tắt Đèn đã có lần trình diễn đầu tiên vào tháng 7-2007 tại Cebu, Philippines. Cho đến nay, dàn diễn viên gồm hơn 70 diễn viên và vũ công tình nguyện đã trình diễn khoảng 55 buổi tại Cebu, Manila, Iloilo, Bacolod (Philippines), Đài Loan và Hoa Kỳ.

(tipitaka.net - June 18, 2015)



Hình ảnh về vở "Tắt Đèn: Hành trình dẫn đến Giác ngộ", nhạc kịch sẽ được diễn lại tại Pasay, Philippines vào tháng 7, 2015
Photos: Phật Quang Sơn Philippines

INDONESIA: Hội nghị Phụ nữ Phật giáo quốc tế bắt đầu vào ngày 23-6-2015

Hội nghị Sakyadhita Quốc tế về Phụ nữ Phật giáo lần thứ 14 sẽ bắt đầu vào ngày 23-6-2015 tại



Một số trong 24 phim được trình chiếu trong Liên hoan Phim Vesak Quốc tế lần thứ IV tại Mã Lai Á
Photo: buddhistchannel.tv

SINGAPORE: Triển lãm về Nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ

Hơn 80 tác phẩm của Nghệ thuật Phật giáo từ tiểu lục địa Ấn Độ đang được trưng bày tại Bảo tàng Văn Minh Á châu ở Singapore. Giới thiệu những tác phẩm nghệ thuật quý hiếm từ bảo tàng cổ xưa nhất châu Á tại Koltaka, cuộc triển lãm ghi lại những tiến triển của nghệ thuật Phật giáo từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên.

Với tựa đề "Những bảo vật từ Bảo tàng cổ xưa nhất của châu Á:

Yogyakarta, Indonesia, và kéo dài cho đến ngày 30-6. Chủ đề của hội nghị này là "Lòng từ bi và công bằng xã hội".

Thông cáo báo chí của hội nghị có phát biểu như sau: Chủ đề sẽ thiết lập diễn đàn cho những người tham gia từ khắp Indonesia và trên thế giới để rút ra những kết nối giữa tu tập, biến đổi xã hội và công bằng giới tính[...] Phụ nữ Phật giáo thường bị gạt ra khỏi các quá trình hình thành các cộng đồng của mình, chẳng hạn như các cuộc đàm phán giữa các chính phủ, các diễn đàn học thuật, các lãnh đạo tôn giáo, và các cấu trúc xã hội. Những người ra quyết định thường không quen với sự đóng góp của phụ nữ Phật giáo, trong khi phụ nữ Phật giáo có thể vẫn còn bị tách khỏi những vấn đề lớn hơn vốn có ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của họ. Hội nghị Sakyadhita lần thứ 14 sẽ là một cơ hội cho đối thoại về cách mà lòng từ bi và sự phát triển tâm linh có thể giúp hình thành một thế giới công bằng và hòa bình hơn.

Indonesia là nước có một số di tích văn hóa Phật giáo lâu đời nhất châu Á, có niên đại sớm nhất là vào thế kỷ thứ 5.

(Lion's Roar – June 19, 2015)



Chư ni và nữ Phật tử Indonesia
Photo: Lion's Roar

HÀN QUỐC: Seoul công bố 3 kinh điển Phật giáo là tài sản văn hóa vật thể

Vào ngày 17-6-2015, chính quyền thủ đô Seoul đã công bố 3 kinh điển Phật giáo thế kỷ thứ 15 là tài sản văn hóa vật thể của thành phố này. Các bản kinh gồm Quyển 1 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh bằng vàng in trên giấy Indigo, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quyển 1, 2, 3, và cuốn Tinh hoa Thiền Phật – được in vào cuối triều đại Goryeo và đầu triều đại Joseon.

Đây là những tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu về kỹ thuật in mộc bản và về Hunminjeongeum – hệ chữ cái Triều

Tiên do Đại đế Sejong sáng tạo vào năm 1443.

Được lưu giữ tại Chùa Simtaek ở phía bắc Seoul, quyển Diệu Pháp Liên Hoa Kinh bằng vàng in trên giấy Indigo là kinh mộc bản Phật giáo thời Goryeo. Bản kinh này rất có giá trị vì nó là quyển Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cổ xưa nhất còn lại tại Hàn quốc, và còn bao gồm cả một tranh minh họa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp.

Về cuốn Tinh hoa Thiền Phật, vốn mô tả 10 cách thực hành thiền bởi một nhà sư nổi tiếng thời nhà Đường ở Trung Hoa, cũng được xem là một tài liệu rất quan trọng trong việc nghiên cứu Hunminjeongeum, do chính Vua Sejong (1417-1468) thêm phần đuôi chữ Triều Tiên vào các cụm từ chữ Hán và các tu sĩ Phật giáo dịch từ bản gốc Hán tự.

Với sự bổ sung mới nhất này, tài sản văn hóa của thủ đô Seoul có tổng cộng 513 hiện vật.

(tipitaka.net – June 21, 2015)



3 kinh điển Phật giáo vừa được công bố là tài sản văn hóa vật thể của thủ đô Seoul, Hàn quốc
Photo: donga.com

ẤN ĐỘ: Phát hiện Dấu chân Đức Phật tại Chhattisgarh

Một đôi dấu chân Đức Phật đã được tìm thấy trong cuộc khai quật một di tích di sản tại Làng Damroo ở Huyện Badola Bazar-Bhatapara thuộc Bang Chhattisgarh của Ấn Độ.

Với phát hiện này các nhà khảo cổ đánh giá ngôi làng là một di tích Phật giáo quan trọng, khi trước đó tại nơi này người ta cũng đã tìm thấy hơn 10 bảo tháp thế kỷ và các hiện vật có giá trị khác. Theo giám đốc viện văn hóa và khảo cổ Chhattisgarh, ông Rakesh Chaturvedi, đôi dấu chân này biểu tượng cho khám phá đầu tiên của tầm quan trọng như

vậy tại miền trung Ấn Độ cho đến nay.

Những đôi dấu chân là một trong những biểu tượng thời kỳ đầu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Các ngón chân thường được tạo tác có chiều dài bằng nhau, các dấu chân thường mang những dấu hiệu phân biệt chẳng hạn như ở giữa có một pháp luân. Tiến sĩ Bajpai, giám đốc cuộc khai quật của di tích Damroo, giải thích rằng những dấu chân được khai quật gần đây có thể mang theo được, và có lẽ đã từng được Phật tử mang đi vì mục đích thờ phượng. Ngày nay các biểu tượng của dấu chân vẫn được tôn kính tại các tự viện Phật giáo ở Bồ đề Đạo tràng và Nagarjunikon-da.

Di tích Damroo được bao quanh bởi một pháo đài bằng bùn đất hình tròn có niên đại 2,000 năm, được phát hiện sớm hơn so với các dấu chân này.

(Buddhist Door – June 23, 2015)



Dấu chân Đức Phật
Photo: vanishingtattoo.com

NEPAL: Ấn Độ tài trợ để nâng cấp phòng khám y tế cho chư ni ở Nepal

Ấn Độ đã cấp một khoản tài trợ 41 triệu Rupee Nepal để tạo thuận lợi cho việc nâng cấp một phòng khám y tế cộng đồng dành cho chư ni ở Nepal.

Ngày 23-6-2015, ông Ranjit Rae, Đại sứ Ấn Độ tại Nepal và Ni sư Dhammawati Guruma đã đặt viên đá đầu tiên cho việc nâng cấp Phòng khám Y tế Cộng đồng Pháp xứ thuộc Ủy ban Bảo tồn Tịnh xá Pháp xứ (Dharmakirti Vihar).

Việc nâng cấp sẽ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho cộng đồng địa phương, bao gồm việc xây một nhà chứa được 8 giường, các khu y tế và cơ sở lưu trú.

Dự án đang được thực hiện bởi Cục Phát triển Đô thị và Xây dựng của Nepal cộng tác với Ủy ban Bảo tồn Tịnh xá Pháp xứ.

Ủy ban này là một tổ chức thuộc viện xã hội và văn hóa của

cộng đồng Newar ở thủ đô Kathmandu.

Phòng khám Y tế Cộng đồng Pháp xứng được thành lập bởi ban quản trị vào năm 1998 với mục tiêu cung cấp các dịch vụ y tế cho cư dân tại đây và cộng đồng địa phương.

(outlookindia.com – June 24, 2015)

THÁI LAN: Lễ hội Đền nến tại Ubon Ratchthani

Tỉnh Ubon Ratchthani ở Thái Lan đã sẵn sàng cho Lễ hội Đền nến nổi tiếng của mình trong tháng 7 này, đánh dấu sự khởi đầu của khóa tu Mùa chay Phật giáo. Lễ hội diễn ra suốt tháng 7, với đỉnh cao là những đền nến lớn được trang trí dành cho việc cúng dường các chùa địa phương trong Mùa chay Phật giáo.

Từ ngày 18 đến 31-7, các nghệ sĩ quốc tế sẽ dự cuộc thi điêu khắc nến sáp và các tác phẩm của họ sẽ được trưng bày tại quảng trường Thungsrirang ở Ubon Ratchthani.

Các cộng đồng của các Chùa Sripadon, Thungsrirang, Pholphaen... sẽ trình bày cách tạo hình những xe hoa lớn bằng nến.

Vào ngày 31-7, cuộc diễn hành bắt đầu tại Công viên Thung Sri Muang trước Tòa Thị chính, nơi có một cột nến lớn. Tham dự sự kiện này có hơn 50 chùa địa phương, mỗi chùa có một xe hoa.

(The Nation – June 26, 2015)



Đền nến được tạo tác nhân Lễ hội Đền nến tại tỉnh Ubon Rachthani, Thái Lan



Photos: Phoowadon Duangmee

TRUNG QUỐC: Kinh Pháp cổ được tìm thấy gần Bắc Kinh

Một bản Kinh Pháp Hoa cổ đã được tìm thấy tại một khu ngoại ô của Bắc Kinh. Bản kinh được phát hiện này là bản dịch bằng tiếng Hán cổ xưa nhất từng được biết đến.

Được tìm thấy gần Chùa Yunju ở Quận Fangshan, bản kinh nói trên tập trung vào các chủ đề về hòa bình và chung sống hòa hợp, thể hiện cấp độ cao nhất của giáo lý trong triết học Phật giáo.

Đây là bản dịch Hán ngữ hoàn thiện nhất được tìm thấy cho đến nay – là điều đáng hoan hỉ vì những phiên bản khác được phát hiện tại Đôn Hoàng và những vùng khác của Trung quốc chủ yếu là những đoạn kinh không đầy đủ.

Kể từ khi xuất hiện tại Trung Hoa vào thế kỷ thứ 3, kinh Pháp Hoa được xem là một trong những kinh điển lừng lẫy nhất trong giáo luật của Phật giáo Đại Thừa. Đây là lần đầu tiên chúng ta tìm được một phiên bản đầy đủ. Dựa vào bản kinh này, chúng ta có thể theo dõi tác động của nó trong suốt lịch sử của Trung Hoa,” Luo Zhao, nhà nghiên cứu về Tôn giáo Thế giới của Học viện Khoa học Xã hội Trung quốc, nói.

(NewsNow – June 27, 2015)



Bản Kinh Pháp Hoa cổ được tìm thấy tại Fangshan, Trung quốc
Photo: NewsNow

ANH QUỐC: Trung tâm Phật giáo ở Northwich sắp chuyển đến cơ sở mới

Trung tâm Phật giáo Odiyana Kadampa đã hoạt động tại thị trấn Northwich trong gần 17 năm, và hiện nay tọa lạc trên Đường Chester sau khi chuyển đến từ Công viên Witton.

Do nhu cầu phát triển, trung tâm sắp chuyển dời một lần nữa, lần này đến Whitehall, một tòa nhà cấp hai trong danh mục trên Đường School ở làng Hartford. Tòa nhà này đang để trống và được sử dụng vào lần cuối như một trung tâm thương mại và hội nghị.

Trung tâm đang xin phép Hội đồng Tây Cheshire và Chester để thay đổi chức năng của tòa nhà có niên đại từ năm 1835 này thành một trung tâm cư trú cao đẳng và đào tạo Phật giáo.

Mục đích của trung tâm được đề xuất là để cung cấp việc giảng dạy và các lớp thiền định, cung cấp chỗ ở cho những người muốn sống trong một cộng đồng Phật giáo, cung cấp một nơi thờ phụng và một phương pháp giáo dục thích hợp cũng như đào tạo giáo viên thiền và bắt đầu các lớp học mới trên toàn hạt Cheshire.

Không có kế hoạch thay đổi bên ngoài đối với tòa nhà, và 33 chỗ đậu xe sẽ được giữ lại.

(NewsNow – June 27, 2015)



Tòa nhà tại Hartford dành cho trung tâm Phật giáo ở Northwich làm cơ sở mới
Photo: northwichguardian.co.uk

ĐỨC: Con tem kỷ niệm sinh nhật thứ 80 của Đức Đạt lai Lạt ma

Các nhà hoạt động ủng hộ Tây Tạng đã phát hành một con tem mới có ấn bản giới hạn với hình Đức Đạt lai Lạt ma để đánh dấu sinh nhật thứ 80 của ngài.

“Đức Đạt lai Lạt ma rất được tôn quý tại Đức, không chỉ vì ngài đứng lên vì hòa bình và công lý trên thế giới”, Kai Muller, trưởng chi nhánh của Chiến dịch Tây Tạng Quốc tế (ICT) tại Đức, nói. “Chúng tôi muốn chứng tỏ điều đó bằng con tem này và chúng tôi vui mừng vì có thể phát hành nó tại Đức”.

Một phát ngôn viên của Bưu điện Đức nói rằng con tem là một tùy chỉnh in ấn theo yêu cầu của ICT và “không phải là một con tem chính thức của Cộng hòa Liên bang Đức”.

Tuy nhiên, tem này có thể được sử dụng một cách hợp pháp để gửi thư, với mệnh giá 62 cent.

Bất cứ ai quan tâm đều có thể đặt mua nó từ trang web ICT.

(thelocal.de – July 3, 2015)



*Tem mới của Bưu điện Đức in hình Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: thelocal.de*

CANADA: Chi nhánh Hội Phật giáo Từ Tế tại Toronto muốn tạo nên một xã hội nhiều yêu thương hơn

Chi nhánh Hội Phật giáo Từ Tế tại Toronto có hơn 100 tình nguyện viên. Họ phụng sự cộng đồng với 4 nhiệm vụ trong tâm: từ bi, y học, giáo dục và nhân đạo. Đó là một phần của mục tiêu của chi nhánh để tạo cho những người nhập cư tham gia vào các khu phố của mình bằng cách giúp đỡ người khác. Trong khi hành thiện theo tôn chỉ Phật giáo, các hoạt động phục vụ của nhóm này không phân biệt tôn giáo, chủng tộc hay tuổi tác.

Được thành lập gần 12 năm trước, nhóm này đã hoạt động vượt bậc, cung cấp quần áo mùa đông cho trẻ em ở Rexdale, tặng hàng trăm thẻ đi xe TTC cho phụ nữ vô gia cư, và giúp gây quỹ một chương trình xóa mù chữ cho thanh niên Somali... Gần đây họ đã gửi 10 tình nguyện viên sang cứu trợ động đất tại Nepal. Họ xem thách thức lớn nhất của mình là tìm được những sự cộng tác mới và phụng sự được nhiều người và nhiều cộng đồng hơn.

Chi nhánh cũng mở rộng đến các cộng đồng như Waterloo, Kitchener và St. Catharines.

(InsideToronto.com – July 3, 2015)



*Một số hội viên chi nhánh Hội Từ Tế Toronto, những người đoạt giải Người hùng Thành phố 2015 của địa phương này
Photo: Peter C. McCusker*

NHẬT BẢN: Phát hiện tranh hoa Hogose thế kỷ thứ 8 được bảo quản tốt tại ngôi đền Phật giáo ở Nara

Một phần của một bức tranh 1,300 năm tuổi có màu sắc rực rỡ đã được phát hiện trên một trần nhà tại đền Yakushiji trong khi trùng tu nơi đây. Hẳn là do nằm ở vị trí này nên ngẫu nhiên tranh được bảo quản tốt.

"Điều đáng ngạc nhiên là các màu xanh và tím đỏ đã được bảo quản trong tình trạng tốt như vậy", người khảo sát công trình là Akihiko Oyama, một giáo sư về bảo tồn tranh tại trường Đại học Giáo dục Nara, nói.

Hoa mô tả trong tranh được gọi là Hogose, một loài hoa tưởng tượng, tương truyền nở trên cội Niết Bàn. Hoa được tìm thấy trên trần ngôi chùa phía đông của đền Yakushiji, vốn được xây vào đầu thế kỷ thứ 8 và là một bảo vật quốc gia.

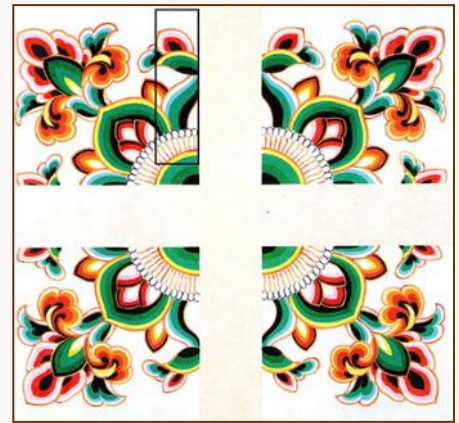
Mặc dù phần lớn bức tranh đã nhạt dần theo thời gian, một phần tranh ở dưới một lưới mắt cáo vẫn giữ được những màu sắc nguyên thủy của nó, rõ ràng là do nó không bị tiếp xúc với không khí, Viện Nghiên cứu Tài sản Văn hóa Quốc gia Nara cho biết trong một bản tin ngày 30-6.

(tipitaka.net – July 4, 2015)



Tranh trần nhiều màu sắc được phát hiện tại ngôi chùa phía đông của đền Yakushiji trong khi trùng tu

Photo: Satoshi Aoki



Một bản phục chế của bức tranh vẽ trên trần của ngôi chùa phía đông thuộc đền Yakushiji. Hình chữ nhật chỉ phần của tranh được phát hiện gần đây. Chữ thập trắng ở giữa tượng trưng cho tâm văn trần.—Photo: Yumi Kurita

BANGLADESH: Tu viện Phật giáo ở Dhaka cung cấp bữa ăn cho người nghèo

Để minh chứng cho thiện chí liên tôn giáo, một tu viện Phật giáo đang cung cấp các bữa ăn iftar (bữa ăn chay sau khi mặt trời lặn, theo truyền thống Hồi giáo) cho hàng trăm người nghèo đói của thủ đô Dhaka.

Tu viện Dhammarajika tọa lạc gần Ga Hỏa xa Kamalapur ở khu Basabo của Dhaka. Kể từ năm 2013, từ 5.30 p.m. hàng ngày, sư trưởng của tu viện là Hòa thượng Suddhananda đã cung cấp những gói thực phẩm trong mùa Ramadan. Bên ngoài chùa, những hàng dài người nghèo, chủ yếu là phụ nữ, nhận những gói iftar từ các nhà sư.

"Hàng ngày chúng tôi thường phân phát 300 gói vật phẩm iftar cho những người Hồi giáo nghèo", Hòa thượng Suddhananda nói. "Đứng bên cạnh người nghèo và người không nơi nương tựa là một công tác tôn giáo. Chúng tôi chỉ đang thực hiện điều này như là một phần của tôn giáo của chúng tôi".

Ông rất tiếc về những sự cố gần đây liên quan đến bạo lực giữa tín đồ Phật giáo và Hồi giáo Bangladesh, và ông kiên định việc thực hiện nhiệm vụ tôn giáo về tôn trọng mọi tín ngưỡng và phụng sự những người dễ bị tổn thương của mình.

(Buddhist Door – July 6, 2015)



*Các tu sĩ Phật giáo cung cấp bữa ăn iftar cho người Hồi giáo tại Dhaka—
Photo: ucanews.com*

CAM BỐT: Các nhà hoạt động và chư tăng đốc thúc các nhà lập pháp cứu khu rừng đang bị hủy diệt

Vào ngày 6-7-2015, khoảng 100 nhà hoạt động, bao gồm các tu sĩ Phật giáo, đã tập trung trước Quốc hội Cam Bốt để yêu cầu các nhà lập pháp và Cục Lâm nghiệp của nước này có hành động chống lại nạn khai thác gỗ bất hợp pháp trong khu rừng Prey Lang đang bị hủy diệt.

Các nhà hoạt động mang theo các kiến nghị kêu gọi sự ngăn chặn đối với sự phá hủy khu rừng này, vốn trải dài qua 5 tỉnh phía bắc, nhưng cả Đảng Nhân dân Cam Bốt (CPP) cầm quyền lẫn Đảng Cứu quốc Cam Bốt (CNRP) đối lập đều không phớt lờ các nhà lập pháp tiếp nhận chúng, mặc dù trước đó đã có lời bảo đảm.

Là một phần của cuộc biểu tình nói trên, các nhà hoạt động cũng đã diễn hành đến văn phòng của Thủ tướng Hun Sen và Cục Lâm Nghiệp, và các nhà sư đã trưng ra 5 máy cửa xích mà họ nói đã bị tịch thu từ bọn khai thác gỗ bất hợp pháp tại rừng Prey Lang.

(rfa.org – July 6, 2015)



*Chư tăng Cam Bốt mang theo các cửa xích bị tịch thu từ bọn phá rừng, như là một phần của cuộc biểu tình trước văn phòng Cục Lâm nghiệp
Photo: RFA*

ANH QUỐC: 'Vị khách nổi tiếng nhất' của Chùa Buddhpadipa

Đối với Novak Djokovic, tay vợt số một của giải Wimbledon, thì một trong những phương cách giúp vượt qua những khắc nghiệt tinh thần của môn quần vợt là thiền định theo truyền thống.

Tay vợt người Serbia này là vị khách thường xuyên đến Chùa Bhuddapadipa gần Cầu lạc bộ Quần vợt Toàn Anh quốc ở quận Wimbledon, tây nam Anh quốc.

Là người hướng dẫn các lớp thiền định tại chùa Buddhapadipa, nhà sư Phramaha Bhatsakom Piyobhaso cho biết tay vợt số một là khách viếng gần đây trong những năm qua.

Ông nói, "Anh ấy là một vị khách trong một thời gian dài. Có lẽ anh là vị khách nổi tiếng nhất mà chúng tôi có. Anh ấy sẽ dành khoảng 1 hoặc 2 giờ tại đây và từng đề cập trong một cuộc phỏng vấn rằng anh thường đến đây để tìm sự tự tại và phát triển sự tập trung".

(5 live Breakfast – July 10, 2015)



*Novak Djokovic
Photo: fansshare.com*



*Chùa Buddhpadipa
Photo: geograph.co.uk*

MIẾN ĐIỆN: Dừng 5 dự án xây dựng gần Chùa Shwedagon

Ngày 6-7-2015, chính quyền Miến Điện đã thông báo sẽ dừng 5 nhóm công trình xây dựng bất động sản gây tranh cãi ở gần chùa Shwedagon, vốn được xem là một di sản văn hóa cổ xưa và là địa điểm Phật giáo nổi tiếng nhất của đất nước.

Nhiều cuộc biểu tình, thường do tu sĩ Phật giáo dẫn đầu, đã diễn ra để ngăn chặn các dự án này, vốn bị những người biểu tình cho là có nguy cơ gây thiệt hại và làm ô nhiễm ngôi chùa vàng Shwedagon.

Các chuyên gia cho rằng dự án cần được xem xét vì nó sẽ có tác động đối với ngôi chùa, và kiến nghị Chính phủ hủy bỏ dự án.

Ủy ban Đầu tư và Bộ Quốc phòng Miến Điện, là các sở hữu chủ đất của trường Đại học Công lập Yangon Dagon trước đây và của Tiểu đoàn Xe Số 1, cũng đề nghị dừng các dự án này.

Vào tháng 1-2015, Ủy ban Đầu tư Miến Điện đã đình chỉ 5 dự án xây dựng bất động sản nói trên trong một tháng do chúng bị khiếu nại về vị trí gần với chùa Shwedagon và do những quan ngại về chiều cao của chúng.

(Mizzima – July 8, 2015)



*Chùa Shwedagon
Photo: Mizzima*

NHẤT THỪA ỦNG HỘ HÒA BÌNH

HT. TS. WALPOLA SRI RAHULA

Hiệu Trưởng Danh Dự, Đại Học Keleniya, Sri Lanka

*Người dịch: **Nguyễn Hạnh**, học tăng Ấn Độ*

[Bài báo này đã được in Bản Lưu: Hội Nghị Quốc Tế Lần III của Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới, (Đài Loan, Cộng Hòa Trung Hoa, 1-7/12/1981), tr. 32-35; và cũng được in lại trong Con Đường Của Đức Phật (Colombo: Cơ Quan Trung Ương của Hội Ai Hữu Thế Giới Của Phật Giáo Tích Lan, Lễ Vesak Hàng Năm, 1982), tập V, tr. 41-44.]

Vạn pháp đều quy tụ trong Phật ngôn và lời chỉ dẫn cho Đời Sống Thánh Thiện, và sau đây cố gắng giải thích sao chỉ có một Pháp lại phác thảo nên Đạo lộ dẫn đến nơi thanh tịnh và hòa bình tuyệt đối.

Trong cuộc đời của Đức Phật, lời dạy của ngài theo từng trường hợp được biết như Phật ngôn (Buddhavacana), Thông điệp của Phật hoặc Phật pháp (Buddhasasana), Thông điệp của bậc Đạo Sư hoặc Giáo lý của Phật (Sattusasana), Sasana có nghĩa là Thông điệp hoặc giáo lý, hoặc Dhamma có nghĩa là Giáo pháp hoặc Chân lý. Vào thời đó không có gì gọi là Thượng Tọa Bộ (Theravada) và Đại Thừa (Mahayana). Theo các bộ sử ký cổ đại của Tích Lan như Đảo Sử (Dipavamsa, thế kỷ thứ IV), Đại Sử (Mahavamsa) và Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa (Samantapasadika) các thuật ngữ 'Theravada,' 'Theriya' hoặc 'Therika' lần đầu tiên được đưa vào lịch sử Phật giáo sau Cuộc Kết Tập Lần I, được tổ chức tại thành Vương Xá (Rajagaha hoặc Rajagriha) ba tháng sau khi Đức Phật nhập diệt. Trong Cuộc Kết Tập này, có 500 vị A La Hán tham dự, những đệ tử Đức Phật, do Đại Ca Diếp làm chủ tọa, toàn bộ lời dạy của Phật, cả Pháp và Luật, được kết tập suốt bảy tháng và nhất trí chấp nhận là giáo pháp chân thật của bậc Đạo Sư. Điều được tán thành và nhất trí tại Cuộc Kết Tập này gọi là Thượng Tọa Bộ (Theravada), Truyền thống Thượng Tọa (Theriya hoặc Therika).

Đại Thừa xuất hiện vài thế kỷ sau, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch, và hầu hết kinh điển Đại thừa sơ kỳ được biên soạn khoảng vài thế kỷ sau đó. Nhưng Đại Thừa được thảo luận tỉ mỉ và trình bày rõ ràng chính xác như một hệ thống triết học Phật Giáo bởi

hai đại Luận sư, được xem như người sáng lập hai tông phái chính của Đại Thừa: **Long Thọ** (thế kỷ thứ II) thiết lập hệ thống Trung Quán với tác phẩm nổi tiếng, *Trung Quán Luận Tụng* (Mulamadhyamakakarika), triết lý Tánh Không được thảo và tìm thấy bình luận về kinh Bát Nhã (Prajnaparamita); **Vô Trước** (thế kỷ thứ IV) thiết lập hệ thống Du Già Hành Tông – Duy Thức Tông với kiệt tác *Du Già Sư Địa Luận* (Yogacarabhūmisāstra), gồm có 17 quyển.

Ở đây việc làm sáng tỏ các thuật ngữ Thượng Tọa Bộ (Theravada), Tiểu Thừa (Hinayana) và Đại Thừa (Mahayana) đáng làm và hữu ích. Hinayana và Mahayana không được biết đến trong văn học Pali của Thượng Tọa Bộ. Chúng không tìm thấy trong Thánh điển Pali cũng như trong các bộ Luận về Tam Tạng, ngay cả trong các bộ Sử Ký của Tích Lan, Đảo Sử và Đại Sử.

Điều được các học giả nhất trí công nhận rằng thuật ngữ Hinayana và Mahayana là sáng kiến của tín đồ Đại Thừa về sau. Theravada không bao gồm vào trong cả hai lối phân chia này. Về mặt lịch sử nói chung, Theravada đã có lâu trước

khi hai thuật ngữ trên xuất hiện. Cũng như thế thuật ngữ Theravada này, được xem là giáo lý nguyên thủy của Đức Phật, được truyền đến Tích Lan và tiếp lập vững chắc ở đó vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch trong thời đại Hoàng đế A Dục ở Ấn Độ. Không có Mahayana tức không có Hinayana. Phật giáo truyền đến Tích Lan, cùng với Tam Tạng và các bộ Luận được phê chuẩn và công nhận bởi Cuộc Kết Tập Lần III vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, vẫn còn giữ nguyên vẹn ý nghĩa thuật ngữ Theravada, không đưa vào bối cảnh tranh luận Hinayana và Mahayana phát triển về sau ở Ấn Độ. Do đó, dường như không chính đáng khi bao gồm Theravada vào cả hai phạm trù này. Tuy nhiên, sau lễ khai mạc Hội Ai Hữu Phật Giáo Thế Giới tại Tích Lan vào năm 1950, người thạo tin, cả ở Đông phương và Tây phương, dùng thuật ngữ Theravada, và không phải Hinayana, để chỉ cho hình thức Phật giáo đang thịnh hành ở các nước Đông Nam Á như Miến Điện, Cam Pu Chia, Tích Lan và Thái Lan. Vẫn còn vài người



dùng thuật ngữ Hinayana xem như lỗi thời. Quả thực, không có bộ phái Hinayana như một giáo đoàn riêng biệt được biết còn tồn tại đến ngày nay bất cứ nơi nào trên thế giới.

Tại Hội Nghị Quốc Tế Lần I của Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới tổ chức ở Colombo, Tích Lan, tháng Giêng 1967, theo yêu cầu của Tổng thư ký sáng lập, Trưởng lão Pandita Pimbure Sorata, tôi trình bày theo thể thức ngắn gọn vì sự hợp nhất giữa Theravada và Mahayana, đã được toàn thể chấp nhận. (hiện nay các luận điểm ngắn này được in như Phụ lục IV trong tác phẩm *Di Sản của Tỳ Kheo của tôi*, Grove Press, New York, 1974)

Các luận điểm này được ghi lại rõ ràng như sau:

1. Dù các bộ phái, giáo phái hoặc hệ thống của chúng ta, với tư cách Phật tử tất cả chúng ta công nhận Đức Phật là bậc Đạo Sư, ngài trao cho chúng ta Giáo Pháp.

2. Tất cả chúng ta quy y Tam Bảo: Phật, bậc Đạo Sư; Pháp, lời dạy của Phật; và Tăng, Cộng đồng Thánh chúng. Nói cách khác, chúng ta quy y bậc Đạo Sư, Giáo Pháp, và Được dạy bảo.

3. Dù Thượng Tọa Bộ hay Đại Thừa, chúng ta không tin rằng thế giới này được tạo dựng và thống trị bởi đấng tạo hóa theo ý chí của ông.

4. Theo gương của Phật, bậc Đạo Sư của chúng ta, ngài là hiện thân của Đại Bi (mahakaruna) và Đại Trí (mahaprajna), chúng ta xem đó như mục đích sống để phát triển bi mẫn đến tất cả chúng sinh không có phân biệt và làm việc vì lợi lạc, hạnh phúc, hòa bình của họ; và phát triển trí tuệ dẫn đến nhận thức Chân lý Tuyệt đối.

5. Chúng ta công nhận Tứ Thánh Đế do Đức Phật giảng dạy, đó là, Khổ (Dukkha), sự thật cuộc sống của chúng ta trong thế gian này trong tình trạng khó chịu, vô thường, bất toàn, bất mãn, tràn ngập mâu thuẫn; Tập (Samudaya), sự thật tình trạng này của công việc do tính vị kỷ căn cứ trên ý kiến sai về ngã; Diệt (Nirodha), sự thật hiển nhiên có khả năng giải thoát, giải phóng, miễn trừ khỏi tình trạng khó chịu qua việc nhổ bật gốc rễ toàn bộ tính vị kỷ; và Đạo (Magga), Sự thật sự giải thoát này có thể thành tựu qua Trung Đạo, đó là Bát Chánh Đạo, dẫn đến viên mãn về giới (sila), Định (samadhi), và Tuệ (panna).

6. Chúng ta công nhận luật nhân quả của vạn vật được dạy trong lý Duyên khởi hoặc Nhân Duyên (Paticcasamuppada (Pali), Pratityasamutpada.), và vì vậy chúng ta thừa nhận vạn vật là tương đối, phụ thuộc lẫn nhau và tương quan với nhau và không có gì là tuyệt đối, thường hằng và bất diệt trong thế giới này.

7. Chúng ta hiểu, theo giáo lý của Phật, tất cả pháp hữu vi (samkhara) là vô thường (anicca), bất toàn và khổ đau (dukkha), và tất cả pháp hữu vi và vô vi là vô ngã (anatta).

8. Chúng ta công nhận Ba Mươi Bảy Phẩm Trạo Đạo (bodhipakkhiyadhamma) là những phương diện khác nhau của Đạo để do Đức Phật giảng dạy dẫn đến Giác Ngộ, đó là:

- Tứ Niệm Xứ (Pali: satipatthana; Skt. smṛtyupasthana);

- Tứ Chánh Cần (Pali: sammāpadhana; Skt. samyakpradhana);

- Tứ Như Ý Túc (Pali: iddhipada; Skt. rddhipada);

- Ngũ Căn (indriya): Tín (Pali: saddha; Skt. śraddha), Tấn (Pali: viriya; Skt. virya), Niệm (Pali: sati; Skt. smṛti), Định (Pali và Skt. samadhi), Tuệ

(Pali: panna; Skt. prajna);

- Ngũ Lực (bala, năm đặc tính tương tự ở trên);

- Thất Bồ Đề Phần (Pali: bojjhanga; Skt. bobhyanaga);

- Bát Chánh Đạo (Pali: ariyamagga; Skt. aryamarga).

9. Có ba con đường chứng đạt Giác Ngộ (Bodhi) theo khả năng và căn tánh của mỗi người: đó là, Thanh Văn (Sravaka), Duyên Giác (Pratyekabuddha) và Chánh Đẳng Chánh Giác (Samyakasambuddha). Nếu chúng ta có thượng căn, thánh thiện và đồng mãnh nhất thì theo công hạnh của một vị Bồ tát và thành Chánh Đẳng Chánh Giác để cứu độ kẻ khác. Nhưng ba bậc Giác ngộ này cùng đi trên một Đạo lộ, chẳng phải khác đường. Thật vậy, Kinh Giải Thâm Mật (Sandhinirmocana-sutra), một kinh Đại thừa rất quan trọng, nói rõ ràng và dứt khoát rằng những hành giả theo con đường Thanh Văn thừa (Sravakayana), hoặc Duyên Giác thừa (Pratyekabuddhayana) hoặc Như Lai thừa (Đại thừa) chúng đắc Niết Bàn vô thượng qua cùng một Đạo lộ, con đường này dành cho tất cả hành giả và chỉ có duy nhất một Thanh Tịnh Đạo và chỉ có một sự Thanh Tịnh duy nhất, không có cái thứ hai, và chúng không phải những con đường và sự thanh tịnh khác nhau, Thanh Văn thừa và Đại thừa tạo thành Nhất thừa (ekayana) không có thừa khác nhau và riêng biệt.

10. Chúng ta công nhận ở các nước khác nhau có sự khác nhau liên quan đến cách sống của tu sĩ Phật giáo, tín ngưỡng, lễ nghi, nghi thức, nghi lễ, phong tục và tập quán của Phật tử bình dân. Tất cả biểu hiện và hình thức bên ngoài này không nên lẫn lộn với những giáo lý của cốt tủy của nhà Phật.

Nhưng đối với đa số người thất học và lạc hậu, mê tín, sùng bái, hướng đến thần linh là một phần trong tôn giáo của họ. Những tín ngưỡng và sùng bái đó nên được nhìn nhận một cách thông thoáng theo giá trị tương đối của chúng. Chấp thủ lễ nghi và giới cấm thủ (silabbata-paramasa) là yếu đuối, ràng buộc, và xiềng xích (samyojana) hành giả muốn tiến lên theo Đạo lộ dẫn đến trực ngộ Chân lý tuyệt đối, Niết Bàn. Không chỉ chấp thủ giới cấm thủ, nghi lễ và nghi thức, mà còn chấp thủ về tư tưởng, quan điểm, niềm tin, và học thuyết (dhamma-tanha) làm chướng ngại tâm hành giả thấy và biết vạn pháp như thị (yathabhata). Đây là chướng ngại không chỉ cho trực ngộ Chân lý, mà còn cho việc thành tựu hòa hợp và hòa bình giữa các dân tộc.

Phật giáo không phải là tôn giáo nhuộm màu sắc tộc. Nó vượt qua tất cả sắc tộc, chủng tộc hoặc giới hạn và biên giới quốc gia. Nó không mang theo bất kỳ lối sống, phong tục hay tập quán từ một lãnh



thổ hoặc nước này đến nước khác. Phật giáo, trong khi làm ảnh hưởng sâu sắc khắp các nước Á châu, nơi nó truyền bá và được thiết lập và được đón nhận một cách tự nhiên, hòa nhã đối với văn hóa của các lãnh thổ và quốc gia đó. Do vậy, có tính chất bất đồng về văn hóa Phật giáo—khác nhau về nghệ thuật và kiến trúc, khác nhau về tượng Phật, khác nhau về y phục của tăng sĩ, khác nhau về nghi thức và nghi lễ—từ Tây Tạng ở phía bắc đến Tích Lan ở phía nam, từ Ấn Độ ở phía tây Ấn Độ đến Nhật Bản ở phía đông. Vẫn còn sự thống nhất về Pháp cốt lõi xuyên suốt tất cả khác biệt bên ngoài, liên kết chúng với nhau như sợi chỉ xuyên suốt những hạt có màu sắc khác nhau của tràng hạt. Phật Pháp, Chân lý, chỉ có một và giống nhau. Hình thức bên ngoài có nhiều và khác nhau.

Các thành viên Tăng đoàn Phật giáo không nên bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng gây hấn và cuồng tín đang xảy ra một vài nơi trên thế giới ngày nay. Tăng già phải duy trì chân giá trị và đứng mãnh theo truyền thống Phật giáo đã được thiết lập từ xa xưa, thấu hiểu và bao dung. Trong chiều dài lịch sử 2500 năm của Phật giáo chưa từng có chiến tranh hoặc khủng bố nào để cải đạo người dân. Tự sĩ Phật giáo truyền bá Phật pháp khắp châu Á, và hiện nay họ truyền bá pháp Phật ở những vùng khác trên thế giới cũng như vậy, luôn luôn hòa bình, thông qua sức thuyết phục giáo lý, bao dung, thái độ lịch thiệp hiền hòa vô hại. Các thành viên Tăng già có thể làm gương cho thế giới về phương diện này.

Ngày nay nhân loại đang bị đe dọa có thể xảy ra chiến tranh hạt nhân, nó có nghĩa là sự phá hủy không thể tưởng tượng, chưa hề thấy và đau khổ khắp thế giới. Hai siêu cường quốc đang đe dọa nhau và đang vung ra vũ khí tiêu diệt hiện đại và mới nhất. Người nắm quyền lực trên thế giới dường như không có sức mạnh tinh thần. Chỉ có tiếng nói của quần chúng có tổ chức phúc lợi khắp thế giới mới có thể mang họ trở lại tinh thần lành mạnh. Có hơn một triệu thành viên Tăng đoàn Phật giáo trên thế giới ngày nay, cả Thượng Tọa Bộ và Đại Thừa. Họ có tầm hướng lớn khắp quần chúng. Đó là bốn phận phải làm của Tăng đoàn Phật giáo là truyền bá thông điệp tử bi và trí tuệ trong người dân để đạt được hòa bình thế giới. Sự giúp đỡ của tôn giáo có ý nghĩa to lớn để thúc đẩy thấu hiểu, hòa hợp, hòa bình và hạnh phúc trong người dân, và không gán bắt cứ nhãn hiệu tôn giáo nào để chung lưng đấu cật với nhau.

Nguyên Hạnh, học Tăng Ấn Độ dịch



RỜI CŨNG QUA ĐI

*rời cũng qua đi
năm tháng mệt nhoài
trong cuộc đời buồn
buồn chẳng riêng ai*

*rời cũng qua đi
năm tháng lạnh lùng
tiếng đàn buồn chậm
cuộc tình mong lung*

*rời cũng qua thôi
con đường diệu vợi
lối về mịt mù
bầu trời lao lung*

*rời cũng qua đi
bao nhiêu muộn phiền
đời ta lữ khách
mỏi bóng vô biên*

*rời cũng qua thôi
bao nhiêu nhọc nhằn
trần gian trao tặng
chết cùng ăn năn*

*rời cũng qua đi
năm tháng bẽnh bồng
đời ta một thoáng
chết cùng hư không*

*rời cũng qua đi
mùi hương bóng mộng
nửa đời ngơ ngán
sống cùng hư không.*

TIÊU HAO

*ngày qua không trở lại
đời thanh xuân hắt mòi
bóng chiếc, con đường dài
hư vô không đợi ai
tình nghiêng con trầm thống
sống dư thừa bên mộng
ta tiêu hao nổi lòng
con đã tròng biển Đông.*

thơ

PHÙ DU

ĐI CHÙA, ĐẾN CHÙA VÀ VỀ CHÙA

Điều Ngự Tử Tín Nghĩa



Tiêu đề trên đây đều có chữ Chùa, tuy thế nó khác nhau những chữ *Đi*, *Đến* và *Về* mà thôi. Mỗi nhìn vào, thì tưởng rằng nó giống nhau, nhưng thật ra nó hoàn toàn khác hẳn. Chúng tôi xin tuần tự giải thích theo sự hiểu biết và kinh nghiệm chính bản thân chúng tôi hành đạo đã lâu từ quê nhà cho đến ngày hội nhập với xã hội mới Hoa Kỳ vào tháng 09 năm 1979.

1.- Vấn đề Đi Chùa:

Thông thường, mỗi khi mọi người có mặt ở bất cứ một ngôi chùa nào đó, đều gọi chung một tiếng là Đi chùa. Và chữ Đi Chùa thì thông dụng hơn hết, nhưng vô cùng phức tạp... Thật sự ở đây, chúng tôi thấy nó khác. Ví dụ: Có một đôi trai gái nào đó quen nhau đã lâu, nhưng nơi ở khác nhau, có thể là khác tiểu bang hay khác quốc gia. Cậu con trai không phải là Phật tử, cô con gái lại là Phật tử thuần thành. Khi cô ta có ý định đến thăm chàng trai quen biết ấy, câu đầu tiên cô ta hỏi:

- Vùng anh đang ở có ngôi chùa nào gần đó không anh?

Anh ta trả lời:

- Có.

Cô bảo:

- Chuyển này, anh đưa em đi viếng chùa, trước lễ Phật, sau để biết chùa luôn thể.

Thế là, cô ta đến thăm người yêu và được anh ta dẫn đi chùa.

Vừa đến chùa, anh bảo:

- Em vào thắp hương cúng Phật, lạy Phật, anh ở ngoài này, vì anh có đạo...

Cô ta lúi thủi vào chùa một mình, chàng trai thì đứng nhìn trời mây hay những ngôi nhà chung quanh không định hướng; chỉ chờ cô nàng ra là chờ đi chơi hay về nhà.

Như thế, chúng ta đều thấy rõ là cả hai người cùng đi chùa, nhưng mỗi người một ý hướng. Anh chàng trai cũng đi chùa, nhưng không quan tâm, mà anh ta chỉ vì người yêu.

2.- Vấn đề Đến Chùa:

Thông thường, dù là Phật tử hay không Phật tử, thỉnh thoảng nghe chùa có lễ, hoặc lâu lâu muốn đổi không khí thì đến chùa.

Vào chùa, cũng thăm hỏi mọi người, cũng lên chánh điện thắp hương cúng Phật, lễ Phật là xong bốn phận.

Xuống nhà trù hoặc ra vườn ngoạn cảnh, trực thấy vị trú trì Tăng hoặc Ni (*hay những vị trong Ban trị sự, hộ tự...*) đang hý hoáy làm việc, thì họ lại buông thả một câu ngon ơ, mặc dầu chính họ đã thấy vị trú trì hay thủ tự đứng trước một đồng rác ngổn ngang, trước những đồng gạch vụn... mà vẫn hỏi:

- Thầy (*Sư cô, hay bác...*) làm gì vậy? Không có

ai đến phụ giúp há? Hỏi thì hỏi vậy, nhưng mặc kệ cho những vị ấy cứ cong lưng tự làm, mà chẳng đưa tay ra phụ tiếp sức. Vô tình đến thế là cùng. Đó là những vị đến chùa. Vì trong tâm tưởng của họ, những việc trong chùa không dính dấp gì đến họ, thì phải...

3.- Vấn đề Về Chùa:

Những người con Phật, dù sinh sống bất cứ nơi đâu, nhưng trong tâm tư vẫn nghĩ về ngôi chùa. Điều này rất xác đáng là:

Sau tháng Tư đen của năm 1975, người con Phật mang tâm trạng lưu đầy xa xứ. Khi đến vùng đất mới bất cứ một quốc gia nào trên thế giới để nhận làm quê hương thứ hai. Họ phải bắt đầu cho cuộc sống hiện đang mới lạ. Người con Phật ấy, không ai bảo ai vừa mưu sinh cho bản thân, cho gia đình thì họ đã hội tụ nhau lại cùng nghĩ về một ngôi chùa cho nhau để có nơi nương tựa tinh thần. Ban đầu họ góp nhặt theo sự hỷ cúng tùy tâm không đồng đều của họ để tạm thuê nhà cải gia vi tự, rồi lần lần mua để làm gia bảo nhà Phật. Họ đi đúng câu ngạn ngữ của Pháp là: *"từng chiếc rác một, từng chiếc rác một lần lần con chim sẽ làm được cái tổ của nó."*

Thật vậy, ngày nay trên thế giới đều có những ngôi chùa hoặc nho nhỏ đơn sơ hoặc to lớn như quê nhà. Hàng con Phật Về Chùa chung lưng đấu cật tu tập theo giáo lý Phật Đà, cùng xây dựng ngôi già lam ngày một khang trang dù ngôi chùa ấy có vị sư chân đất tinh thần hay không. Họ gánh chịu sự thịnh suy của ngôi chùa ấy. Đó là tinh thần Về Chùa vậy.

Tuy thế, thông thường người ta hay nói:

- Phật tử thì nhiều mà con Phật thì ít.

Tại sao vậy?

Vì cũng có một hạng mang danh Phật tử, cũng Về Chùa như mọi người; nhưng khi về tới chùa rồi, thấy những Phật tử làm công quả, làm Phật sự thì đứng nhìn, rồi còn sang tai nói nhỏ:

- Sao, Anh, chị lại đi làm việc ấy, mất thể diện sao!

Những người làm Phật sự, công quả chỉ mím miệng cười mà không trả lời, hoặc giả có trả lời thì chỉ có niệm: A Di Đà Phật.

Những công quả họ thường làm như phụ giúp quý thầy cô, ban trị sự như dọn dẹp những việc vặt, nấu nướng, đổ rác, cắm hoa, lau bàn Phật, hương đăng; có khi phát nguyện chùi dọn các phòng vệ sinh... Họ không hiểu được rằng: *"Phước Huệ Song Tu."*

Đúng là như thế. Không có một ngôi chùa nào trên thế giới mà vạn sự đều yên tịnh được. Trong số Về Chùa, rồi cũng có những thành phần mượn đạo tạo đời.

Người con Phật chúng ta khi hiểu giáo lý tương đối rất ráo, thì làm thế nào để phù hợp với lời kinh,

tiếng kệ mỗi khi đứng trước Bảo điện để tụng niệm và phát lên lời nguyện rằng:

... "Khi bệnh thì nguyện làm được liệu chữa cơn trầm trọng. Thời đói thì hóa làm thóc lúa cứu kẻ đói nghèo..."

Hình ảnh phát nguyện để làm được như vậy thì mới mong:

... "Nơi nơi dựng cờ Chánh pháp, lớp lớp phá lưới hoài nghi, chiến thắng loài ma, thừa kế dòng Phật..."

Sau những ý kiến thô thiển trên đây về ba vấn đề: **Đi chùa, Đến chùa và Về chùa**, hy vọng rằng ai ai cũng là con Phật cả, nên tất cả đều là Về Chùa thì vui biết mấy. Và để tránh một vài tình trạng đáng tiếc xảy ra, chúng tôi xin mạo muội sưu tầm hai phần đối chiếu dưới đây kính gởi đến quý Phật tử chúng ta cùng chia xé và xin kết thúc bài viết ở đây.

* * *

Mười (10) Đi Chùa Đúng Mục Đích:

1. Có điều kiện học hỏi chư Tôn đức Tăng ni để trau dồi Đạo đức của chính mình,
2. Nghe giảng pháp và giới luật đã cầu thọ,
3. Cúng dường Tam Bảo và Chúng Tăng,
4. Tu tập các hạnh: Thọ Bát quan trai giới, cầu thọ Tam quy Ngũ giới,
5. Tụng kinh, bài sám, niệm Phật, ngồi thiền, ...
6. Thích cảnh Thanh tịnh, Trang nghiêm, ...
7. Thích gần gũi bạn hiền, thiện hữu tri thức,
8. Cầu nguyện để làm cho con người của mình tốt hơn, có nhiều cơ duyên để phụng sự Đạo pháp,
9. Làm Phật sự, không bàn Thế sự,
10. Với tâm cầu An lạc, Giải thoát và Giác ngộ.

Mười (10) Đi Chùa Sai Mục Đích:

1. Để chứng tỏ rằng: Mình là người mộ đạo, ngoan đạo,
2. Để cầu xin Trời Phật ban những mối lợi dưỡng hữu ích cho riêng cá nhân mình, gia đình mình,
3. Để tìm ý trung nhân,
4. Để cho người khác tội nghiệp mà bố thí,
5. Để cho người khác tin tưởng rằng: Mình là người Đạo đức, từ đó gây dựng uy tín để dễ bề làm ăn, dễ bề lợi dụng ý đồ đen tối của mình và dễ dàng liên kết bề phái để tìm cách xuyên tạc người khác hoặc phá hoại sự hòa hiệp đoàn kết trong chùa,
6. Để cầu vui, vì không muốn cô đơn, dễ dàng kết thân với bạn bè mới, với tâm ý đen tối, mờ ám, ...
7. Để tìm đối tác cho công việc làm ăn của mình,
8. Để nương tựa lợi dưỡng của chùa và của bá tánh,
9. Để xin xá tội những việc làm sai trái của mình và để có thể tiếp tục làm sai trái tiếp,
10. Vì mê tín dị đoan, tu học sai Chánh pháp.

Trọng thu Ất mùi - July 10, 2015

CHỮ KHÔNG

Thôi rồi,
tôi chẳng là tôi
Cũng như em,
đã lần hồi mất-quên
Tương-thương-thân-nghiệp-sâu-bền
Khói hương bay, giữa miếu đền: chữ không...!

GIỌT HƯƠNG TÌNH

Hỏi ta, rằng đến bao giờ
Câu thương hải chảy tràn bờ tử sinh
Nghiệp từ sơ ngộ điêu linh
Cảm thương, thấm: giọt hương tình nhiều khê...

CUỐI CÙNG, BIỆT TẮM

Nẻo về, ngút cánh chim xa
Nẻo đi, nhớ bóng quê nhà hanh hao
Nẻo người, đất rộng trời cao
Nẻo tâm, thịnh nộ máu đào chẻ đôi
Nẻo em, trăm ngả thề bồi
Nẻo ta, quanh quẩn luân hồi tử sanh
Nẻo thơ, chữ nghĩa vận hành
Nẻo thương, chấp vạ ngọn ngành dỏ dang
Nẻo đời, còn lại chắm than
Nẻo tình, khắp báo hai hàng lâm chung
Nẻo nào đặt trước dây cung
Đầu tên, mũi đạn, cuối cùng: biệt tằm...

thơ

XUYÊN TRÀ





LỚN LÊN TRONG MÊ LẦM

Thiền sư Bankei
Thích Nữ Trí Hải dịch

Cái mà mọi người hấp thụ từ nơi cha mẹ chỉ là Tâm Phật bất sinh. Nhưng vì cha mẹ bạn không nhận ra điều ấy, nên bạn cũng bị mê lầm, rồi chính bạn lại trưng bày cái mê lầm này ra khi nuôi dạy con cái bạn. Cả đến vú nuôi và những người giữ trẻ cũng ưa nổi nóng, mọi người quan hệ đến việc nuôi dạy trẻ đều trưng ra mọi kiểu hành xử mê muội, như ngu si, ham muốn ích kỷ, và thói giận dữ của loài tu la (quỷ chiến đấu). Khi lớn lên, bị bủa vây bởi những người si mê như vậy, trẻ em thường phát triển một loạt thói xấu tệ nhất, trở nên rất dễ bị mê muội và biến thành những người không giác ngộ. Lúc ban sơ khi mới sinh, quý vị không có si mê. Nhưng vì những lầm lỗi của những người nuôi dạy bạn, mà một con người vốn ở trong Tâm Phật lại biến thành chúng sinh kém giác ngộ số một. Đây là điều mà tôi chắc chắn tất cả quý vị đều biết với kinh nghiệm bản thân.

Khi bạn mới sinh, cha mẹ không cho bạn bất cứ mê lầm nào như thói xấu, dục vọng ích kỷ. Nhưng về sau, khi ra giữa đời bạn mới lượm lặt đủ thứ si mê dần dần trở thành những thói hư tật xấu, làm cho bạn không thể không thành ra người mê muội. Cái mà bạn không lượm nhặt từ bên ngoài, chính là Tâm Phật bất sinh, và ở đây không hiện hữu một si mê nào. Vì tâm Phật chiếu sáng một cách kỳ diệu, nên bạn có thể học hỏi đủ thứ, ngay cả những hành vi lầm lạc. Nhưng cũng vì nó chiếu sáng kỳ diệu, mà khi nghe điều này, bạn sẽ quyết định không si mê nữa, từ đây trở đi sẽ chấm dứt tạo nên mê lầm và sẽ an trú trong Tâm Phật bất sinh. Cũng hết như khi trước bạn siêng năng tập tành thói si mê, làm cho mình trở thành mê muội thể nào, thì bây giờ bạn cũng sẽ áp dụng chính cái khả năng ấy để lắng nghe và chấm dứt si mê. Đây là điều kỳ diệu về Tâm Phật. Hãy lắng nghe, rồi bạn sẽ thấy sự quý báu của tâm Phật. Khi đã thấy không gì bằng cái Tâm Phật quý báu này, thì dù bạn có muốn si mê trở lại cũng không thể được!

Chính vì không nhận ra sự quý báu của tâm Phật mà bạn sa vào ngã chấp tạo ra đủ thứ si mê lầm lạc làm hại mình. Tuy thế, những mê vọng ấy đối với bạn lại quý báu đến nỗi tất cả các bạn đều muốn mê, dù có phải vong mạng! Thật điên rồ, phải không? Vì không thể cưỡng lại những thức bậc thấp kém do dục vọng ích kỷ phát sinh, bạn trở thành mê si. Tất cả các mê lầm đều từ đây mà ra cả.

Ai cũng cho rằng cái lỗi hành xử mà họ thích là do bẩm sinh đã vậy, nên không thể nào sửa đổi. Họ không bao giờ nói kỹ thực họ sa vào thói chấp ngã là do dục vọng ích kỷ, cứ bám lấy những thói xấu mà họ ưa thích. Trái lại, họ cố làm ra vẻ thông minh, bảo rằng cái nghiệp bẩm sinh của họ đã vậy. Cái mình không nhận từ cha mẹ mà lại gán cho cha mẹ, đó là đứa con đại bất hiếu. Có ai mới sinh ra

đã nghiện rượu, cờ bạc, trộm cướp và có sẵn những thói hư tật xấu không? Không ai cả. Nhưng một khi bạn đã nhắm nháp hơi men, thì sẽ nhanh chóng phát triển thành thói nghiện rượu, rồi vì ham muốn ích kỷ, bạn không thể dừng uống, cũng không nhận ra được mình đã mê lầm. Đó chỉ là sự điên rồ mới bộc phát, bạn không có lý do nào để tuyên bố nó là bẩm sinh để đổ thừa cho cha mẹ!

Khi nghe điều này, tôi mong tất cả quý vị từ nay trở đi hãy an trú trong Tâm Phật Bất sinh, cái tâm mà bạn có từ khi cha mẹ mới sinh. Như vậy, bạn sẽ không tạo những mê lầm về bất cứ gì, và khi không còn mê lầm, thì từ đây bạn sẽ mãi mãi là những vị Phật sống. Không gì rõ ràng trực tiếp hơn thế nữa. Tất cả quý vị cần phải dứt khoát thực chứng điều này.

(trích từ Tâm Bất Sinh, **TN Trí Hải** dịch)



Đi và đến

*Mây ơi, lơ lửng bến vô thường!
Tan nhạt trong chiều nắng vãn vương.
Không chỗ đến; trời rời vạn mộng,
Chẳng nơi đi; biển rộng ngàn phương.*

Tung vào khoảng không

*Vòng tay thoáng gió thân thương
Niềm vui ảo thoáng, vô thường mong manh
Buồn vui xin hãy... để dành
Tung vào khoảng trống... vô danh không lời.*

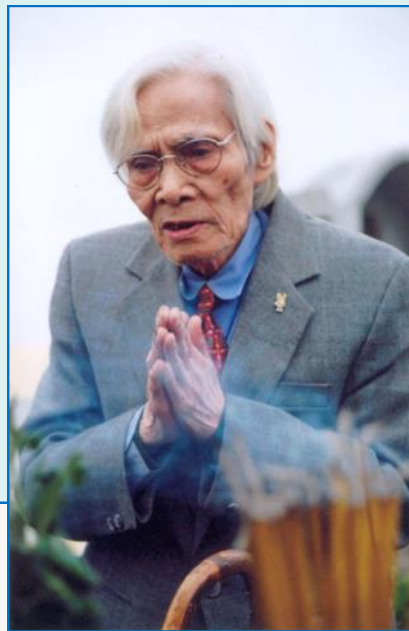
thơ

HOA CÁT PHAN VĂN

ĐẾN VỚI THƠ HOÀNG CẦM TỪ NGÔN NGỮ PHÁP

*Approcher la poésie de Hoang Cam
via la langue française*

Tuệ Sỹ



Đây không hẳn là chân lý hiển nhiên hay phổ quát, những người đọc thơ Hoàng Cầm, trong đại đa số hay một số ít, có thể cảm nhận rằng cũng có một thời kỳ lịch sử mà trong đó ngôn ngữ chỉ là phương tiện truyền thông: truyền thông mệnh lệnh, truyền thông thái độ phục tùng, truyền thông thông tin, trao đổi thường nhật.

Tuy vậy trong suốt chiều dài lịch sử, khi mà người đọc nhận thấy mối quan hệ khăng khít giữa một cá nhân với một tập thể, và cả dân tộc, khi ấy ngôn ngữ chính là tính thể của thơ, và thơ là tính thể của lịch sử. Trong dòng chảy của thơ, đó là chuỗi vận hành của sử tính.

Ngẫu nhiên mà tôi có ý tưởng như vậy khi được Dominique đề nghị hỗ trợ bà chuyển dịch thơ Hoàng Cầm từ Việt sang Pháp, để từ ý tưởng hiển hiện thành hình ảnh. Thoạt tiên, tôi vấp phải rào cản ngôn ngữ, ngữ vựng và ngữ pháp cá biệt trong thơ Hoàng Cầm, hoặc do bởi xuất xứ địa phương, hoặc do bởi hàm hồ lịch sử mà từ ngữ trở thành những biến số hoặc ẩn số. Tôi phải cầu viện đến những bằng hữu thân quen được biết là cùng quê với tác giả hoặc có điều kiện để nắm bắt được ý nghĩa của các từ trong thơ. Thế rồi, rào cản cần vượt qua để có thể đi vào cõi thơ không phải là ngữ vựng hay ngữ pháp. Một cái gì đó không hiển thực, nhưng rất cụ thể, một hình ảnh, một ẩn tượng mong manh, thấp thoáng, nhưng cố định.

Mỗi từ ngữ là một cá thể trong thiên nhiên và xã hội, mà ngữ pháp của nhiều loại hình ngôn ngữ phân phối vị trí của chúng theo quan hệ chức năng

được quy ước bằng các dấu hiệu và những biến đổi hình thái tùy theo ý tưởng cần được diễn đạt. Tiếng Pháp là một trong những loại hình đó. Mỗi quan hệ chức năng này không có quy ước cố định trong tiếng Việt. Từ này đứng cạnh từ khác, như những cá thể trong thiên nhiên không biến đổi hình thái theo chức năng quan hệ. Trong chuỗi từ ngữ Pháp nếu xóa đi những dấu hiệu quan hệ chức năng và những biến đổi hình thái cần thiết, từ đó không xuất hiện một thế giới nào của tạo vật, của con người hay của cây cỏ, sỏi đá. Những từ ngữ Việt đứng cạnh nhau như những viên sỏi vô tri, tuy vậy, từ đó xuất hiện một hay nhiều thế giới, từ siêu hình đến hiện thực.

*Váy Ngân hà loang mặt Tiểu
hùng tinh*

*La jupe de la Voie lactée
miroite*

*Dans l'espace de la Petite
Ourse*

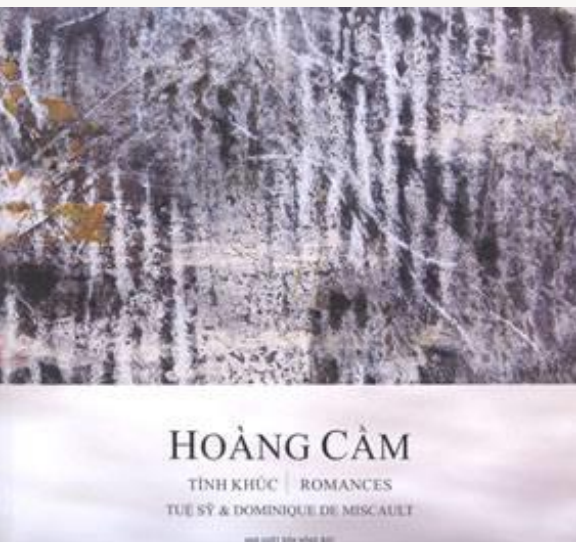
*[Em cú về bên ấy / Re-
tourne là-bas]*

Ngân và hà như hai viên sỏi cạnh nhau không có dấu hiệu quy ước nào để xác định quan hệ chức năng, nhưng cả hai bấy giờ lẫn vào nhau thành một cá thể duy nhất và tuyệt đối. Ba ẩn tượng tiểu - hùng - tinh cũng vậy. Váy và Ngân hà cũng là hai cá thể, mà trong thế giới của con người chúng cách nhau quá xa, tính thể và chức năng của chúng trong thiên nhiên và xã hội loài người cũng khác nhau quá xa, nhưng khi sát cạnh nhau cũng không cần dấu hiệu nào để quy ước mối quan hệ chúng lại lẫn

vào nhau thành một cá thể. Rồi những cá thể này, sát cạnh như những viên sỏi vô tri dồn lại thành một đồng hay sắp thành một hàng. Một thế giới đặc thù xuất hiện, trong một thoáng nào đó. Thế giới ấy hiện thực hay hư ảo, mang đầy hoài niệm hay ước mơ, thế giới ấy là gì?

Mặc dù không dấu chỉ quan hệ, người đọc tự do nối kết tùy theo ấn tượng được ghi khắc bởi tâm tư của mình cho mỗi từ ngữ mà một hay nhiều thế giới khác nhau có thể xuất hiện, trong đồng cảm hay dị biệt với tác giả của bài thơ; tuy vậy, khi xóa đi những ấn tượng cá biệt có thể có, chỉ còn là màu sắc và đường nét, vốn là những vật thể cá biệt trong thiên nhiên, của tạo vật, bấy giờ tính biểu đạt của ngôn ngữ biến mất. Thế giới ấy vẫn hiện thực ở đó, trong ngôn ngữ và cả trong môi trường sống thường nhật, nhưng thoáng chốc chìm vào sự im lặng của thế giới vô ngôn. Cái gì động lại trong thế giới vô ngôn ấy trở thành vĩnh cửu.

Ngôn ngữ xuất hiện theo âm thanh và ý tưởng, xuất hiện rồi biến mất trong từng khoảnh khắc, nhưng chìm sâu vào trong tính thể của ngôn ngữ, tính thể ấy vốn tịch mặc vô ngôn, và thế giới xuất hiện từ đó hiển nhiên vĩnh cửu. Khi vẽ lên trang giấy, chúng là những vệt màu, hoặc đen hoặc trắng, hoặc nâu xám, hoặc tím bầm. Làm sao họa sĩ lại có thể chuyển đổi âm thanh thành màu sắc và hình ảnh? Làm sao ghi được những ý tưởng về tình yêu và hoài niệm chia ly, bằng những



vết màu hiện thực, nhưng cũng siêu thực ?

... Em cứ về bên ấy.

... Retourne là bas,

Về đâu, trong cõi sống hay cõi chết? Trong tuổi thanh xuân đã mất? Hoặc quá khứ mất hút, hoặc hiện tại bỗng bệnh, hoặc tương lai hư ảo. Có thể chẳng, tuổi thanh xuân ấy được ghi bằng những vết sẹo trên thân thể trở trụi khi tước bỏ mọi quan hệ nhân sinh thường nhật? Trong tảng màu như quảng trắng mờ ảo, mà cũng như giòng nước trôi xuôi hay dòng thác đổ ào, chen lẫn giữa những khối màu vàng xám gây ấn tượng của da thịt tím bầm bởi tuổi xanh đầy đoạ, vắt ngang chiếc lá lan như lưỡi dao bén cắt sâu vào da thịt đang tuổi dậy thì, đang chớm tình yêu rình rập, kín đáo e thẹn, và cũng quyến rũ như hồ tình.

Ai rình Em

Ai ngó Em

Chợt rừng mình níu đêm trần

trụi

Em đưa ai vào gai ân tình?

Qui t'épie, ma bien-aimée

Qui te regarde

Nue dans la nuit soudain tu te cramponnes frémissante

Qui pousse-tu dans les épines de l'amour ?

[Tắm đêm / Bain de nuit]

Thơ thành họa; thơ đọc bằng ngôn ngữ không lời, họa được nhìn bằng sắc hình không ảnh tượng, trong đó ai nhìn ra khổ lụy nhân sinh, và một tình yêu nhúc nhối?

Bởi thể tính của ngôn ngữ ở đây, và cảm tính của thơ trong đó, trong thơ Hoàng Cầm, mỗi từ đều đã bị lột trần như một vật thể, sỏi đá vô tri, đứng cạnh nhau như những con người đứng bên nhau:

Đồng chiều

Cuồng rạ

[Lá Diêu Bông]

Trong một không gian trở trọi và thời gian đang tàn lụi dần. Dấu hiệu gì để nối liền ảnh tượng "cánh đồng" và "nắng chiều", và "cuồng rạ"? Tiếng Pháp cần những dấu nối, bằng các từ à, de, pour, par, và cũng cần đến sự hiện của một con người ở đó cùng với động thái của nó nữa:

Au crépuscule tu flânaïs

Entre les pailles de riz.

[Lá Diêu Bông]

Điều này khiến người dịch nhiều khi bối rối, làm sao để có thể chuyển dịch ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác, với những cách điệu khác nhau, mà thể giới nguyên sơ không biến dạng, thể giới xuất hiện chính trong tính thể tồn tại của nó, một l'Être au-monde trong một l'Être-ouverture, Sein trong Da-sein, nói theo cách điệu của Heidegger bằng tiếng Pháp; một svabhāva trong tiếng Sanskrit?

Kết cấu ngôn ngữ ấy không cá biệt nơi thơ Hoàng Cầm, mặc dù hiếm thấy ở nơi nhiều thi sỹ khác; nhưng tính thể của ngôn ngữ cũng là biểu hiện sử tính của một dân tộc. Dân tộc ấy, với những đứa con của nó, trong từng thời đại, trong chuỗi dài năm tháng đấu tranh để sinh tồn, bất chợt cảm thấy ta như cuồng rạ cánh đồng chiều, bị ném ra đó và bị bỏ quên trong nỗi cô đơn bất tận. Chính ông, nhà thơ của chúng ta ở đây, đuổi theo một thực tại không hề tồn tại nhưng hiện thực trong tâm tay bởi sự thách thức của tình yêu:

Chị bảo

Đứa nào tìm được lá Diêu Bông

Từ nay ta gọi là chồng

Ma bien-aimée, tu as dit

Celui qui trouvera la feuille de diêu bông

Je l'appellerai mon époux.

[Lá Diêu Bông]

... ..

Đọc thơ bằng màu sắc; ghi ấn tượng màu sắc bằng biểu hiện của ngôn ngữ. Ngôn ngữ, và những cách thể biểu hiện và tồn tại thay đổi, nhưng thể giới trong thể tính tự hữu của nó vẫn nguyên sơ. Điều gì đang xảy ra ở đây, với những bài thơ Hoàng Cầm ở đây? Có rất nhiều điều được nói, chất liệu để nói có thể nghe và có thể nhận bởi nhiều người, thể nhưng trong tận cùng của những điều được nói là một

thế giới im lặng. Nó rộn ràng như khi ta đuổi bắt ảo ảnh, lại chứa đầy hoài niệm về những điều không hề xảy ra.

Thơ không chỉ gợi cho ta ước mơ để tồn tại, mà gây cho ta hoài niệm về sự mất mát không thể đền bù của những cái không bao giờ hiện hữu.

Hoàng Cầm, làm thơ từ một thể hệ trước. Tôi đọc thơ Hoàng Cầm, trong một thể hệ sau: Em đừng lớn nữa, Chị đừng đi ! Je ne grandirai pas. Ne pars pas, ma bien-aimée.

Những bức họa mà Dominique gợi hứng từ thơ Hoàng Cầm, theo cách nói phổ thông, gọi là những minh họa; nhưng tôi muốn gọi chúng là những ấn tượng. Tình yêu, hoài niệm, ước mơ, ảo ảnh, sự chết, cùng với mọi thứ khổ lụy nhân sinh; những ý tưởng thoát đến, thoát đi, đọng lại trong những từ, những chữ, những dòng thơ. Từ những ý tưởng ấy, làm sao chợt xuất hiện trong viễn tượng của thị giác, và rồi trong đó mọi động thái, trạng thái, mọi hình thái sai biệt bị xóa mất biến giới hữu hình, để dần trải thành những tầng màu; hoặc xanh, hoặc nâu xám, hoặc vàng vọt, ấn tượng đọng lại từ những ý tưởng ấy, mờ ảo đến độ như vô hình, mà cũng rất thực như từng giọt nắng chiều đang đọng lại trong lòng tay.

Họa sỹ đã bằng trực giác mỹ cảm vượt qua rào cản ngôn ngữ, để thay vì nghe bằng đôi tai, ở đây bằng thị giác của tâm thức mà nhìn vào âm thanh ngữ điệu của thơ. Họa sỹ đồng cảm với thi sỹ đi trong thế giới chìm sâu trong tâm tư; thế thì người đọc đồng cảm như thế nào với họa sỹ?

T.S.

(Trích giới thiệu Tuyển tập thơ "Hoàng Cầm - Tình Khúc", song ngữ Pháp Việt, dịch và biểu cảm hình họa bởi Dominique de Miscal/ design tại Pháp bởi Jean-Luc Barilla, Hương Tích phát hành)



GIÁO LÝ TỊNH ĐỘ QUA LĂNG KÍNH DUY THỨC HỌC

Thích Đức Trí

1. Từ tâm mà khởi tu

Trong Phật pháp có nhiều pháp môn tu học học và hướng đến giác ngộ giải thoát. Giác ngộ là thấy rõ đạo lý duyên khởi của nhân sanh và vũ trụ. Giải thoát có nghĩa là dứt sự khổ đau luân hồi do tâm thức chấp thật ngã và thật pháp tạo vọng nghiệp. Chung quy tu tập theo Phật giáo nhận thức rõ giải thoát là từ tâm này, luân hồi sanh tử cũng do tâm này, vì tâm này là chủ nhân của muôn pháp. Kinh Tâm Địa Quán có dạy: *"Tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt. Tâm nhiễm thì thế giới nhiễm, tâm tịnh thì thế giới tịnh."* Phật pháp có hai phương diện để chứng ngộ chân lý. Phương diện pháp Tánh tông thì trực tiếp chứng ngộ Niết bàn, pháp Tướng tông thì từ tướng mà thể nhập tự tánh. Cho nên nói, giáo lý tu tập là phương tiện, vốn không có cao thấp, do từ nhu cầu con người mà thiết lập. Giáo lý Tịnh độ là từ phương diện tướng mà đi vào ngộ giải thoát. Một khi niệm Phật đi vào cảnh giới chánh định, sau đó là từ sự tướng mà quán triệt tâm và cảnh để chứng đắc thật tướng. Ở đây cần có vài phần luận giải để thấy rõ nghĩa lý quan trọng của pháp môn này. Các pháp môn tu như Thiền, Tịnh, Mật, Luật trong Phật giáo đều từ tâm mà khởi tu. Nay từ giáo lý Duy thức để soi sáng lộ trình tu học của Pháp môn niệm Phật cũng là điều cần thiết. Duy thức tông thuyết minh cụ thể về tâm trên hai phương diện hiện tượng và bản thể, đồng thời giải thích tính chất của vũ trụ vạn hữu đang tồn tại xung quanh ta. Tịnh độ lấy câu niệm Phật để chuyển hóa tâm thức, để tâm tương ứng với tâm Phật, thể nhập với thế giới Tịnh độ. Từ đó mới có nguyên lý vãng sanh và sự chứng ngộ.

2. Dòng tâm thức đưa đến nghiệp luân hồi

Muốn hiểu về vận chuyển của tâm thì phải hiểu nội dung căn bản của Duy thức học. Lộ trình tâm ấy được đức Phật thuyết tổng quan trong các kinh điển Nguyên thủy và Đại thừa. Giáo lý Duyên khởi thuyết minh tính chất vô ngã về con người và thế giới vạn hữu. Duy thức học là bộ môn giải thích về lộ trình tâm thức và thế giới sanh khởi. Đó là chìa khóa cho con người nhận thức rõ các pháp để điều phục tâm theo mục đích giải thoát. Theo các học giả Phật giáo nghiên cứu về Duy thức học đều quan niệm rằng nguồn gốc của Duy thức tông liên hệ chặt chẽ với giáo lý Nguyên thủy. Tư tưởng chính yếu của Kinh A Hàm là giáo lý Duyên khởi. A hàm là hệ kinh dung thông tư tưởng Đại thừa và Nguyên thủy. Pháp sư Ấn Thuận nhận định như sau: *"Những kinh Đại thừa đều lấy Duyên khởi làm tông yếu. Các phương diện của luận Đại thừa cũng từ nguyên lý Duyên khởi."*



Đặc biệt Bồ tát Long Thọ đã khai thị về Duyên khởi tánh không, tán dương Duyên khởi là tâm yếu rốt ráo của Phật pháp." (1) Từ nguyên lý Duyên khởi thuyết minh được: "Tất cả pháp vô ngã" là luận đề của Duy thức học triển khai. Trên căn bản tất cả pháp đều do tâm tạo. Tâm được hiểu tổng quát theo Duy thức gồm năm thức trước, ý thức, mặt na thức và a lại da thức. Thức thứ sáu nương vào ý căn và liên hệ chặt chẽ với năm thức trước gọi là "Ngũ câu ý thức", nó còn có khả năng duyên vào các hình ảnh lưu giữ trong tâm gọi là "Độc đầu ý thức". Thức thứ bảy bản chất luôn chấp kiến phần của A lại da làm ngã. Thức thứ tám là A lại da, còn gọi là tạng thức, thức này chứa tất cả các chủng tử và do các chủng tử huân tập mà thành, thức này luôn bị thức thứ bảy bám chấp vào. Như vậy tám thức này từ vô lượng kiếp đến nay luôn huân tập chủng tử và thừa kế hạt giống nghiệp đưa đến tái sanh luân hồi. Điều đó hoàn toàn phù hợp với Phật pháp, Đức Phật diễn tả dòng nghiệp do tâm vận hành như sau: *"Này các Tỷ-kheo, các chủng sanh là chủ của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy."* (2)

Nay nói niệm Phật để chuyển hóa tâm thức, chuyển hóa hạt giống nghiệp để được vãng sanh và giải thoát. Như vậy phải chuyển hóa tâm thường duyên với cảnh trần và pháp trần của thức thứ sáu, chuyển hóa tâm chấp trước của thức thứ bảy, chuyển hóa hạt giống ô nhiễm trong thức thứ tám. Quá trình tu tập là chuyển thức thành trí và chứng ngộ chân tâm. Chỉ có chân tâm mới thực sự giải thoát khỏi cảnh tam giới lục đạo. Vì vậy, phương pháp niệm Phật chứng ngộ Niết bàn phải đạt cảnh giới nhất tâm bất loạn mới trở về chân tâm. Chân tâm ấy chính là Tự tánh Di Đà vốn có từ xưa nay trong chúng ta.

Trước hết phải tìm hiểu rằng, chân tâm hay tánh giác Di Đà vốn có do đâu mà biến thành tám thức? Theo Duy thức học giải thích là do một niệm vô minh, tâm chuyển sang trạng thái lay động. Nhưng do mê lầm, không biết trạng thái loạn động đó và chân tâm vốn cùng một thể, nên từ trí tuệ sáng suốt trở thành kiến phần của thức. Một khi chủ thể nhận thức được thiết lập thì có đối tượng nhận thức, cho nên sanh ra tướng phần của tám thức. Từ kiến phần và tướng phần mà hiện ra mười pháp giới và tất cả vũ trụ vạn hữu. Thực chất tâm thức chúng ta vốn không thực có, chỉ là dòng niệm niệm tương tục rồi chấp có một cái ngã chân thật. Sau đó, tham ái xuất hiện mới tạo ra các thứ nghiệp sanh khởi luân hồi.



3. Pháp niệm Phật chứng ngộ Niết bàn

Niệm Phật là một pháp môn dung thông trong giáo lý Nguyên Thủy và Đại thừa. Giáo lý nguyên Thủy thì niệm Phật chính là quán niệm Phẩm đức của Phật. Như quán niệm mười Phẩm đức của Phật, đó là: "Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn. Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ." (3) Quán niệm ở đây là phương pháp hỗ trợ tâm thiền, phát khởi tâm từ bi và trí tuệ. Quán niệm công đức của Phật được tịnh hóa thân tâm chứng ngộ chân lý. Trong Kinh Bát Chu Tam Muội thuộc hệ Đại thừa cũng dạy quán niệm Phật A Di Đà với mười Phẩm đức như Phật Thích Ca. Tiến xa hơn một bước là quán đức tướng quang minh của Phật, quán cảnh giới Tây phương cực lạc, kết quả sau cùng là tâm an định và thấy Phật. Kinh chép: "Như ta vừa nghe danh hiệu đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác hiện nay ngài ngự ở thế giới chư Phật. Thế giới của ngài tên là Cực Lạc ngài thường ngự vào các pháp hội của các Bồ tát để nói pháp và giáo hóa. Rồi người nghe y theo chỗ nghe được chuyển tinh tưởng nhớ quán sát không ngừng nghỉ cho đến khi hình ảnh trên hiện rõ ràng trong trí sau cùng được thấy Đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác." (4) Niệm Phật theo kinh này là phương thức thiền quán tướng, quán tướng phẩm đức và hình ảnh của Phật, tức tâm xa lìa vọng động và chứng Tam muội Niệm chư Phật hiện tiền. Tiếp sau phần quán tướng này là phép quán tâm, bước vào trạng thái triệt tiêu chủ thể và đối tượng trong pháp quán niệm để chứng đắc tuệ giải thoát: "Hiển Hộ! Ông nên biết các Bồ tát như tam muội này chứng được trí giác vĩ đại." (5) Duy thức học giải thích đây là trạng thái tâm nhất như, không còn chủng tử hữu lậu, trở về với thể giới vắng bật mọi dấu hiệu tâm và thức, tạng thức bây giờ chuyển thành "Bạch tịnh thức".

Trong Ngũ phương tiện niệm Phật môn (6) của Trí Giả đại sư cũng thiết lập trên cơ sở luận lý Duy thức: 1- *Xưng danh vắng sanh niệm Phật tâm muội môn*: Niệm danh hiệu Phật nguyện vắng sanh. Đó là tịnh hóa tâm thức bằng danh hiệu Phật, khi đạt tam muội thì tâm phan duyên vắng lặng, buộc tâm vào

danh hiệu Phật là phương tiện dẹp sự bám víu niệm ngã chấp thức thứ bảy, an trú trong chánh định là tịnh hóa nghiệp chủng trong tạng thức thứ tám. 2- *Quán tướng diệt tội niệm Phật tam muội môn*: Đây là phép quán hào quang sắc tướng Phật được dứt trừ tội chướng. Nhờ sức quán tưởng này các chủng tử bất thiện được thanh tịnh hóa, tập khí nghiệp được đoạn trừ. 3- *Chư cảnh duy tâm niệm Phật tam muội môn*: Đối tượng Phật quán cũng từ tâm mà sanh khởi. Đây thực sự các pháp đều do tâm tạo, không có tự ngã, tâm không chấp trước, thức thứ bảy được chuyển hóa bằng tính chất ngã không. 4- *Tâm cảnh câu li niệm Phật tam muội môn*: Trạng thái này theo Duy thức là xa rời cái kiến phần (chủ thể là tâm, đối tượng là cảnh), như thể ngã và pháp không còn chỗ thiết lập thì phiền não triệt tiêu, tâm thể vắng lặng, khế hợp chân như thật tướng. 5- *Tánh khởi viên thông niệm Phật môn*: Đây là trạng thái thiền định sâu lắng, xả bỏ mọi tướng trạng của tâm thức, nhập vào trạng thái Niết bàn, thực hành trọn vẹn mười hạnh Phổ Hiền phổ độ chúng sanh khắp mọi cảnh giới.

Ngài Trừng Quán trong "Hoa Nghiêm kinh sơ" (7) cũng triển khai năm pháp niệm Phật 1- *Duy-ên cảnh niệm Phật môn*, tức duyên theo đối tượng cảnh để niệm Phật; 2- *Nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật môn*, tức quán cảnh do tâm khởi; 3- *Tâm cảnh câu mẫn (miễn) niệm Phật môn*, tức tâm và cảnh đều vắng lặng; 4- *Tâm cảnh vô ngại niệm Phật môn*, tức tâm cảnh vô ngại; 5- *Trùng trùng vô tận niệm Phật môn*, tức đạt tâm tánh không giới hạn. Đó là những pháp niệm Phật căn cứ trên tâm và cảnh mà thiết lập. Cũng tương tự như năm pháp niệm Phật của Trí Giả đại sư, niệm Phật như pháp quán tướng, nhiếp tâm, quán tâm và biến tâm để triệt tiêu ngã pháp, tâm cảnh nhất như. Giai đoạn này theo Duy thức là chứng được Duy thức tánh.

4. Tự tánh Di Đà, duy Tâm Tịnh độ

Tự tánh Di Đà: Đó là cảnh giới thực tướng niệm Phật, thuộc lý niệm Phật, siêu việt phương tiện. Tự tánh sáng suốt gọi là Vô lượng Quang, tự tánh ấy xưa nay không sanh diệt gọi là Vô lượng Thọ. Chúng sanh tuy có đức tánh Phật A Di Đà nhưng vì vô minh phiền não che lấp, nay dùng pháp niệm Phật để khôi phục tánh ấy trở lại. Niệm A Di Đà mà không chấp trước tướng niệm, không chấp đối tượng Phật niệm. Không còn quan niệm Tây Phương và Ta bà cách biệt. Niệm A Di Đà không quay tâm về quá khứ, không duyên theo hiện tại, không phóng tâm với tương lai. Vì sao? Bản tánh A Di Đà vốn là thường trụ siêu việt thời gian và không gian. Có thể nói A Di Đà là bản thể của vũ trụ. Bản thể tức là pháp thân bình đẳng của mười phương ba đời chư Phật. Đó là cảnh giới Đại viên cảnh trí trong duy thức học, tự tánh thanh tịnh tâm, Phật tánh, pháp thân, Như Lai tạng, pháp giới tánh, viên thành thật tánh, chân như thật tướng v.v...

Duy tâm Tịnh độ: Mười pháp giới đều không ngoài tâm này, Tây phương tịnh độ cũng không ngoài tâm này. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Duy tâm sở hiện, Duy thức sở biến" (Cả pháp do tâm mà tồn tại, do thức biến hiện). Nay nói vạn pháp duy thức, nghĩa là tất cả hiện tượng tâm và vật quan hệ theo chủ thể và đối tượng, tất cả đều là sự biểu hiện của tâm thức. Một khi sáu căn tiếp xúc sáu trần thì có sáu thức thành mười tám giới. Mỗi giới đều có chủng tử lưu trữ trong tạng thức. Thức thứ tám là chiếc nôi con người và vạn loại. Thể giới hiện tượng sai biệt không ngoài tâm thức biến hiện. Hiện tượng và bản

thể là hai mặt của một thực tại. Tây phương cực lạc được hiểu là như thế, thể giới ấy được thiết lập bởi tâm thanh tịnh. Cho nên nói Tịnh độ tại tâm, ngoài tâm không có Tịnh độ. Đúng về lý mà nhận thức như vậy gọi là “Duy tâm tịnh độ.”

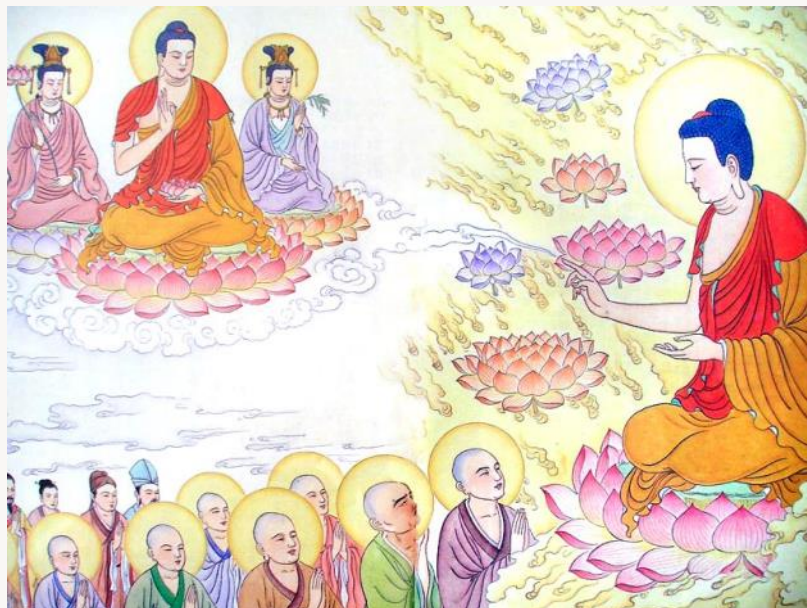
5. Vấn đề Vãng sanh Tịnh độ

Khi bàn vấn đề vãng sanh mọi người cứ quan niệm rằng: “Phật dạy tu là tự mình thấp đuốc lên mà đi, Tịnh độ tại tâm sao còn cầu sanh Tây phương cực lạc.” Chúng ta phải hiểu, giáo lý là phương tiện tùy theo đối tượng con người mà thiết lập. Tây phương là cảnh giới sự tướng, thuộc Phạm thánh đồng cư độ. Đó là cảnh giới phúc lạc có Phật pháp tăng hiện hữu. Niết bàn là bản thể thanh tịnh của các bậc thánh giả đã chứng ngộ chân lý trọn vẹn. Hơn nữa, kinh luận Đại thừa xác nhận vãng sanh đâu phải là dành riêng cho đối tượng người đã chứng ngộ. Vì rằng, vãng sanh Tây phương còn được thầy Phật nghe pháp và được khai ngộ. Trong kinh có xác nhận có ba hạng vãng sanh (8), hạng bậc thượng, bậc trung và bậc hạ có tu tập công đức sai biệt nhưng có tín, hạnh, nguyên chân thật và niệm Phật vãng sanh.

Hầu hết các kinh và luận liên quan giáo lý Tịnh độ đều xác nhận niệm Phật lâm chung được Phật tiếp độ, niệm Phật được chư Phật hộ niệm, niệm Phật để thấy Phật vãng sanh. Phương thức tu tập này luôn tin tưởng nguyên lực Phật A Di Đà. Đức Thích Ca vì cứu độ chúng sanh mà từ cung trời Đâu suất ứng thân xuống cõi đời này để tu hành thành Phật để giáo hóa. Phật Di Đà cũng vì cứu độ chúng sanh mà tiếp độ chúng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Từ niềm tin như vậy, hành giả khởi tín tâm tu hành và phát nguyện sanh về Cực lạc. Vãng sanh thiết lập ba yếu tố: Một là bốn nguyện Phật. Hai là người tu hành phát nguyện. Ba là thực hành phương pháp tu pháp niệm Phật theo đúng kinh luận. Chúng sanh do tâm tạo nghiệp bất thiện, chiêu cảm quả báo luân hồi trong ba đường sáu nẻo. Nay phát tâm tu tập thiện pháp, niệm Phật thì cảm được phước báo tốt đẹp cảnh giới Tây phương cực lạc. Đó là sự thật hiển nhiên theo nguyên lý nhân quả không có gì lý luận xa xôi. Nhưng trường hợp đối nghiệp vãng sanh có hiện thực hay không? Vấn đề này là một trường hợp đặc biệt trong giáo lý Tịnh độ. Cũng như cây hoa mai qua mùa đông kéo dài cơn lạnh sẽ nở hoa chậm trễ, nhưng nếu trong thời gian ấy, biết bảo quản trong môi trường ấm áp, đầy đủ phân nước, ánh sáng thì cây hoa mai đó sẽ nở sớm hơn. Đối nghiệp vãng sanh được hình dung như thế. Vì theo kinh luận Tịnh độ đều xác nhận tha lực Phật đóng vai trò quan trọng trong ý nghĩa vãng sanh. Vậy Phật lực là hiện thực hay là huyền thoại? Kinh điển Nam tạng hay Đại thừa đều xác nhận Phật có vô lượng công đức và nguyên lực từ bi cứu độ chúng sanh. Ngay cả người tu mười điều thiện cũng được sanh thiên, hưởng gì người tín nguyện hạnh đầy đủ mà không sanh Tây phương. Kinh Nikaya có nhiều câu chuyện ghi nhận, có nhiều trường hợp người làm một việc lành, đủ duyên cũng sanh cõi thiên giới. Nhưng sanh về Tây phương thủ thắng hơn cảnh thiên giới, vì nghe Pháp âm Phật A Di Đà nên được tâm bất thối, đó nhân duyên lành để chứng ngộ tại cảnh giới đó và vĩnh viễn thoát li luân hồi.

6. Lời kết

Tịnh độ qua lăng kính Duy thức phản chiếu toàn diện mối quan hệ tâm và thể giới vạn hữu. Chúng ta ghi nhận rằng: Tây phương Cực lạc do tâm tạo, tâm ấy là chân tâm, là tự tánh Di Đà. Thế nhập tự



tánh ấy thông qua chứng ngộ Niết bàn là ý nghĩa thực tướng niệm Phật, nó thuộc về lý niệm Phật. Vấn đề ứng dụng tu niệm, quán tâm để hồi phục chơn tâm là phù hợp với đạo lý Duy thức học và quan điểm các pháp môn khác.

Phật đà quan và thuyết Bốn Nguyên Phật là phạm trù vô cùng sâu sắc mà được hầu hết các kinh liên quan Tịnh độ nhấn mạnh. Cho nên bàn luận về điều đó không có phương pháp nào tốt hơn là tin và thực hành lời dạy của Phật trong giáo lý Tịnh độ. Vấn đề này cần có thái độ tư duy và kiến giải thận trọng nếu không đưa đến nhiều ngộ nhận là điều đáng tiếc.

Nói rõ ra, Tịnh độ tông chủ trương tu học trên hai phương diện tự lực và tha lực. Đúng về Duy thức học quy kết, tất cả mọi hiện tượng thân tâm và thể giới đều do năng lực tâm thức thiết lập, vậy cảnh giới Tây phương, bốn nguyên Phật và tâm nguyện chúng sanh cũng thể hiện theo tiến trình nguyên lý đó.

Chú thích:

- 1) Ấn Thuận “Nghiên cứu nguồn gốc môn Duy Thức”, tham khảo từ bản Hán.
- 2) Kinh Tăng Chi Bộ Anguttara Nikaya, HT. Thích Minh Châu dịch
- 3) Kinh Tạp A Hàm số 980, Việt dịch: Thích Đức Thắng, Tuệ Sỹ chú giải.
- 4) Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đời Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ
- 5) Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đời Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ
- 6) Trí Giả Đại Sư, Ngũ phương tiện niệm Phật môn, ĐCT, Vol. 47, No. 1962
- 7) Trùng Quán, Hoa Nghiêm Kinh Sớ, ĐCT. No. 35
- 8) Kinh Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Kinh-Cư Sĩ Hạ Liên (Hội tập), Tâm Tịnh chuyển ngữ.

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

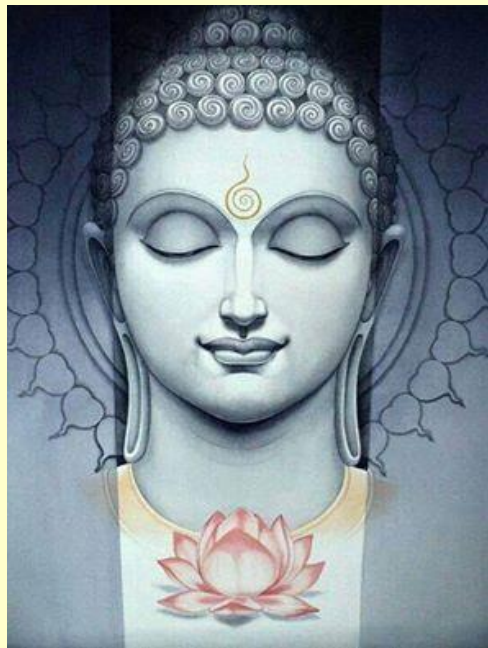
ĐẤT NƯỚC TÔI

*Đất nước tôi!
Ngàn cơn gió bụi
Những chế độ tôi
Làm tàn lụi những thời cơ*

*Dân tôi ơi!
Khổ đến bao giờ?
Bọn độc tài gian trá
Vơ vét hoài chẳng thể đầy túi tham
Sống vị kỷ hồn tro như gỗ đá
Vô cảm
Mặc dân nghèo sống kiếp làm than
Nước mắt còn cũng chẳng có bận tâm
Miễn yên vị, vinh thân no ấm
Con đường nào?
Tương lai nào?
Cho nước, dân tôi.*

ĐA ĐOAN

*Có những lúc thấy đời vô vị quá
Tự hỏi lòng ta
Có ý nghĩa gì chăng?
Bao thương nhớ mang mang
Ôm những nỗi quan hoài
Cuộc lữ trăm năm nào có dài hay ngắn
Sương- khổ kiếp người lắm chuyện trở trăn.
Năm tháng không tên
Tình nhớ hay quên?
Trông đã yên
Nào hay tìm chực chờ nổi loạn
này tình ơi!
Sao cứ đa đoan
Nào ai hay biết, nào ai người tỉnh thức
Ta lụy vì nhau bởi một chữ tình.*



NHỚ PHẬT

*Khi gió lặng mặt hồ không gợn sóng
Nước lắng trong in bóng vạn sơn hà
Mây bay qua, ô kìa mây trắng quá
Lại hiện hự không thay đổi giữa sát-na
Ta đang sống giữa khổ nhọc phiền hà
Bao hơn thua đấu tranh phải-trái
Giữa cần lao vẫn nhiếp tâm niệm Phật
Chợt thấy mình vững chãi giữa phong ba*

*Lao nhọc trần thân vẫn nhớ Phật trong tâm
Từng bước chân như tập thiền giữa ca làm
Sương-khổ đời này vốn thật là giả tạm
Phút lắng lòng thư thái nhẹ âm âm...*

TIỀN ÔNG

*Cổ lý thị Phước Điền (1)
Lục tự trì chung sinh
Bốn phúc cộng hàm linh
Kim liên để danh tánh.*

Atlanta, July 2015

(1) tên một địa phương

ĐÁNH GIÁ ĐÚNG LÝ DUYÊN KHỞI

DALAI LAMA

Tuệ Uyển dịch

*Vì không có hiện tượng nào
Là không duyên sinh
Nên không có hiện tượng nào là
không
Trống rỗng sự tồn tại cố hữu
(Tất cả các pháp là vô tự tính)*

**- Căn Bản Trung Quán Luận
của Long Thọ Được Gọi Là "Tuệ
Trí"-**

Như được giải thích trong chương trước, tất cả mọi hiện tượng cho dù vô thường hay thường, đều có những phần tử. Những phần tử và toàn thể tùy thuộc với nhau, nhưng chúng dường như có thực thể riêng của chúng. Nếu toàn thể và những bộ phận tồn tại trong cách mà chúng hiện diện đối với quý vị, quý vị phải có thể chỉ ra một tổng thể riêng biệt với những phần tử của nó. Nhưng quý vị không thể làm như thế.

Có một sự mâu thuẫn giữa cách mà toàn thể và những bộ phận của nó xuất hiện và cách mà chúng thật sự tồn tại, nhưng điều này không có nghĩa là không có những tổng thể, với vì nếu những tổng thể không hiện hữu, quý vị không thể nói về điều gì đấy hiện diện như một phần của bất cứ điều gì. Kết luận này phải là có những tổng thể nhưng sự tồn tại của chúng được thiết lập trong sự lệ thuộc trên những phần tử của nó – chúng không tồn tại một cách độc lập. Như Căn Bản Trung Quán Luận gọi là "Tuệ Trí" của Long Thọ nói:

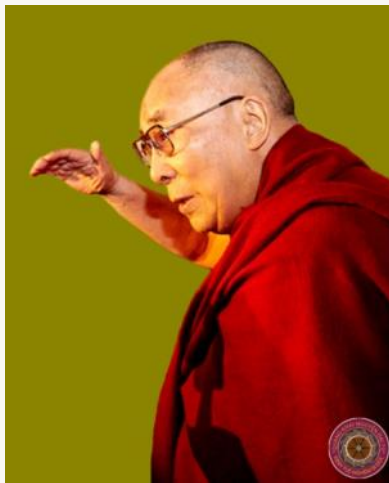
*Rằng điều gì sinh khởi một cách lệ thuộc
Nó không là một với điều ấy, trên thứ mà nó
tùy thuộc*

*Và cũng không khác một cách cố hữu với nó.
Vì thế, nó không phải không có gì nhưng không
tồn tại một cách có tự tính.*

LÝ DUYÊN KHỞI HOẠT ĐỘNG NHƯ THỂ NÀO

Phụ thuộc hay độc lập: không có cách lựa chọn nào khác. Khi điều gì là một, thì một cách xác định nó không phải là thứ khác. Vì phụ thuộc hay độc lập là một sự phân đôi, khi quý vị thấy rằng điều gì đấy không thể là độc lập, hay không biểu hiện dưới năng lực của chính nó, thì không có lựa chọn nào khác mà phải thấy nó là lệ thuộc. Biểu hiện phụ thuộc là không biểu hiện dưới năng lực của chính nó, [tự nó là trống rỗng]. Hãy nhìn dưới cách này:

Một cái bàn phụ thuộc trên những phần tử của nó cho sự tồn tại của nó, vì thế chúng ta gọi sự tập



hợp những phần tử của nó là vấn đề căn bản mà trên đấy nó được thiết lập. Khi chúng ta nghiên cứu phân tích để cố gắng tìm kiếm cái bàn này xuất hiện trong tâm thức chúng ta giống như nó tồn tại một cách độc lập, chúng ta phải tìm kiếm nó trong căn bản này – những cái chân, cái mặt bàn, v.v... Nhưng không phải điều gì trong những phần tử này là cái bàn như vậy. Do thế, những thứ này không là cái bàn trở thành cái bàn trong sự lệ thuộc trên tư tưởng; một cái bàn không tồn tại trong tự bản chất của nó.

Từ quan điểm này, cái bàn là điều gì đấy sinh khởi, hay tồn tại một cách phụ thuộc. Nó phụ thuộc trên những nguyên nhân nào đấy; nó phụ thuộc trên những bộ phận của nó; và nó

phụ thuộc trên tư tưởng. Đây là ba mô thức của lý duyên khởi. Trong những điều này, một nhân tố quan trọng hơn là tư tưởng đã đặt tên cho đối tượng.

Tồn tại trong sự phụ thuộc trên nhận thức là ý nghĩa vi tế nhất của lý duyên khởi (Ngày nay, những nhà vật lý học khám phá rằng những hiện tượng không tồn tại một cách khách quan trong tự nó và của chính nó mà tồn tại trong phạm vi liên hệ với người quán sát.) Thí dụ, "cái tôi" của Đạt Lai Lạt Ma phải ở trong vùng này, thân thể của tôi; không có nơi nào khác mà nó có thể được tìm thấy. Điều này rõ ràng. Nhưng khi quý vị khảo sát trong vùng này, quý vị không thể tìm thấy một "cái tôi" có thực chất. Tuy nhiên, Đạt Lai Lạt Ma là một bậc trưởng phu, một tu sĩ, một người Tây Tạng, là người có thể nói, uống, ăn, và ngủ. Điều này đủ để chứng tỏ rằng ông ấy tồn tại, mặc dù không thể tìm thấy được ông ấy.

Điều này có nghĩa là không có điều gì được tìm thấy là "cái tôi", nhưng sự kiện này không hàm ý rằng "cái tôi" không tồn tại. Làm sao lại như thế? Điều ấy thật là ngớ ngẩn. "Cái tôi" thật tồn tại một cách xác định, nhưng khi nó tồn tại tuy thế lại không thể tìm thấy được, chúng ta phải nói rằng nó sinh khởi trong sự lệ thuộc trên tư tưởng. Nó không thể được đặt trong bất cứ cách nào khác.

TÍNH KHÔNG KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ KHÔNG CÓ GÌ

Không có câu hỏi rằng con người và sự vật tồn tại; câu hỏi là thế nào, hay trong phương cách gì, mà chúng tồn tại. Thí dụ khi chúng ta nhận xét về một bông hoa và nghĩ, "Bông hoa này có một hình dáng đáng yêu, màu sắc dễ thương, và mịn màng biết bao," dường như giống rằng có điều gì đấy cụ thể sở

hữu những phẩm chất này về hình dáng, màu sắc và cấu trúc mịn màng. Khi chúng ta nhìn vào trong những phẩm chất này, cũng như trên những phần tử của bông hoa, chúng dường như là những phẩm chất hay những bộ phận của bông hoa, chẳng hạn như màu sắc của bông hoa, hình dáng của bông hoa, cuống hoa, và cánh hoa – giống như có một bông hoa sở hữu những phẩm chất hay những bộ phận này.

Tuy thế, nếu bông hoa thật sự tồn tại trong cách mà nó xuất hiện, chúng ta phải có thể nêu lên điều gì đây riêng lẻ với tất cả những phẩm chất và những bộ phận này mà nó là bông hoa. Nhưng chúng ta không thể. Một bông hoa như thế không tìm thấy được trong sự phân tích, hay qua những dụng cụ khoa học khác, mặc dù trước đây nó dường như thật là cụ thể, thật có thể khám phá được. Bởi vì bông hoa có những tác động, nó tồn tại một cách thật sự, nhưng khi chúng ta điều tra để tìm kiếm một sự tồn tại của bông hoa phù hợp với những ý tưởng của chúng ta về nó, điều đó là hoàn toàn không thể tìm thấy được.

Điều gì đây tồn tại một cách thật sự từ chính nó phải trở nên rõ ràng hơn khi được phân tích – nó phải được tìm thấy một cách rõ ràng. Nhưng ở đây là trường hợp ngược lại. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là nó không tồn tại, vì nó có ảnh hưởng – nó tạo nên những tác động. Sự kiện rằng nó không được tìm thấy dưới sự phân tích chỉ để biểu lộ rằng nó không tồn tại với cách mà nó xuất hiện đến những giác quan của chúng ta và đến tư tưởng của chúng ta – đây là, nó được được thành lập một cách cụ thể trong chính nó.

Nếu không tìm ra những đối tượng khi chúng được phân tích có nghĩa là chúng không tồn tại, sẽ không có chúng sinh, không có Bồ Tát, không có Phật, không có điều gì thanh tịnh, và không có điều gì bất tịnh. Thì sẽ không cần đến giải thoát; không có lý do gì để thiền quán về tính không. Tuy thế, rõ ràng con người và sự vật hỗ trợ và làm tổn hại, rằng vui sướng và đớn đau hiện hữu, rằng chúng ta có thể giải thoát chính mình khỏi khổ đau và đạt đến hạnh phúc. Thật là khờ dại khi phủ nhận sự hiện hữu của con người và sự vật khi chúng ta rõ ràng bị ảnh hưởng bởi những thứ ấy. Ý tưởng rằng con người và sự vật không tồn tại là bị phủ nhận rõ ràng; nó là ngu ngơ.

Học giả - hành giả du già Ấn Độ, Long Thọ Đại Sĩ chứng minh rằng những hiện tượng là trống rỗng sự tồn tại cố hữu (không có tự tính) bằng sự kiện rằng chúng là duyên khởi, sự phát sinh tương duyên. Điều này tự nó là một dấu hiệu rõ ràng cho quan điểm rằng những hiện tượng không tồn tại một cách cố hữu không phải là hư vô, không phải là không có gì cả. Ngài không đưa ra lý do tại sao những hiện tượng là trống rỗng mà không thể biểu hiện chức năng; thay vì thế, ngài kêu gọi sự chú ý đến sự kiện rằng chúng sinh khởi phụ thuộc trên những nguyên nhân và điều kiện hay là nhân duyên.

Thiền tập quán chiếu

Lưu tâm:

- 1) Phụ thuộc và độc lập là một sự đối kháng phân đôi (nhị nguyên). Bất cứ điều gì tồn tại thì hoặc là phụ thuộc hay độc lập.
- 2) Khi điều gì đây là phụ thuộc, sự biểu hiện dưới năng lực của tự nó là trống rỗng.
- 3) Không có nơi nào trong những phần tử của thân thể và tâm thức hình thành căn bản cho "cái tôi" mà chúng ta có thể tìm thấy "cái tôi." Do thế,



Nương Thầy học Phật

Chạnh lòng lò thổi đầy hơi
 Vươn lên cùng nhịp thà lời giữa không
 Vài ba xóm củi thôi công
 Miệt mài tui luyện nấu nung lửa lòe
 Lửa reo gió thoảng sắc khoe
 Cứng mềm, dày/mỏng, lèo xèo thẳng cong
 Thổi biến dạng lửa rờn rờn
 Tiếng vỗ chủa chát ấy trong lò ngoài
 Than hồng gió đẩy đưa thoi
 Niềm vui trong cảnh thương hoài lửa nung
 Thắp lên ngọn đuốc bao dung
 Tình người un đúc nấu nung nước tràn
 Từ Bi ánh đạo giữa đàng
 Ai sầu ai oán thoảng than tiếng buồn
 Hỡi người tình thẩm nghĩa luôn
 Lửa lò phương tiện trắng khuôn gốc đầy
 Nương Thầy học Phật niềm thay
 Muộn màng dang dở dầu vầy luống tan
 Lửa lò cháy đỏ, tro tàn
 Hòa cùng cát bụi thế gian vốn còn
 Dấu chân bỏ lại đường mòn
 Như hoa ví thế sắc còn tươi xinh
 Ôn Thầy khai thị bóng hình
 Tình trong bóng ấy biết mình trước gương.

(Jan 12/2015)

thơ AN KIÊN

"cái tôi" được hình thành không phải dưới năng lực của chính nó mà qua năng lực của những điều kiện khác – nguyên nhân của nó, những phần tử của nó, và tư tưởng.

(Trích từ quyển
 How to See Yourself as You Really Are
 của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Tuệ Uyển chuyển ngữ)

NGHĨ VỀ TRUYỀN THÔNG VÀ PHẬT GIÁO

Huỳnh Kim Quang

Trong đạo Phật có câu nói rất phổ biến là “Nhất niệm thông tam giới,” một niệm biến khắp ba cõi – cõi dục, sắc, và vô sắc. Một niệm tức là một móng tâm, một ý nghĩ khởi sinh từ tâm. Điều này cho thấy hai ý nghĩa: lần sống vì ba khởi sinh từ tâm dù vô hình vô tướng vẫn có thể lan xa khắp ba cõi, và qua đó, ảnh hưởng của một niệm có thể bao trùm cả cõi không gian rộng lớn vô cùng.

Quan điểm này có thể nhìn thấy rõ nhất trong thế giới truyền thông ngày nay. Chỉ trong chớp mắt, trong một cái nhấp tay hay cái bấm tay trên máy điện toán hay điện thoại cầm tay thì một bản tin, một sự kiện, một hình ảnh có thể đi khắp thế giới và ảnh hưởng đến hàng tỉ người trong “ngôi làng toàn cầu.” (1)

Những chữ và hình ảnh mà chúng ta đọc hay nhìn thấy được trên các máy điện toán, các máy truyền hình, các điện thoại di động đều được cấu thành bởi những ký hiệu mã hóa hay những điểm phân giải vi tế. Khi chúng ta đọc được chữ hay nhìn được hình ảnh trên màn ảnh của máy điện toán, máy truyền hình, hay điện thoại cầm tay, chúng ta chỉ nhìn thấy chữ và hình sau khi được tập thành hoàn chỉnh, nếu không thì chúng ta không thể đọc được chữ hay nhìn thấy được hình gì cả. Thực tế, chữ và hình đó chỉ là phần được biến thái của mã số hay điểm phân giải do nhà lập trình máy tạo ra, giống như Duy Thức Học nhà Phật gọi là “thức biến” từ dạng nguyên bản của các chủng tử nằm trong A Lại Da Thức thành thiên hình vạn trạng của năng tri và sở tri. Chúng là kết quả của một quá trình chuyển biến thần tốc và vi tế đến mức mắt thường của chúng ta không thể thấy. Chúng thực sự không phải là cái mà chúng ta gọi là hiện thực như thực của sự kiện, hay của một pháp đang diễn ra dù là trước mắt của chúng ta. Đó là thế giới ảo, thế giới mà chúng ta có thể nhìn thấy hay nghe những biến tướng của chúng nhưng không thể bước vào đó để cảm nhận như cuộc sống hiện thực.

Điều kỳ lạ đến không thể tưởng tượng được là chính thế giới ảo của truyền thông đó đã ảnh hưởng toàn diện đến cuộc sống của nhân loại trong thế kỷ 21, mà trong đó có Phật Giáo.

Nhờ kỹ thuật tin học hiện đại, truyền thông đã đi một bước dài chưa từng thấy trong lịch sử từ lãnh

vực thông tin đại chúng với truyền hình, báo chí, truyền thanh vào sâu và xa trong thế giới thầm kín của từng cá nhân con người qua các dạng trang mạng xã hội, Facebook, Twitter, blog, Friendster, hi5, Tagged, Flixster, Classmates, Bebo, Orkut, Netlog, Google+, LinkedIn, Tumblr, v.v... Nói là mạng xã hội vì qua những trang mạng cá nhân này, con người có thể tự mở cửa nhìn vào xã hội và ngược lại xã hội cũng có thể nhìn vào sinh hoạt của từng cá nhân con người một cách tương đối dễ dàng và thuận lợi. Ở đây, thế giới tư ẩn của mỗi cá nhân đã được phô bày ra trước xã hội có thể là tự nguyện và cũng có thể là không tự nguyện. Từ đó nhiều nhà xã

hội học như Brian Jung, từ University Hospitals tại Cleveland tiểu bang Ohio, quan tâm đến quyền tư ẩn bị xâm phạm. (2)

Theo thăm dò của Trường Cao Đẳng Tiểu Bang Georgia có chủ đề “Những Ảnh Hưởng Tiêu Cực Của Truyền Thông Xã Hội Đối Với Trẻ Em Và Thanh Thiếu Niên” được công bố trong năm nay, nói rằng giới trẻ Mỹ tuổi từ 8 tới 18 đã vào các trang mạng xã hội từ 45 phút tới 10 tiếng đồng hồ mỗi ngày. 51 phần trăm trẻ em cho

biết họ đã bị trang mạng bắt nạt, ngược lại 49 phần trăm trẻ em cho biết họ đã quấy rầy người khác trên mạng. Trong khi đó cũng theo thăm dò nói trên thì 72 phần trăm những người làm cha mẹ lo ngại con em họ phát hiện ra những thông tin không chính đáng trên mạng. (3)

Trong khi đó, thăm dò của Viện Nghiên Cứu Toàn Cầu Pew có chủ đề “Trang Mạng Toàn Cầu Ảnh Hưởng Tốt Về Mặt Giáo Dục Nhưng Cũng Ảnh Hưởng Xấu Về Mặt Đạo Đức Tại Các Nước Đang Trỗi Dậy Và Phát Triển,” được công bố hôm 19 tháng 3 năm 2015 cho thấy rằng 64 phần trăm người sử dụng internet tại 32 quốc gia đang trỗi dậy và phát triển cho rằng trang mạng toàn cầu có ảnh hưởng tốt về mặt giáo dục, với ít nhất một nửa nói rằng nó có ảnh hưởng tốt về mặt quan hệ cá nhân (53%) và kinh tế (52%). Cũng theo thăm dò của PEW nói trên, 42% số người trả lời cho biết trang mạng toàn cầu có ảnh hưởng xấu về mặt đạo đức, ngược lại chỉ có 29% cho là có ảnh hưởng tốt. Thăm dò của PEW nhấn mạnh rằng không một quốc gia nào được thăm dò có đại đa số người cho là internet có ảnh hưởng





tốt về mặt đạo đức.(4)
Tất nhiên, các phương tiện truyền thông đại chúng như internet, truyền hình, báo chí, và các trang mạng xã hội đã và đang đem đến cho con người nhiều điều bổ ích và tiện lợi. Chẳng hạn, nhờ truyền thông đại chúng và mạng xã hội, chúng ta có được vô số tin tức cập nhật từng phút từng giờ trên khắp thế giới. Bao nhiêu kiến thức phổ thông và chuyên môn về nhiều lãnh vực từ giáo dục, sức khỏe đến mọi nhu cầu của cuộc sống, cũng như hàng khối dữ liệu, sách báo, phim ảnh quý báu mà nếu không có

internet, truyền thông và mạng xã hội hiện đại thì một đời người chắc chắn không thể nào sưu tầm ra được.

Đối với Phật Giáo, thế giới tục đế là tương đối và vì vậy luôn luôn có tốt và xấu, có thiện và ác cùng hiện hữu. Tự bản chất, thế giới truyền thông được hình thành và phát triển trong mối tương quan tương duyên của nhiều điều kiện và không có tự tính cố định. Chúng cũng luôn luôn biến đổi và vô thường trong từng sát na chứ không phải chỉ trong giờ phút. Nó là thế giới ảo luân diễn trong ba cõi không thật. Nhìn sâu vào bản chất của truyền thông và con người dưới tuệ nhãn của nhà Phật đều là không thật, chỉ như những ảo ảnh chợt hiện chợt tắt trên màn hình kỹ thuật số. Cả hai đều đang đóng vai của những diễn viên trên sân khấu cuộc đời mà đạo diễn chính là tâm thức con người. Tâm thức ấy có khi thiện và cũng có lúc ác. Nhưng kỳ thật cái tâm chủ nhân ông tạm thời đó cũng chỉ là trạng huống biến thể của một thể lực vô hình vô tướng nhưng năng lực thì thật là kỳ diệu vô song mà mắt người không thấy được, giống như luồng điện kích động cho những mã số và điểm phân giải hoạt động trên máy điện toán và màn ảnh truyền hình.

Nhưng làm sao con người có thể thoát được tác động của thế giới truyền thông, dù nó cũng là sản phẩm do chính con người tạo ra, trong cuộc sống tương đối và nhiều hệ lụy này? Đây có lẽ cũng là điều mà nhiều người đang quan tâm.

Đức Phật đã nói từ lâu rằng con người là kẻ thừa tự những gì do chính họ tạo ra. Chiêm nghiệm lời Phật dạy và nhìn vào thực tế chúng ta thấy con người tạo ra máy điện toán, điện thoại cầm tay, trang mạng toàn cầu, truyền hình, báo chí, v.v... Rồi cũng chính con người ở một bình diện nào đó là nạn nhân của những sản phẩm kia. Điều mà đức Phật gọi là do con người tạo ra chính là hành động tạo tác của thân, miệng và ý, hay nói theo thuật ngữ nhà Phật là ba nghiệp. Trong 3 nghiệp này thì chủ chốt nhất là tâm. Vì vậy, để giải nghiệp thì phải bắt đầu từ tâm. Tâm nghĩ điều lành thì miệng sẽ nói điều lành và thân sẽ làm điều lành. Nhờ đó mà cuộc sống cá nhân và cộng đồng xã hội sẽ được nhờ, sẽ được an ổn, hòa bình. Đây là điều kiện chính yếu và quan trọng nhất để xây dựng và phát triển truyền thông theo chiều hướng cải thiện và xây dựng con người và xã hội.

Trong ý nghĩa này, nhà làm truyền thông cần nên có cái tâm. Cái tâm mà thi hào Nguyễn Du viết trong Truyện Kiều gọi là, "Thiện căn ở tại lòng ta..." Đó là cái tâm lành mà nhà truyền thông nên nghĩ đến khi viết hay đưa một bài viết, một bản tin, một hình ảnh lên các phương tiện truyền thông để phổ biến đến đại chúng. Nghĩ cho người khác là tâm vị tha của nhà Phật. Nó phát xuất từ tâm lòng biết nghĩ cho tha nhân, biết cảm thông và thương tưởng đến đồng loại, cũng như biết điều mình sắp làm sẽ có tác dụng như thế nào đến cá nhân con người và xã hội chung quanh. Trong thế giới tương đối này, chúng ta sống được là nhờ tất cả những điều kiện, những duyên từ bản thân đến gia đình và cộng đồng xã hội góp lại, tuyệt nhiên trong đó không có một điều kiện nào đóng vai trò độc lập duy nhất làm cho chúng ta tồn



LỜI THƠ VIỄN XỨ

*Bao năm xứ người lưu lạc
Học hành chữ nhớ chữ quên
Bài ca quê hương mẹ dạy
Giò đưa lá rụng bên thềm.*

*Phố chiều khói sương giăng phủ
Chừng như cũng cợt cũng trêu
Nỗi niềm tha phương, ai hiểu!
Ở thôi gởi khói lam chiều.*

*Bếp lửa quê nhà mẹ thổi
Bữa cơm dưa muối mặn mà
Chắt chiu giọt tim giọt lệ
Tháng ngày nuôi lớn đời ta.*

*Chừ con tha phương học đạo
Kệ kinh vui với đời thường
Đèn khuya cảo thơm lần gở
Mong tròn ngũ nghĩa yêu thương.*

*Mẹ ơi, cả đời lận đận
Còng lưng gánh nỗi nhớ thương
Mỗi lần nhìn con nước chảy
Thương thương câu hò quê hương.*

*Gởi mẹ bài thơ viễn xứ
Bởi con chưa vẹn đạo, đời
Mở trang kinh xưa tập đọc...
Thương về quê cũ, mẹ ơi!*



thơ

MẶC KHÔNG TỬ

tại. Do đó, nhà truyền thông thực hiện quyền tự do ngôn luận không phải là muốn nói gì, muốn viết gì cũng được, mà phải biết nghĩ đến người khác, biết tôn trọng các quyền cơ bản của người khác, theo khuôn khổ luật pháp của quốc gia mà mình đang sống, và không làm hại đến tha nhân và cộng đồng xã hội. Chính vì thế, ngoài cái tâm ra, nhà truyền thông còn cần có cái trí để biết cách hành xử quyền tự do ngôn luận của mình sao cho hợp tình hợp lý. Cái tâm là từ bi. Cái trí là trí tuệ. Đó là hai cái bánh của cỗ xe Đạo Phật mà nhà truyền thông Phật Giáo đang lái trên đường trung đạo đưa mình và người ra khỏi sự trôi buộc của nghiệp lực bủa vây để vươn đến cuộc sống an lạc, giải thoát và phát triển toàn diện.

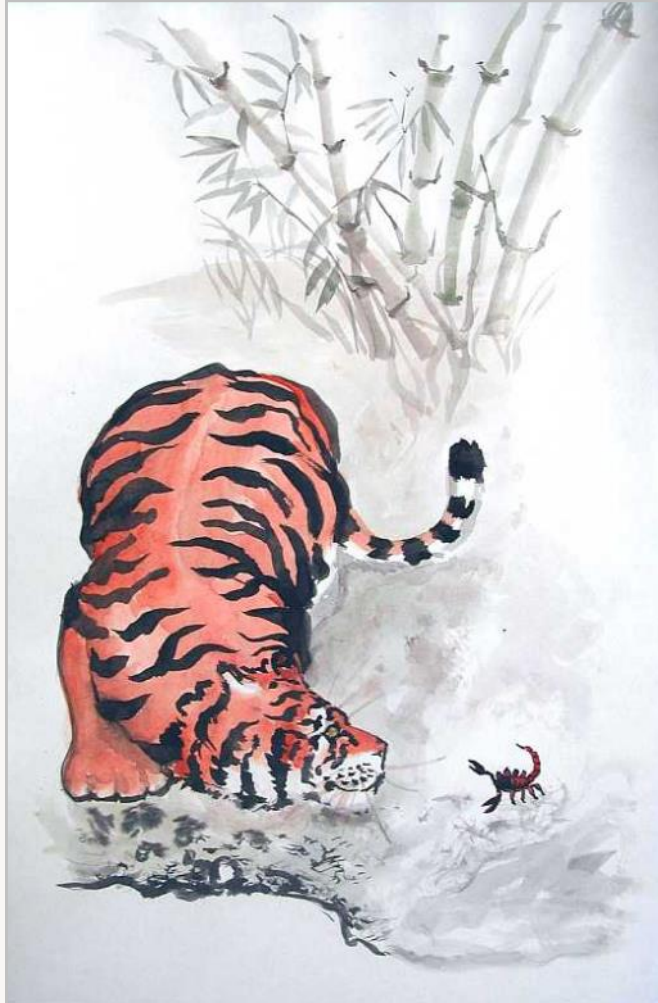
Khi đức Phật sắp nhập niết bàn, Thầy A Nan hỏi đức Phật sau này ghi lại những lời dạy của Phật thì lấy gì làm bằng cho người khác tin, đức Phật dạy Thầy A Nan nên bắt đầu mỗi bài kinh bằng câu: "Như thị ngã văn," tức là "Tôi nghe như vậy." Tôi là Thầy A Nan. Nghe như vậy là nghe đức Phật giảng như thế nào thì tụng lại, ghi lại như thế đó, không thêm không bớt. Nguyên tắc này có thể ứng dụng thích đáng cho lãnh vực truyền thông. Nghe như thế nào, thấy như thế nào thì kể và viết lại như thế đó, tức là tôn trọng sự thật. Không tôn trọng sự thật, nhà truyền thông tự mình phá đổ niềm tin của khán thính độc giả, của quần chúng. Nhà truyền thông không còn được tin tưởng nữa thì vai trò và chức năng truyền thông của người đó cũng tự động mất hiệu năng.

Tuy nhiên, tôn trọng sự thật và phương cách trình bày sự thật để quần chúng chấp nhận đòi hỏi đến kỹ thuật chuyên môn và kinh nghiệm đầy đủ. Vì thế, nhà truyền thông cũng cần phải có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dồi dào để hoàn tất nghiệp vụ một cách tốt đẹp và nâng cao thành quả của công tác truyền thông.

Trong thời đại mà truyền thông chiếm ngự hết mọi sinh hoạt của từng cá nhân con người đến cộng đồng xã hội, những Phật tử, tăng, ni và nam nữ cư sĩ, không thể không sử dụng đến truyền thông để hỗ trợ cho công cuộc hoằng pháp và góp phần xây dựng và phát triển con người và xã hội. Tất nhiên, cho đến thời điểm này đã có nhiều thành quả rất đáng khích lệ trong việc dùng truyền thông để hoằng pháp với hàng ngàn trang mạng toàn cầu, trang mạng xã hội, đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí, tạp chí, sách vở, tài liệu, v.v... do cá nhân, chùa viện hay tổ chức Phật Giáo của nhiều nước thực hiện.

Dù vậy, dường như đối với Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước đều chưa thật sự vận dụng đúng mức vai trò và chức năng của truyền thông cho công cuộc hoằng pháp có hiệu quả rộng lớn không những trong giới Phật Giáo mà còn đối với quần chúng và xã hội bên ngoài. Chẳng hạn, có rất nhiều chùa và tổ chức Phật Giáo làm nhiều Phật sự ý nghĩa, nhưng vì không có người viết tin, viết bài có nội dung thuyết phục để phổ biến trên các phương tiện truyền thông nên, đã không đánh động được sự tham gia đông đảo hơn nữa của quần chúng Phật tử các giới. Qua việc này có thể hiểu thêm một điều nữa là nếu các vị trụ trì một ngôi chùa có khả năng viết bản tin, viết bài Phật pháp có chất lượng để phổ biến trên các cơ quan truyền thông thì sẽ giúp ích nhiều hơn nữa sự hiểu biết Phật Pháp và xây dựng vững chắc hơn niềm tin của Phật tử.

Khi các phương tiện truyền thông tin học, kỹ thuật điện toán, kỹ thuật số phổ biến rộng rãi thì



giới Phật tử, xuất gia và tại gia, cũng cần phải cảnh giác cao độ đối với việc lạm dụng hay bị lạm dụng quá đáng để gây ảnh hưởng không tốt cho uy tín của Phật Giáo.

Tóm lại, truyền thông Phật Giáo gánh vác một sứ mệnh thật khó khăn, nhất là trong thời đại tin học bùng nổ hiện nay với tình trạng ngày càng phức tạp của thế giới ảo. Sứ mệnh khó khăn đó là vừa chu toàn chức năng truyền thông hiện đại với việc bắt kịp những tiến bộ và đổi thay nhanh chóng từng ngày, vừa giữ gìn được truyền thống phẩm chất giải thoát và giác ngộ của Phật Giáo. Nhưng, có làm được như thế, truyền thông Phật Giáo mới có thể xứng đáng góp phần vào việc xiển dương Chánh Pháp của đức Phật giữa thời đại tin học, điện tử, kỹ thuật số biến đổi và tiến bộ phi mã.

Chú thích:

- 1) Marshall McLuhan, Understanding Media, Gingko Press, 1964 và 2003.
- 2) Brian Jung, The Negative Effect of Social Media on Society and Individuals, <http://smallbusiness.chron.com>
- 3) Nguồn: http://www.qcsu.edu/adp/docs/social_media_issue_guide_1.pdf
- 4) <http://www.pewglobal.org/2015/03/19/internet-seen-as-positive-influence-on-education-but-negative-influence-on-morality-in-emerging-and-developing-nations/>

NGÔI THUYỀN BÁT NHÃ

Thích Nguyên Tạng

Trong bài phục nguyên cuối thời Kinh khuya có câu: "Xe Tam Thừa lộng lẩy, Thuyền Bát Nhã thênh thang, Sáu Đường dốc ngược đèo ngang, Ba Cối sông mê lặn hụp..."; trong Đại Bi Sám Pháp có câu: "Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, nguyện con mau lên Thuyền Bát Nhã" và bài thơ chúng ta hay nghe trong các bài đạo từ của quý Hòa Thượng:

*Tay ta nâng bát cơm mùi Hương Tích
Cạn với nhau một tách nước Tào Khê
Dẫn quần sanh Bảo Thành sớm quay về
Thuyền Bát Nhã dong buồm lên bến Giác...*

Thật vậy, trong sinh hoạt thường nhật ở Chùa ai ai cũng từng nghe qua câu "Ăn cơm Hương Tích, uống trà Tào Khê, ngồi thuyền Bát Nhã, ngắm trăng Lăng Già", do đó mà nhiều người thắc mắc "Thuyền Bát Nhã" là loại thuyền như thế nào? Bài viết này sẽ giải đáp đôi điều về nghi vấn ấy.

Nói theo Thập Nhị Bộ Kinh, Thuyền Bát Nhã là pháp dụ, tức lấy thí dụ trong thực tế đời thường để hiển bày pháp bí yếu của Phật. Thuyền là chỉ cho các loại thuyền, bè, ghe đi lại trên sông, trên biển. Còn Bát Nhã là trí tuệ, một loại trí tuệ thấu triệt cùng tận chân tướng của vạn pháp trên thế gian là không thật có, là huyền ảo không có thực thể, mà nói theo Đại Trí Độ Luận thì mọi thứ trên thế gian này như bóng trong gương, như trăng dưới nước, như mộng, như sóng năng... để từ đó hành giả đi đến sự giác ngộ giải thoát vì giác ngộ được chân lý "Nhất thiết pháp vô ngã". Do vậy, Thuyền Bát Nhã chính là con thuyền trí tuệ có thể chuyên chở chúng sanh vượt qua biển khổ sanh tử để đến bến bờ Niết Bàn giải thoát an vui.

Là đệ tử Phật, ai ai cũng cảm thấy gần gũi với bài Bát Nhã Tâm Kinh mà ta thường trì tụng hằng ngày, không có thời kinh nào mà ta không tụng bài kinh này, mở đầu thời kinh là Chú Đại Bi, biểu trưng cho lòng từ bi, cuối thời kinh là Bát Nhã Tâm Kinh, biểu trưng cho trí tuệ. Từ bi và trí tuệ giống như đôi cánh không thể thiếu để giúp hành giả bay vào cõi giới an lạc và giải thoát. Cuối bài kinh này có câu thần chú "Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha", tạm dịch là "Đi qua, đi qua, qua bờ kia, qua đến bờ kia, vui thay". Chính do cụm từ "ba la tăng yết đế" (qua đến bờ kia) và từ "Ba La Mật Đa" là "Đạo Bí Ngạn", có nghĩa là "qua đến bờ kia". Bờ kia là cõi giới Niết Bàn, an lạc và giải thoát. Vì sông mê, biển ái làm ngăn cách giữa đôi bờ đau khổ và an vui, muốn qua bờ kia, hành giả phải bước lên thuyền Bát Nhã ngang qua pháp tu Bát Nhã Ba La Mật Đa với ba giai

đoạn: Văn Tự Bát Nhã; Quán Chiếu Bát Nhã và Thất Tướng Bát Nhã. Chính vì tinh thần này mà chư Tổ Đức đã nghĩ đến pháp dụ Thuyền Bát Nhã để giúp cho hành giả dễ dàng suy gẫm và áp dụng pháp tu Bát Nhã này vào trong đời sống hằng ngày của mình để có an lạc và hạnh phúc.

Bát Nhã Tâm Kinh viết cho đủ là *Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh*; *Ma Ha* là lớn; *Bát Nhã* là trí tuệ; *Ba La Mật Đa* là rốt ráo, cùng tận, cứu cánh, đến bờ kia; *Tâm Kinh* là kinh trọng tâm, kinh cốt lõi. Như vậy tựa đề bản kinh này là: Kinh cốt lõi về trí tuệ lớn có thể đưa hành giả qua bờ giác.

Bản Kinh ngắn này gồm có 260 chữ, cô đọng lại từ 4.500.000 chữ, 25.000 câu của Bộ Đại Bát Nhã 600 quyển. Đây là bản kinh Đại Bát Nhã không lồ trong kho tàng Kinh Điển của Phật Giáo. Đức Phật đã thuyết bản kinh này nhiều lần gom lại khoảng 22 năm ở tại 4 địa điểm khác nhau như: 1. Linh Thửu Sơn ở Thành Vương Xá; 2. Tịnh Xá Kỳ Hoàn ở Thành Xá Vệ; 3. Cung Trời Tha Hóa Tự Tại; 4. Tịnh Xá Trúc Lâm ở nước Ma Kiệt Đà.

Bản Bát Nhã Tâm Kinh mà ta thường thọ trì hằng ngày tại Việt Nam là do Pháp Sư Huyền Trang dịch từ Phạn sang Hán. Như đã nói, bản Kinh ngắn là cốt tủy của Bộ Đại Bát Nhã 600 quyển, bộ Kinh đã truyền đến VN vào năm 1958 và được Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm (1911-2003) phát tâm dịch sang tiếng Việt. Ôn Trí Nghiêm đã phiên dịch bộ kinh này ròng rã suốt 8 năm, từ 1972 đến 1980 mới hoàn tất. Và theo lời Ôn Đồng Minh, HT Trí Nghiêm đã dịch theo bản Biệt Hành, gồm 24 tập, mỗi tập gần 1000 trang với 25 quyển nhỏ, và cũng đóng thành 24 tập như nguyên bản chữ Hán. Người viết có duyên làm thị giả cho Ôn Trí Nghiêm và Ôn Thiện Siêu trong 3 mùa An Cư Kiết Hạ tại Chùa Hải Đức, Nha Trang từ 1981 đến 1983. Đầu năm 1998 người viết được bảo huynh là Thượng Tọa Thích Tâm Phương bảo lãnh sang Úc định cư, khi nghe Ôn đau nặng nên đã về thăm Ôn đang nằm bệnh tại Chùa Tỉnh Hội Long Sơn sau mùa An Cư năm 2002 và đứng bên giường bệnh của Ngài, người viết đã phát nguyện sẽ đưa toàn bộ bản dịch của Ngài vào mạng lưới điện toán toàn cầu qua trang nhà quangduc.com, để cúng dường mười

phương Phật tử gần xa và cũng để hồi hướng công đức cho Ôn. Sau khi về lại Úc, chúng tôi đã viết một thông báo ngắn cần gấp 24 người phát tâm đánh máy 24 tập Kinh Bát Nhã (bản in năm 1998) ngay lập tức có 24 Phật tử khắp nơi trên thế giới từ Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Hoa Kỳ, Âu Châu và Úc Châu phát tâm nhận mỗi người một tập để đánh máy,



và đây là bản kinh Đại Bát Nhã tiếng Việt đầu tiên đã online trước lễ Tiểu Tường của Ôn Trí Nghiêm vào ngày 13-01-2004, kính mời xem tại link:

<http://quangduc.com/a3905/kinh-dai-bat-nha-ba-la-mat-da>

Trang nhà Quảng Đức sau đó tiếp tục phát tâm đánh máy bộ Đại Trí Độ Luận 5 tập, số giải Kinh Đại Bát Nhã, bản dịch của HT Thích Thiện Siêu, xin mời xem: <http://quangduc.com/a2989/dai-tri-do-luan>

Chúng con ghi lại những dòng này để thành tâm tán thán công đức của nhị vị Trưởng Lão Hòa Thượng đã có công phiên dịch Kinh và Luận liên quan đến hệ tư tưởng Bát Nhã để cống hiến cho Phật tử VN lần bước lên thuyền Bát Nhã để sang bờ giác ngộ bên kia. Nhân đây xin thành tâm tán thán công đức của quý Phật tử trong ban đánh máy (có người đã qua đời), đã làm việc cấp tốc để kịp đưa bản kinh vào mạng để hồi hướng công đức đến Ôn Trí Nghiêm. Quả thật là một công đức không thể nghĩ bàn của quý vị.

Trở lại con thuyền Bát Nhã, ai muốn lên thuyền Bát Nhã vượt qua sóng mê biển ái phải đi ngang qua ba tiền trình tu tập, đó là Văn tự Bát-nhã, Quán chiếu Bát Nhã và Thật tướng Bát Nhã. Văn tự Bát Nhã cũng là phương tiện Bát Nhã, là hành giả nương vào văn tự, chữ nghĩa để nhận ra chân tướng mọi thứ đều giả tạm và luôn thay đổi. Quán chiếu là xem xét, soi thấu chân tướng của vạn pháp là không có thực thể nhất định. Thật tướng Bát Nhã là nhờ hành giả quán chiếu vạn pháp là vô tướng nên phát sinh ra trí tuệ, nhờ trí tuệ này mà thấu rõ được hết thảy tự tánh, thật tướng, vô tướng của vạn pháp. Văn tự Bát Nhã có thể ví như chiếc thuyền, Quán chiếu Bát Nhã được xem như hành giả ra sức chèo, Thật tướng Bát Nhã xem như hành giả qua đến bờ bên kia. Đại Sư Thái Hư (1889-1947), một người có công chấn hưng Phật Pháp của Trung Hoa đầu thế kỷ thứ 20, từng dạy rằng: Hành giả tu đạo giải thoát ví như người muốn qua sông, vị ấy bước lên thuyền, nhưng vị ấy cứ ngồi đó chơi mà không chịu chèo thuyền, thì mãi mãi không bao giờ thuyền qua đến bờ bên kia được. Đây là sự nhắc nhở khéo léo cho người tu học Phật ngày nay, chỉ biết thích thú giai đoạn đầu là đào sâu, nghiên cứu văn tự, ngữ ngôn của kinh điển rồi ngủ quên luôn trong rừng chữ nghĩa đó mà không tiếp tục cuộc hành trình tiến về phía bờ sông, để lên thuyền và chèo thuyền. Căn bệnh này về sau chính Đại Thi Hào Nguyễn Du (1765-1820) của Việt Nam đã thổ lộ rằng: “Ngã độc Kim Cương thiên biến linh, kỳ trung ảo chỉ đa bất minh”, có nghĩa là: “Kim Cương đọc đến ngàn lần, mà trong mờ ảo như gần như xa”. Rõ ràng như thế, đối với chúng ta có một đời đọc tụng, thọ trì Bát Nhã Tâm Kinh đến hàng vạn lần, nhưng chưa một lần ngộ nhập được lời khai thị mà Đức Phật đã dạy trong bản kinh này “Bồ Tát Quán Tự Tại khi quán chiếu thâm sâu Bát Nhã Ba la mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách nạn.”. Tất cả chúng ta đau khổ và trầm luân trong sinh tử là do chúng ta bị dính kẹt trong tấm thân ngũ uẩn này, muốn hết khổ được vui, phải hạ quyết tâm một lần để trực nhận hợp thể ngũ uẩn là không. Đó là mục tiêu tối hậu và không



có con đường nào khác của người tu học Phật.

“Chiếu kiến ngũ uẩn giai không” là soi thấy năm hợp thể ngũ uẩn đều là không. Toàn bộ hệ tư tưởng kinh điển Bát Nhã chỉ nhằm vào một chữ Không này để giúp cho hành giả nhìn thấu tận cội nguồn của vạn pháp, tất cả mọi thứ trên trần gian này đều ở trong trạng thái là tự tánh Không, không có một tự thể sẵn có, mà phải mượn các yếu tố giả duyên khác để tạo thành.

Ngũ uẩn là năm yếu tố tạo thành con người gồm có thân (sắc uẩn) và tâm (thọ, tưởng, hành và thức uẩn).

1/ Sắc uẩn: Thuộc về thân, chỉ cho hình hài của con người (mắt, mũi, tai, lưỡi, thân), sắc còn chỉ cho vật chất thô phù bên ngoài như đất, nước, núi sông, cây cỏ, đường xá, nhà cửa... Ở đây, sắc uẩn là chỉ thân xác của chúng ta, được kết hợp từ tinh cha huyết mẹ qua 4 yếu tố: Đất, nước, lửa, gió (địa, thủy, hỏa, phong). Thân có được từ các chất cứng (địa) như xương, thịt, răng, tóc, lông, móng...; thủy (nước) là chất lỏng như máu, mô hôi, nước miếng...; phong (gió) là hơi thở ra vào; hỏa (lửa) là hơi ấm. Nếu thiếu một trong bốn yếu tố này ta sẽ chết và điều quan trọng là 4 yếu tố này không có cái nào làm chủ cả, ta không sai khiến được nó, nó ở ngoài tầm kiểm soát của ta, thân ta là do giả duyên hợp lại mà thành, không có tự thể nhất định, nên gọi đó là sắc uẩn, sắc uẩn là không.

2/ Thọ uẩn: Thuộc về tâm, là cảm giác vui, buồn, không vui không buồn. Bản thân của cảm xúc cũng không thật có, nếu ta có vui, có buồn, hoặc không vui không buồn phải đi ngang qua sự tiếp xúc của lục căn với lục trần như mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý thức phân biệt. Chẳng hạn như tai ta nghe bản nhạc “Mừng Phật Đản Sanh”, ta cảm thấy vui, nhưng ta buồn khi nghe bài “Tâm sự người cài hoa trắng”, trong khi nghe bài hòa tấu Piano “Sonata 32” của Beethoven, ta có cảm xúc trung hòa, không vui, không buồn. Cái cảm giác vui, buồn và không vui, không buồn này không thật có mà phải mượn tiếng nhạc du dương kia để nó xuất hiện trong tâm ta, nên Phật dạy thọ uẩn là không.

3/ Tưởng uẩn: Thuộc về tâm, là tri giác, nhận biết mọi âm thanh, sắc tướng xung quanh, hồi tưởng về quá khứ, tưởng tượng hiện tại và tương lai... Ví dụ như đêm tối ta nhìn thấy cục đá bên lề đường mà tưởng đó là con chó. Bản thân tưởng uẩn là không thật có và luôn sai lầm vì nó bị chi phối với ký ức của quá khứ và vọng tưởng điên đảo của hiện tại và tương lai, nên tưởng uẩn là không.

4/ Hành uẩn: Thuộc về tâm, những hoạt động tâm lý sau khi có tưởng, có 2 nghĩa thiên lưu và tạo tác. Thiên lưu là dòng chảy của suy tư; tạo tác ra **51 tâm sở thiện, bất thiện và vô ký**, ví dụ như tâm ý vui thích, ghét bỏ, chú ý, đánh giá, quyết tâm, tình giác. Hành là đối tượng đã tạo nên nghiệp thiện ác. Hành do tưởng mà có, và cũng tùy duyên mà đầy khởi, chứ không thật có, nên hành uẩn là không.

5/ Thức uẩn: Thuộc về Tâm Vương (có 8), là sự nhận thức phân biệt, như mắt thấy sắc, phân biệt đẹp hay xấu, tai nghe tiếng, phân biệt âm thanh lớn hay nhỏ, mũi ngửi mùi, phân biệt mùi thơm hay

hôi, lưỡi nếm vị, phân biệt vị mặn hay lạt, thân xúc chạm, phân biệt lạnh hay nóng. Thức tự bản thân không tự có, mà do sáu căn tiếp xúc với sáu trần mới có phân biệt, nên thức uẩn là không.

Qua sự phân tích của năm uẩn như trên ta không thấy cái uẩn nào là của ta cả, và năm uẩn đều không có thực thể riêng biệt, không có chủ thể nhất định, vậy mà lâu nay ta lầm tưởng ngũ uẩn này là thật có để rồi ta tự gây đau khổ cho mình và cho người. Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, Đức Phật cũng dạy phương cách quán chiếu để giúp ta nhận ra các pháp là tự tánh không rằng:

*"Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán"*

Ý nghĩa hàm chứa:

*Các pháp thế gian thuộc hữu vi
Như đêm đông giấc mộng đông thù
Như đồ giả dối không bền chắc
Như bọt nước tan mất cấp kỳ.
Như bóng trong gương nào phải có
Như sương giọt nắng chẳng còn chi
Như luồng điện chớp làm gì có
Quán xét như vậy mới thật tri.*

Quán xét được như thế để hành giả không rơi vào đau khổ, lo âu, sợ hãi khi vô thường đến. Đặc tính chung của ngũ uẩn là sinh diệt, vô thường, vô ngã và khổ. Nên Kinh Bát Nhã được Đức Phật nói đi nói lại nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau chủ yếu để phá bỏ ngũ uẩn này, ngày nào chúng sinh chưa phá bỏ được bức tường thành kiên cố của ngũ uẩn này thì ngày đó chúng sanh vẫn tiếp tục luân hồi đau khổ và ngược lại, một khi thấu rõ bản chất của ngũ uẩn là không thật có, hành giả sẽ tự tại giữa đôi bờ sinh tử. Bản chất khổ, vô thường và vô ngã của ngũ uẩn là một điểm then chốt mà hành giả phải nhìn cho ra, vì sự đau khổ bắt nguồn từ sự mong manh của ngũ uẩn, trong khi ngũ uẩn là thành tố tạo ra con người với những giả duyên mà đã là giả duyên nên không có bất kỳ một cái "ta" nào thật sự đứng đằng sau con người đó. Liều đạt được tính vô ngã của ngũ uẩn là hành giả đang ở trên Thuyền Bát Nhã để tiến về bờ giải thoát.

Trong bài Kinh Bát Nhã phần còn lại theo sau bức thông điệp "Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách", là sự phá bỏ, phủ nhận tất cả những quy ước về con người, về pháp môn tu tập, về các tầng bậc chứng đắc. Với 7 chữ "Không", 5 chữ "Bất" và 14 chữ "Vô" của bản kinh này đã khẳng định tất cả mọi thứ trên trần gian đều là Không. "Không" ở đây không phải không đối với cái "có" mà "không" ngay nơi cái đang có, mắt có thể thấy, tay có thể xúc chạm nhưng chủ thể của nó vẫn là Không, nó không cố định, không thật có, nó có là do giả duyên hợp lại mà có, dù có đó nhưng duyên tan thì lập tức nó hoại diệt, nên Bát Nhã gọi là tự tánh Không. Ví dụ như ta tự hỏi chiếc xe Toyota Camry mà ta đang lái, cái gì là xe? Ai là chủ thể của chiếc xe? Vô lăng là chủ thể? 4 bánh là chủ thể của xe? Bình thùng là chủ thể của xe? Hay kỹ sư cơ khí là chủ thể của xe?...Tất cả đều không phải mà



chiếc xe này là do nhiều yếu tố, nhiều duyên tổng hợp lại để thành chiếc xe, nếu thiếu một trong hằng trăm yếu tố kia, chiếc xe không bao giờ thành. Con người cũng vậy, cái gì là con người? Kỳ thực con người cũng chỉ là da bọc xương, đầu, mình, tay, chân...cùng với những tình cảm, tư tưởng... Do đó những cái mà chúng ta gọi là chiếc xe, là con người, chỉ là giả danh, không có thật, tức là "Không". Cho nên Bồ Tát Long Thọ mới khẳng định qua bài kệ:

*"Chúng nơnon duyên sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc vi thị giả danh
Diệc thị trung đạo nghĩa
Vi tạng hữu nhất pháp
Bất tùng nhân duyên sanh
Thị cố nhất thiết pháp
Vô bất thị không giả"*

Nghĩa là: "Pháp do nơnon duyên

sanh. Cho nên nói pháp là Không. Không cũng là giả danh. Hiểu thế là trung đạo. Chưa từng có một pháp nào, không từ nơnon duyên sanh. Thế nên tất cả pháp, không pháp nào chẳng Không". Trong Kinh Tạng Nhất A Hàm cũng dạy cách để phá chấp ngũ uẩn rằng: Quán sắc như tụ mật, thọ như phủ bạt, tưởng như dã mã, hành như ba tiêu, thức như huyễn pháp", có nghĩa: "quán sắc như như hạt bọt, thọ như bong bóng nước, tưởng như ngựa hoang, hành như cây chuối và thức như trò ảo thuật". Và Đức Phật dạy tiếp trong Kinh Bát Nhã "Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh...", nghĩa là tướng không của các pháp không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch... Do không sanh, không diệt nên nó thường còn, trước sau không bao giờ đổi thay. Còn những gì sanh diệt là cái tạm có, có rồi tan biến mất.

Muốn chặn đứng dòng chảy của luân hồi sinh tử, hành giả phải nhìn thấy vạn pháp là không tướng, để ta không vướng nhiễm và khổ đau. Xưa nay vì ta lầm chấp và vướng nhiễm mọi thứ là thật có, nên mới mãi lặn hụp trong ba cõi sáu đường, và khi ta bị dính kẹt trong thân ngũ uẩn này thì bị nó chi phối và đọa đầy, chỉ có Chư Phật, chư Bồ Tát, Chư vị A La Hán mới không bị ngũ uẩn ràng buộc và cột trói. Vì vậy trong kinh Kim Cang Phật tuyên bố: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai", nghĩa là: "Trong đời sống này những gì có hình tướng đều là hư vọng mong manh. Nếu thấy các tướng không phải tướng, tức là thấy được Như Lai". Phi tướng hay không phải tướng là chỉ cho các pháp do duyên hợp giả có, chứ không thật có, đó là thấy được thật tướng mà thấy được thật tướng là thấy được Đức Như Lai. Đức Như Lai ở đây cũng là chỉ cho bản giác của chính mình chứ không phải Đức Như Lai ở đâu xa xôi. Từ lời dạy này mà về sau, Thiền Sư Vĩnh Gia Huyền Giác đã cất lên lời ca tiếng hát khi nhận ra bên trong tấm thân ngũ uẩn còn có chân tâm thường trú, thể tánh tịnh minh, rằng:

*"Pháp thân giác liễu vô nhất vật
Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật
Ngũ uẩn phù hư không khứ lại
Tam độc thủy bào hư xuất một".*

Nghĩa là:

*Pháp thân giác rồi không một vật,
Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật.*

Năm ẩm ảo hư: Mây lại qua,
Ba độc huyền hoặc: Bọt còn mất.
(Bản dịch của Trúc Thiên)

Đây là lời khai thị lạc quan khác để cho hành giả an tâm lên thuyền Bát Nhã, vì một khi có tia sáng của Bát Nhã Ba La Mật rồi thì ta nhận ra được pháp thân thanh tịnh của chính mình ở ngay trong tâm thân giả tạm này, khi đó chỉ xem vạn pháp là giai không, duyên sanh là như huyền, xem ngũ uẩn chỉ là áng mây tụ tán trên hư không và xem ba độc tham, sân, si như bọt bóng trên mặt nước. Thi Hào Nguyễn Du cũng nói lên tinh thần này như sau:

*"Kiếp phù sinh như hình bào ảnh
Có câu rằng "Vạn cảnh giai không"
Ai ai lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi ..."*

Còn một điểm then chốt nữa của Bát Nhã Tâm Kinh là phá bỏ kiến chấp về pháp môn tu tập và các tầng bậc chứng đắc của hành giả, rằng "Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố". Theo Kinh Lăng Già Tâm Ấn thì mỗi chúng sanh đều có một Như Lai Tạng tánh, thường trụ thanh tịnh vắng lặng, bất sinh, bất diệt, đó là Phật tánh chân như, nhưng do duyên khởi với 5 uẩn, với 12 xứ, với 18 giới nên bị vô minh dẫn lối, đưa đường bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, mà có luân hồi, đau khổ. Bồ Tát Mã Minh đã ví biển cả, tánh của nước là Như Lai Tạng, do vì có gió vô minh nên tâm thức vọng động mới nổi sóng ba đào; một khi gió yên, sóng lặng thì biển cả mới hoàn lại như cũ.

Tóm lại, do phiền não và vô minh che lấp tâm tánh mà con người không nhận ra được tự tánh của vạn pháp là giai không, nên vướng nhiễm, chấp đắm và khổ đau. Chư Tổ Đức dạy chúng ta thọ trì Bát Nhã Tâm Kinh mỗi ngày sáu thời là để giúp cho ta huân tập chủng tử Bát Nhã, sống trong thế giới Bát Nhã, mà sống trong thế giới Bát Nhã là sống trong chánh niệm tỉnh giác với tâm rỗng rang, thanh tịnh, rõ ràng thường tri, trực nhận mỗi phút giây của đời sống này là quý báu và mầu nhiệm. Nhờ ánh sáng của Bát Nhã Ba La Mật mà đời sống của chúng ta khinh an trong từng sát na mới mẻ hiện tiền, mỗi bước đi, mỗi hơi thở, ta không rời xa chân như thật tướng, ta sống với một tinh thần vô ngã vị tha, mang tình thương đến cho người, làm với bớt khổ đau của người. Nhờ ánh quang minh của Bát Nhã Ba La Mật mà hành giả luôn an trụ trong "đương thể tức không", là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sanh ra sáu thức, ngay nơi đó ta nhận biết được vạn pháp là không tướng, vô tướng, không phải ngoại cảnh biến mất rồi mới là Không mà ngay khi thấy sự vật còn hiện tiền đó vốn đã Không rồi, nên hành giả luôn tỉnh giác chánh niệm, mà chánh niệm là vô niệm, mà vô niệm chính là cứu cánh Niết Bàn, đây là chỗ đến cuối cùng của người đệ tử Phật. Thành tâm chúc nguyện mọi hành giả mau lên thuyền Bát Nhã để qua đến bờ kia thông suốt và an toàn./.

Nam Mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát
Viết tại Trường Hạ Pháp Bảo,
Mùa An Cư Kiết Đông, tháng 7 năm 2015
Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng

TRĂNG MỜI GỌI BƯỚC

*ước gì bên nhau đêm trăng
vườn khuya có tiếng gọi thầm
trăng dẹt vẫn thơ khó viết
trăng dàu giấc mộng xa xăm*

*ra vườn đi em đêm nay
trên kia trăng lộng trời mây
trên kia lụa là ộng trái
trong đêm huyền diệu mắt ai*

*cỏ hoang vươn tay gầy với
chân quen mời gọi cận kề
biển yêu cần chẳng tiếng nói
sóng ngầm run vô trăn ly*

*môi nồng rượu ẩm say đi
say đi, cho quên đường về
đường về, xót thân lữ thứ
đường về, tỉnh mộng nào nề*

*ra vườn đi em đêm nay
mai sau nhớ lại hôm nay
chuyện qua đã đành chuyện cũ
nhưng là chuyện cũ khó phai!*

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



RỒ KHÔNG CHỨA NƯỚC

Có cụ già nọ thi thoảng mới đến chùa nên thấy không được gần gũi lắm bèn hỏi cụ kể bên:

- Chị lên chùa làm gì và thấy cảm giác ra sao?

- Tui mỗi cuối tuần đều lên chùa tụng kinh, nghe pháp, làm công quả... nên thấy vui vẻ, an lạc lắm.

- Vậy thầy thường giảng pháp gì?

- Tui già cả nghe nhiều nhưng chẳng nhớ bao nhiêu.

Hòa thượng đang tuổi hoa nghe vậy bèn dắt hai cụ đến bên lu nước rồi lấy cái rổ dơ mức nước, mức hoài mà có được đâu. Hai cụ già ngạc nhiên nói:

- Rổ mức nước được hả thầy?

Hòa thượng cười:

- Rổ không chứa nước nhưng mức hoài rổ dơ cũng sạch. Các cụ già nên nghe pháp dầu quên cũng được an lạc, hữu phước như thường.

MỘT LẦN THẮNG

Nó bị đốc công "đi" suốt mấy năm nay, lương không tăng mà toàn giao việc nặng... Ngày ngày vào hăng cảm thấy nặng nề, bức bối. Hôm nay đang làm việc bỗng trong đầu nó có tiếng thì thầm:

- Bạn bị thiệt, hãy ăn cắp phụ tùng bán bù lại; hoặc phá cho máy hư thế nào thắng chả cũng bị chủ khiển trách.

Nó nghe thấy có lý quá nhưng bất chợt trong tâm có lời khẳng khái:

- Người đã xấu nhưng bạn làm vậy còn xấu hơn, dầu không ai biết nhưng hại người hại vật mất mũi nào mà lễ Phật!

Tan ca lái xe về, nó nhớ lại lời Phật dạy "thắng vạn quân địch không bằng thắng bản thân mình." Bất chợt nó thấy lòng nhẹ nhõm lạ lùng.

TƯỚNG MẠT PHÁP

Tiếng đồn chùa linh lắm, cầu gì được nấy. Thầy coi đất, coi ngày chính xác... Nhiều đại gia, quan chức trúng đậm nên đến tạ ơn, xe cộ nườm nượp... Nhất là sau cái bận thầy trúng cử hội đồng, lên ti vi phát biểu xóm tụ:

- Phật tử phải sống tốt đạo đẹp đời, chùa áp dụng đúng chủ trương chỉ đạo...

Năm ấy thầy nhận mấy huy chương, bằng khen chứng nhận "Sư tiến bộ." Người ta xì xầm:

- Chùa có tượng Phật cổ quý lắm. Thầy cất riêng trong thất, chỉ có ai thân tín lắm thầy mới cho vào sờ để lấy hên!

OAN

Nhà có mảnh ruộng tốt nằm ở mặt tiền, khi con lốc đầu tư lan đến quan muốn lấy bán nhưng ga cách nào cũng không xong bèn khế anh ta vào tội làm quốc sự. Quan tịch thu tài sản, bắt anh bỏ tù. Vợ ráng nhặt nhanh, vay mượn mượn thầy cãi. Ngày ra toà, quan đuổi lý bèn đập bàn quát:

- Nó làm quốc sự sẽ bỏ tù một gông, còn thầy cãi có âm mưu gì mà dám nghi ngờ chính sách của triều đình?!

LƯỚI CÂU

Đạo này làng nước nhiều oan trái, nhiều diêm bất tường. Nhóm người lạ ngông nghênh đi lại trong làng, hoặc cho, hoặc bán đủ thứ hăm bà lẳng... dân thì mắc nhiều bệnh lạ. Ông Tú hay chữ, đa văn cảnh báo:

- Đàng sau miếng mồi là lưới câu.

Mụ tú bà và đám chức sắc mắng ạt đi:

- Ông già lẩn thẩn, làm mất hoà khí anh em!

Bọn người lạ nghe thế mừng lắm bèn biểu gánh quà. Mọi người ùa vào tranh nhau ăn, ăn xong bỗng nhiên cả bọn trở nên ứ ứ, nói năng lảm nhảm còn dân làng thì hoa mắt váng cả đầu. Riêng ông Tú thì trầm ngâm mà nước mắt lưng tròng.

TÂM CON TRÉ

Trên con phố tấp nập người qua lại, cửa hiệu, đèn điện thật hào nhoáng... có người hành khất tiều tụy nép sát góc phố ngóng chờ sự bố thí. Chú bé giật tay mẹ:

- Mẹ cho ông ấy ít tiền.

- Không! đồ ngien ngạp làm biếng!

Nói xong lời chú bé đi nhanh như muốn tránh xa. Chú bé ngoái đầu lại nhìn, bất chợt rút khỏi tay mẹ và đứng lại:

- Mẹ nghĩ sao nếu chẳng may con cũng giống như ông ấy?

Người mẹ sửng sờ nhìn chú bé nói không nên lời.

STEVEN N

Atlanta, July 2015



NỘI QUÁN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Lam viên
bốn phương,

Anh Chị Em còn nhớ câu chuyện “bà già mu khóc” hay không? – Có một bà già hay khóc, bị bà con chọc quê là “bà già mu khóc”; trời mưa bà cũng khóc, trời nắng bà cũng khóc. Một ngày kia một người khách hàng tò mò đứng lại hỏi: Bà cụ ơi! tại sao lúc nào cũng thấy bà khóc cả vậy? Bà già đáp: tôi chỉ có hai cô con gái, cô chị bán giày vải và cô em bán dù; hễ trời nắng thì đâu có ai đến mua dù, tôi lo cô con gái thứ hai của tôi sẽ đói, còn trời mưa thì đâu có ai đến mua giày vải làm gì, tôi lại lo cô con gái đầu của tôi không có thu nhập, tôi khổ quá đi!

Người khách hàng nói: “Đó là tại bà cụ suy nghĩ tiêu cực mà thôi! Bà thử đổi lại, suy nghĩ như thế này: khi trời nắng, cô chị sẽ rất đắt hàng còn khi trời mưa thiên hạ sẽ đổ xô vào mua dù của cô em! Như vậy, trời nắng hay trời mưa gì, bà cụ cũng khỏi lo lắng khóc lóc chỉ cho mệt!” Bà già nghe thích quá, từ đó bà không khóc nữa, trái lại cười tươi và vui vẻ suốt ngày.

Thưa Anh Chị Em,

Tất cả chúng ta đều có thể là

“bà già mu khóc” mà không tự biết đấy thôi! Đó là chúng ta luôn có những suy nghĩ, cách nhìn rất tiêu cực, luôn đổ thừa cho hoàn cảnh, cho những người chung quanh đã làm hại chúng ta chứ không bao giờ ý thức được rằng chính chúng ta tự làm hại mình chứ không ai khác! Này nha, khi chúng ta buồn bực, giận hờn, sân si, v.v... thì những trạng thái ấy của Tâm luôn kéo theo những phản ứng vật lý của Thân: mặt đỏ hay tái đi, tim đập mạnh, hơi thở không điều hoà, giọng nói và lời nói không còn tự chủ được, v.v... Tại sao? – Xin thưa, tại vì ngay khi chúng ta gặp một điều bất như ý bên ngoài (tác động lên Tâm) thì một cảm thọ khó chịu (khổ thọ) xuất hiện ngay trên Thân và SÂN chính là phản ứng chống lại cảm giác khó chịu đó. Nếu chúng ta học được cách làm thế nào để quan sát những cảm thọ trên Thân này với thái độ bình thản hay buông xả, không phản ứng lại, chúng ta sẽ giải thoát mình ra khỏi thói quen cũ là dùng dùng nổi giận, đập bàn đập ghế, la hét om sòm (sân). Những thói quen cũ chúng ta thường gọi là những “tập khí” không chỉ

gồm sân hận mà cả khi vui mừng thái quá, nhảy nhót vì sung sướng, hạnh phúc, thắng lợi v.v... cũng không hay! Chúng ta phải học phương pháp và thực tập quan sát mọi cảm thọ cả dễ chịu lẫn khó chịu (vui-buồn, hay-dở, tốt-xấu, thương-ghét, v.v...) một cách khách quan vô tư, giữ được thái độ buông xả và sự hiểu biết rằng các cảm thọ đó rồi sẽ qua đi vì mọi cảm thọ đều có bản chất vô

thường, sanh diệt trong từng sát na; không có bất cứ một cảm thọ nào tồn tại mãi mãi được.

Những điều này tất cả anh chị em chúng ta đều đã biết và đã thực hành nhiều hay ít – vì đó chính là sự thiền tập, giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức hay quán chiếu thân tâm, tự soi rọi lại mình, v.v... chúng ta gọi bất cứ tên gì cũng được; đó là những thực tập từ đơn giản đến tỉ mỉ, từ thô đến tế, mà chúng ta đã thực hành và trao truyền cho nhiều thế hệ đàn em; đó cũng là Thiền trong đời sống 24/24 từ lúc:

Thức dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tỉnh khò
Nguyện sống cho trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời

rồi:

Đánh răng và súc miệng
Cho sạch nghiệp nói năng
Miệng thơm lời chánh ngữ
Hoa nở tự vườn Tâm

Hay:

Chén trà trong hai tay
Chánh niệm nâng tròn đầy
Thân và Tâm an trú
Bây giờ và ở đây
v.v...

Cứ như vậy, nếu tiếp tục duy trì việc quan sát các cảm thọ một cách buông xả, chúng ta sẽ thấy rằng sự giận dữ nổi lên càng ngày càng yếu đi và một ngày nào đó, Tâm chúng ta không còn nuôi dưỡng cảm giác giận dữ nữa; đó chính là cách tốt nhất để giải thoát bản thân mình ra khỏi những chất độc hại “giết người” (Tham, Sân, Si là ba loại thuốc độc, không phải sao?).

Kính chào tinh tấn!

BBT





NHẪN NHỤC

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Khổng giáo cũng vậy, mà Phật giáo cũng vậy, dạy tín đồ nên học chữ “nhẫn.” Nhẫn là nhẫn nhục, chữ Hán viết chữ “nhẫn” gồm chữ “đao” ở trên và chữ Tâm ở dưới, ý nói chịu đựng rất khó, rất đau đớn vì con dao nằm ngay trong tâm... Chữ *nhẫn* trong Phật giáo có thể minh họa bằng những lời của tôn giả Xá Lợi Phất dạy La Hầu La như sau: **“Người không biết nhẫn sẽ không tiếp thọ được Phật Pháp, giận dữ, oán người là trái với Pháp, xa chư Tăng, thường luân hồi trong đường ác. Hạnh nhẫn nhục mới là hạnh an ổn, mới có thể tiêu trừ tai nạn. Người có trí tuệ thấy được nhân quả sâu xa, khắc phục tâm sân hận, thường hành hạnh nhẫn nhục. Tính thần của Phật Pháp, chân nghĩa của Phật Pháp không giống như lối nhìn của người đời. Cái gì thể gian cho là quý thì Phật Pháp cho là hạ tiện; những gì Phật Pháp cho là tốt thì người đời không chịu làm theo! Trung không ưa nịnh, tà chẳng thích chánh, ác không thích đi chung với thiện, người tham dục thì ghét người vô dục, v.v... Trong tình cảnh ấy, người có tu chỉ có việc nhẫn nhục vì nhẫn là duyên trợ đạo tốt nhất, nhẫn như thuyền bè trên sông biển, có thể vượt qua mọi sóng gió, nhẫn là thuốc hay trị bệnh cứu mạng con người khi lâm nguy. Người có đức nhẫn nhục được trời người kính ngưỡng, là vì tâm đã đủ sức để tự an ổn.”**

Chữ “nhẫn” được chiết tự theo kiểu Hán văn thì đó là “con dao ở trên chữ Tâm” còn chiết tự theo kiểu Việt Nam mình thì nhẫn là “nhân ngã”; Nhân là người, Ngã là ta, muôn sự muôn vật phiền não đau khổ hay hạnh phúc thành thoi đều do 2 “nguyên tố” này mà ra, phải không các bạn? Chúng ta hãy suy gẫm và quán chiếu càng sâu, càng thấy lý thú về chữ “nhẫn.”

Ngày xưa cậu bé La Hầu La,

một thiếu niên mới 15 tuổi, đi khất thực cùng với sư phụ là tôn giả Xá Lợi Phất, bị kẻ côn đồ vô cớ chửi bới, hành hung đến nỗi phải lổ đầu chảy máu. La Hầu La nghe lời khai thị của sư phụ, lặng lẽ đến bên một ao nước, soi mặt xuống lau chùi và băng bó vết thương. Trong lúc tuổi trẻ máu nóng lại có thể nhẫn nhục như một vị Thánh, La Hầu La đã khiến cho sư phụ cũng được an tâm và tự hào về người đệ tử của mình.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Chúng ta cũng là đệ tử Phật, cần phải noi gương cậu bé này, cần phải có tinh thần nhẫn nhục, trong tâm không chứa niềm sân hận; lúc vinh dự đừng sinh lòng tự mãn, khi bị lăng nhục cũng đừng oán hận; đó chính là chúng ta đã điều phục được tâm giận dữ. Trên thế gian này không có gì sánh bằng người có sức nhẫn mạnh mẽ. Đức Phật cũng dạy rằng: trong cõi trời và cõi người, dù sức mạnh đến đâu cũng không hơn nhẫn nhục.

Mọi chuyện trong thế gian nếu có rắc rối, hiểu lầm, nói xấu,

thóa mạ v.v... cũng do lòng ganh ghét, đố kỵ mà ra. Lúc đầu chỉ là một đốm lửa nhỏ nhưng vì mê muội, tạo nhiều sơ hở để cho thiên hạ đổ thêm dầu vào gây ra đám cháy lớn, người trong cuộc mất mát tài sản ngoài cuộc sau khi đổ thêm dầu “thành công” thì vỗ tay cười! Cái vui cái buồn của thế gian thật là nhỏ nhen, bần tiện, phải không, thưa các Bạn? Như thế nên chúng ta cần đề cao, cảnh giác nghĩa là luôn tỉnh thức để nhận định, nói năng hay im lặng cho đúng, cho hợp tình hợp lý và nhất là cho đúng với tinh thần Phật Pháp.

Thân kính chúc Anh Chị Em nắm chắc tinh thần nhẫn nhục và ghi nhớ lời dạy của tôn giả Xá Lợi Phất nói với cậu thiếu niên La Hầu La để làm kim chỉ nam cho việc ứng xử trong giai đoạn nhiều nhương, “pháp nhược ma cường” này.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





TRÙNG TRÙNG NHÂN DUYÊN

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Áo Lam bốn phương,

Có nhiều câu chuyện rất bình thường chúng ta gặp hằng ngày nhưng lại chính là những bài Phật Pháp sống động không ngờ được; sau đây là một ví dụ (bài viết này là email của một bạn đọc gửi đến):

Một hôm một người đàn ông trông thấy một bà lão với chiếc xe bị tắt máy đậu bên đường. Tuy trời đã sẩm tối, anh vẫn có thể thấy bà đang cần giúp đỡ. Vì thế anh lái xe tấp vào lề, đầu phía trước chiếc xe Mercedes của bà rồi bước xuống xe. Chiếc xe Pontiac cũ kĩ của anh vẫn nổ máy khi anh tiến đến trước mặt bà. Dù anh tươi cười nhưng bà lão vẫn tỏ vẻ lo ngại. Trước đó khoảng một tiếng đồng hồ, không một ai dừng xe lại để giúp bà. Người đàn ông này liệu có thể hãm hại bà không? Trông ông không an toàn cho bà vì ông nhìn có vẻ nghèo và đói.

Người đàn ông đã có thể nhận ra nỗi sợ hãi của bà cụ đang đứng bên ngoài chiếc xe giữa trời lạnh. Anh biết cảm giác lo sợ của bà như thế nào rồi. Cái run đó, nỗi lo sợ trong lòng đó mới là lý do tự nó thành hình trong ta...

Anh nói: "Tôi đến đây là để giúp bà thôi. Bà nên vào trong xe ngồi chờ cho ấm. Luôn tiện, tôi tự giới thiệu tôi tên là Bryan Anderson."

Thật ra thì xe của bà chỉ có mỗi vấn đề là một bánh bị xẹp thôi nhưng đối với một bà già thì nó cũng đủ gây phiền não rồi. Bryan bò xuống phía dưới gầm xe tìm một chỗ để con đội vào và lại bị trầy da chỗ khuỷu tay cũng như lòng bàn tay một hai lần gì đó.

Chẳng bao lâu anh đã thay được bánh xe. Nhưng anh bị dơ bẩn và hai bàn tay bị đau rất.

Trong khi anh đang siết chặt mấy con ốc bánh xe, bà cụ quay cửa kiếng xe xuống và bắt đầu nói chuyện với anh. Bà cho anh biết bà từ St. Louis đến và chỉ mới đi được một đoạn đường. Bà không thể cảm ơn đầy đủ về việc anh đến giúp đỡ cho bà. Bryan chỉ mỉm

cười trong lúc anh đóng nắp thùng xe của bà lại. Bà cụ hỏi bà phải trả cho anh bao nhiêu tiền. Bryan chưa hề nghĩ đến điều là sẽ được trả tiền, đây không phải là nghề của anh. Anh chỉ giúp người đang cần được giúp đỡ vì Chúa, Phật hay chính bản thân anh cũng biết rằng đã có rất nhiều người trong quá khứ ra tay giúp anh. Anh đã sống cả đời mình như thế đó, và chưa bao giờ anh nghĩ sẽ làm chuyện ngược lại.

Anh nói với bà cụ "Nếu bà thật sự muốn trả ơn cho tôi thì lần khác khi bà biết ai cần được giúp đỡ, bà có thể sẵn sàng cho người ấy sự giúp đỡ của bà và Bryan nói thêm: Và hãy nghĩ đến tôi."

Anh chờ cho bà cụ nổ máy và lái xe đi thì anh mới bắt đầu lên xe của mình đi về. Hôm ấy là một ngày âm đạm và lạnh lẽo nhưng anh lại cảm thấy thoải mái khi lái xe về nhà.

Chạy được vài dặm trên con lộ, bà cụ trông thấy một tiệm ăn nhỏ. Bà ghé lại, tìm cái gì để ăn và để đỡ lạnh phần nào, trước khi bà đi đoạn đường chót về nhà. Đó là một nhà hàng ăn trông có vẻ không được thanh lịch. Bên ngoài là hai bóm xăng cũ kĩ. Cảnh vật rất xa lạ với bà... Chị hầu bàn bước qua chỗ bà ngồi, mang theo một khăn sạch

để bà lau tóc ướt. Chị mỉm cười vui vẻ với bà dù đã phải đứng suốt ngày nay để tiếp khách. Bà cụ để ý thấy chị hầu bàn này đang mang thai khoảng tám tháng gì đó nhưng dưới cái nhìn của bà, bà thấy chị không bao giờ lộ ra sự căng thẳng hay đau nhức mà làm chị thay đổi thái độ.

Rồi tự nhiên bà lại chợt nhớ đến anh chàng tên Bryan hồi nãy. Bà cụ vẫn còn thắc mắc, không hiểu tại sao một người nghèo đến độ thiếu thốn mà lại sẵn lòng giúp đỡ cho một người lạ mặt rất nhiều...

Sau khi ăn xong, bà trả bằng tờ giấy bạc một trăm đô-la. Chị hầu bàn mau mắn đi lấy tiền để thối lại tờ bạc một trăm của bà cụ, nhưng bà cụ đã cố ý nhanh chân bước ra khỏi cửa mất rồi. Lúc chị hầu bàn quay trở lại thì bà cụ đã đi khuất. Chị hầu bàn thắc mắc, không biết bà cụ kia có thể đi đâu. Khi dọn dẹp, chị để ý trên bàn thấy có dòng chữ viết lên chiếc khăn giấy lau miệng. Nước mắt vòng quanh khi chị đọc dòng chữ mà bà cụ viết: "Cổ sẽ không nợ gì tôi cả. Tôi cũng đã từng ở vào tình cảnh thiếu thốn giống như cô hiện nay. Có ai đó đã một lần giúp tôi, giống như bây giờ tôi đang giúp cô. Nếu cô thực sự nghĩ rằng muốn trả ơn lại cho tôi thì đây là điều cô nên làm: Đừng để cho chuỗi tình thương này kết



thức ở nơi cô.

Bên dưới tấm khăn giấy lau miệng, bà cụ còn lót tặng thêm bốn tờ giấy bạc 100 đô-la nữa.

Thật ra, còn có những bàn ăn cần lau dọn, những hũ đường cần đổ đầy và những khách hàng để phục vụ... Chị hầu bàn đã hoàn tất những việc ấy để sửa soạn cho qua ngày mai.

Tối hôm đó, khi đi làm về và leo lên giường nằm, chị vẫn còn nghĩ về số tiền và những gì bà cụ đã viết cho chị. Làm thế nào mà bà cụ đã biết chị và chồng của chị hiện đang cần số tiền ấy? Với sự sanh nở đứa bé vào tháng tới, điều ấy sẽ là khó khăn. Chị biết chồng chị lo lắng đến mức nào, và trong lúc anh ta nằm ngủ cạnh chị, chị cho anh một cái hôn nhẹ và thì thầm bên tai anh: "Mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả. Em thương anh Bryan Anderson ạ."

Thưa Anh Chị Em,

Cuộc sống có những điều thật vô cùng kỳ diệu, khó lý giải nếu không được học đạo, không được biết về những mối tương quan, tương tức, tương nhập, thương thông, v.v... giữa người với người, và như một triết gia đã nói "Tình cờ là sự gặp gỡ giữa hai định mệnh." v.v...

Những giáo lý chúng ta đã học: Lý Nhân Quả, Lý Duyên Khởi, Lý Thiện Ác nghiệp báo, Nhân Duyên sinh, v.v... đều là những định lý mà đức Phật đã phát hiện như những qui luật, những chân lý mà chúng ta phải sống theo để khỏi bị sai lầm vì xúc phạm đến mọi người chung quanh. Những giáo lý ấy không phải để tôn thờ, tuyên dương, ca ngợi, mà chính là để áp dụng; chúng ta học thương yêu, học giúp đỡ, và dạy cho con em của chúng ta cũng biết thương yêu, giúp đỡ mọi người, đó chính là hoằng dương Phật pháp. Hai vợ chồng nhà anh Anderson này, tuy có thể không học "trùng trùng duyên khởi" của thế giới Hoa Nghiêm như ACE Huỳnh trưởng GDPT chúng ta nhưng đã thể hiện trong cuộc sống nguyên lý "mình vì mọi người" hay "tất cả là một, một là tất cả" hay theo tinh thần dân gian Việt Nam từ ngàn xưa "thương người như thể thương thân" cho nên mới tình cờ—hay là vì trùng trùng nhân duyên—gặp được bà già tốt bụng đặc biệt kia vậy.

Thân kính chúc Anh Chị Em "một ngày như mọi ngày," an lạc và thành thới.

Trân trọng,

BBT

VÔ MINH VÀ TUỆ GIÁC

Quảng Tánh

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

"Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này."

Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội là thấy có phạm tội và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí này."

(ĐTKVN, Tăng Chi Bộ I, chương 2, phẩm Người ngu, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.114)

LỜI BÀN:

Trong quá trình phấn đấu vươn lên của nhân loại, trí thức là yếu tố quan trọng, có tính quyết định cho việc phát triển xã hội. Tuy nhiên, trí thức là một con dao hai lưỡi; nếu không được dẫn dắt và định hướng của đạo đức thì trí thức có thể mang đến bất hạnh cho con người. Thảm họa của vũ khí công nghệ cao có tác dụng hủy diệt hàng loạt đã minh chứng điều ấy. Vì thế, Phật giáo đặt trọng tâm vào sự nghiệp phát triển và thành tựu tuệ giác (trí tuệ) còn trí thức chỉ là phương tiện mà thôi.

Đối với những ai chân thật cầu tuệ giác thì phải thấy rõ những ác nghiệp của chính mình. Trừ những bậc Thánh, không ai trong chúng ta mà không có tội lỗi, chỉ khác biệt là nhiều hay ít nơi mỗi người. Vì thế, nhận ra những lầm lỗi và thừa nhận nó như một sự giới hạn, thấp hèn của tự thân là một sự tiến bộ, biểu hiện ban đầu của tuệ giác. Trong trường hợp tự thân không nhận ra lầm lỗi thì phải mong cầu người khác chỉ lỗi, góp ý và soi sáng thêm. Bất kỳ ai, muốn cầu tiến thì phải biết lắng nghe; nhất là nghe cái dở, cái xấu... của chính mình. Người dám nói lên những điều chưa tốt của người khác với thành ý xây dựng, đúng lúc đúng nơi là người tốt đồng thời người biết tiếp thu những góp ý, phê bình và thăm tri ân sự soi sáng ấy để kiện toàn là người có trí.

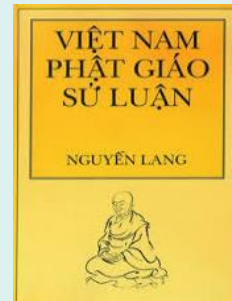
Tuy vậy, sự đời thường "tốt khoe xấu che" nên lắm khi "lời ngay trái tai." Nói thật, nói ngay thì dễ mất lòng thậm chí bị trù dập, thù ghét bởi đa phần ai cũng bị tổn thương và mong muốn che đậy những hạn chế của mình. Người không thấy tội ác nên trêu dài vào hổ thẹn đã đành nhưng có đôi lần tâm chợt lóe sáng, giật mình nhận ra tội lỗi thì cố che giấu. Kề thông minh tài trí mà ác tâm thì việc làm ác cùng che đậy tội lỗi của họ rất tinh vi, nguy trạng khéo léo, nhằm thỏa mãn tham vọng nhiều hơn. Những hạng người này, dù có trí thức cao, theo Thế Tôn, vẫn là người thiếu trí, vô minh, không có tuệ giác.

Bậc trí, theo Thế Tôn, không nhất thiết là có trí thức cao bởi trí thức không đủ năng lực chuyển hóa được phiền não. Người có tuệ giác biết nhìn thẳng vào sự thật và chấp nhận sự thật ấy dù đau thương rồi nỗ lực chuyển hóa, thăng hoa. Hoa sen tinh khiết và ngát hương cũng vươn lên từ bùn lầy. Cũng vậy, tuệ giác cũng nở hoa từ bùn nhơ vô minh, tội lỗi khi con người dám nhìn thẳng, thừa nhận và chuyển hóa nó.

THIỆN PHÁI THẢO ĐƯỜNG

(Chương VII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



NGUỒN GỐC THẢO ĐƯỜNG

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành, chiếm các châu Địa Lý (phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), Ma Linh (các huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị) và chiếm Bồ Chính (các huyện Bình Chánh, Minh Chánh, và Bồ Trạch thuộc Quảng Bình). Sách *An Nam Chí Lược* của Lê Tắc nói rằng trong số những tù nhân bắt được của Chiêm Thành trong cuộc chinh phạt ấy, có một vị thiền sư Trung Hoa tên là Thảo Đường. Vị thiền sư bị bắt cùng với những người Chiêm Thành và chẳng ai biết là thiền sư. Khi về tới kinh đô, vua chia những tù nhân bắt được cho các quan để làm người phục dịch. Tình cờ thiền sư Thảo Đường được chia cho một người tăng lục, một chức vụ trong coi về tăng sự. Một hôm, trong lúc tăng lục đi vắng, tên nô bộc Thảo Đường lật xem thử những bản ngữ lục Thiền học chép tay để trên bàn của chủ. Thấy bản này chép có nhiều chỗ sai quá, Thảo Đường không chịu được, bèn cầm bút sửa chữa. Khi vị tăng lục về, khám phá ra câu chuyện ấy, rất lấy làm ngạc nhiên, bèn đem tâu sự tâu lên vua. Vua cho vời tên nô bộc kỳ lạ ấy lên hỏi, thì biết đó là thiền sư Thảo Đường ở Trung Hoa, nhân đi qua Chiêm Thành truyền giáo mà bị bắt. Khâm phục về sức học và đạo đức của Thảo Đường, vua liền phong thiền sư làm quốc sư. Thiền học của Thảo Đường có những giác sắc mới lạ, do đó một thiền phái nữa được thành lập, lấy tên là thiền phái Thảo Đường. Thiền sư Thảo Đường trụ trì tại chùa Khai Quốc, ngay ở kinh thành Thăng Long.

Sách *Thuyền Uyển Tập Anh* có ghi rằng thiền sư Thảo Đường thuộc truyền thống của thiền sư Tuyết Đậu Minh Giác ở Trung Hoa. Thiền sư Tuyết Đậu Minh tịch năm 1052, trong khi thiền sư Thảo Đường được phong quốc sư ở Đại Việt vào năm 1069, ta có thể nói Thảo Đường là đệ tử của Tuyết Đậu, và là anh em đồng sư với các thiền sư Nghĩa Hòa, Trí Phúc và Truyền Tông.

Thiền sư Tuyết Đậu thuộc về hệ thống thiền phái Vân Môn: Ông được xem như là người phục hưng thiền phái Vân Môn. Ông là người Tử Xuyên, họ Lý, rất giỏi văn chương, đi xuất gia với thiền sư Quang Tộ, nhờ một cây gậy của thầy khai ngộ. Ông ở bên thầy năm năm, trú tại núi Linh Ẩn ba năm nữa, rồi về chùa Tư Khánh ở núi Tuyết Đậu, mở trường dạy học. Vua Tống ban hiệu cho ông là Minh Giác đại sư. Ông tịch năm 73 tuổi. Trong lúc sinh thời thiền sư có rút tinh yếu từ 1.700 cổ tác trong bộ

Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, làm ra 100 bài tụng cổ, trong ấy có đủ các lời giảng tòa, thuyết pháp, pháp ngữ, niệm hương, những cơ duyên truyền đăng và những câu thâm thúy trích trong kinh điển. Sau này Viên Ngộ thiền sư đã thêm vào tác phẩm này các lời thủy thi, trước ngữ và bình xướng, tạo thành tác phẩm *Bích Nham Tập*, một tác phẩm trọng yếu trong thiền môn, xưa nay được coi là quyển sách quý nhất của tông phái thiền (tông môn đệ nhất thư). Sau khi thiền sư mất, các đệ tử thu góp lại những ngữ cú, thi ca và kệ tụng của ngài làm thành các tác phẩm *Động Đình Ngữ Lục*, *Tuyết Đậu Khai Đường Lục*, *Bộ Truyền Tập*, *Tổ Anh Tập*, *Tụng Cổ Tập*, *Niệm Hương Tập*, và *Tuyết Đậu Hậu Lục*.

Một đặc điểm của phái Tuyết Đậu là chủ trương sự dung hợp giữa Phật giáo và Nho giáo; đặc điểm này đã ảnh hưởng nhiều tới Phật giáo và Nho giáo: đặc điểm này đã làm ảnh hưởng nhiều tới Phật giáo đời Trần ở Việt Nam, như ta sẽ thấy. Vân Môn và Tuyết Đậu đều là những thiền sư bác học và có khuynh hướng văn học: cả hai người đều nhắm tới hoằng dương Thiền học trong giới trí thức, đưa nho gia đến gần đạo Phật và trở nên Phật tử. Chính khuynh hướng Nho Phật tổng hợp này đã thống trị tư tưởng Trung Hoa trong buổi đầu nhà Tống: đây là giai đoạn thịnh hành cực độ của thiền phái Vân Môn tại Trung Hoa. Cũng vì quá thiên trọng về giới thượng lưu trí thức nên những tín ngưỡng Phật giáo bình dân (như ở đời Đường) bị bỏ rơi và thiếu sót trong thiền phái Vân Môn. Ta không biết thiền sư Thảo Đường có dự phần trong việc biên tập các bộ ngữ lục của thiền sư Tuyết Đậu hay không; ta chỉ biết khi hành đạo ở Đại Việt, ông đã sử dụng *Tuyết Đậu Ngữ Lục*. Rất có thể Thảo Đường là pháp hiệu của một trong những đệ tử của Tuyết Đậu đã dự phân biên tập các bộ ngữ lục. Những vị ấy, như ta biết, là Duy Ích, Văn Chấn, Viên Ưng, Văn Chính, Viên Trần và Tử Hoàn.



ẢNH HƯỞNG CỦA PHÁI THẢO ĐƯỜNG

Thiền sư Thảo Đường cổ nhiên đã giảng *Tuyết Đậu Ngữ Lục* nhiều lần tại chùa Khai Quốc, khuynh hướng thiền học trí thức và thi ca đã từ đó ảnh hưởng đến hai thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông. Các thiền sư Minh Trí (mất 1190) của phái Vô Ngôn Thông và thiền sư Chân Không (mất 1100) của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là những người đã chịu ảnh hưởng nhiều về khuynh hướng thiền học trí thức và thi ca của phái Tuyết Đậu. Sau này thiền

phái Trúc Lâm của đời Trần còn tiếp tục chịu ảnh hưởng này.

Sách *Thuyền Uyển Tập Anh* có ghi tên tuổi 19 người thuộc thiền phái Thảo Đường, kể cả thiền sư Thảo Đường, phân làm sáu thể hệ:

Thể hệ 1: Thảo đường

Thể hệ 2: ba người: Lý Thánh Tông, Bát Nhã, Ngô Xá

Thể hệ 3: bốn người: Ngô Ích, Thiệu Minh, Không Lộ, Định Giác

Thể hệ 4: bốn người: Đỗ Vũ, Phạm Âm, Lý Anh Tông, Đỗ Đỗ

Thể hệ 5: ba người: Trương Tam Tạng, Chân Huyền, Đỗ Thường

Thể hệ 6: bốn người: Hải Tịnh, Lý Cao Tông, Nguyễn Thức, Phạm Phụng Ngự.

Vì khuynh hướng thiên trọng trí thức và văn chương của nó, thiền phái Thảo Đường không cầm rỗi được trong quần chúng mà chỉ ảnh hưởng đến một số trí thức có khuynh hướng văn học. Trong số 19 người thuộc thiền phái Thảo Đường được ghi chép ở sách *Thuyền Uyển Tập Anh*, ta thấy chỉ có 10 vị là người xuất gia, kể cả Thảo Đường: Thảo Đường, Thiệu Minh, Phạm Âm, Đỗ Đỗ, Trương Tam Tạng, Chân Huyền, Hải Tịnh, Bát Nhã, Không Lộ và Định Giác (tức Giác Hải) đồng thời cũng thuộc thiền phái Vô Ngôn Thông. Ta thấy có tới 9 vị là cư sĩ, mà phần nhiều là vua với quan: Thánh Tông, Anh Tông và Cáo Tông đều là vua, Ngô Ích là quan tham chính, Đỗ Vũ là quan thái phó, Nguyễn Thức là quan quản giáp. Thiền phái Thảo Đường, vì những lý do trên, đã không đủ sức tạo nên một truyền thống sinh hoạt tăng viện độc lập có thể lưu truyền về sau. Ảnh hưởng của thiền phái này chỉ đáng kể về mặt học thuật.

Thuyền Uyển Tập Anh tuy có ghi lại tên họ 19 vị thuộc thiền phái Thảo Đường nhưng không thể ghi lại tiểu sử, niên đại các bài truyền thừa của mỗi vị. Chắc hẳn những ghi chép này được thêm vào tương đối hơi trễ trong tác phẩm. Thông Biện đã không muốn ghi chép về Bát Nhã, và đã không đề cập gì đến thiền phái Thảo Đường trong lời trình bày với Thái Hậu Phủ Cầm Linh Nhân vào năm 1069, và Bát Nhã là vị thiền sư duy nhất của thể hệ thứ hai thiền phái Thảo Đường. Thông Biện đã không muốn ghi chép về Bát Nhã và Đại Điền bởi các vị này đã chứng tỏ chú trọng về tà thuật thần bí mà không chịu sống theo truyền thống tăng viện.



BÁT CHỢT NHÌN TÔI

*về sau lưng nổi nhớ
về trên tay hiện tiền
nặng phôi lời kinh nguyện
treo móc đỉnh thời gian*



*thân tôi buồn nhếch nhát
thịt xương loài thú hoang
lắm lời khô quán cóc
sân si đạo phố phường
chảy trôi dòng nghiệt ngã
trần thân gốc tử sinh
trên bờ vai già hợp
kịp thấy mình vô mình!*

THỨC TỈNH TRĂM NĂM

*lưng công bụi mù
cổ tra vòng nguyệt quế
chân thanh thang có biết mỗi bao giờ
tích lũy tuổi già vui quán trọ
dăm ba thời kinh ta ngủ ngáy o o!*

*có hôm nào quên thức dậy
ngày trong tìm cũng quên băng vào ra
nắng mùa nháy đôi tay tê ứa lạnh
ngủ cùng ta theo tiếng mõ Di Đà*

*không con đường - không chọn lựa
dòng sông trôi tình khúc xa xưa
liệu có ai bên cầu tre đứng ngắm
vì vút bay cánh nhạn hót theo mùa*

*nghiệp trần chưa phui sạch
một sớm theo cánh gió bay ngang
ai có hiểu vì sao chiếc lá vàng
đêm tắt nến còn nghe thơm mùi đất!*

(Hy Kiến Am, tháng 5.2015)

thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

Nam Phương thoại đầu

TOẠI KHANH

Công trình thủy điện Tam Hiệp của Trung Quốc đã xóa sổ nhiều khu dân cư trù mật, gồm cả những cổ thành đầy ắp di tích lịch sử. Zuckerberg, một du khách người Đức đã may mắn ghé qua Sư Thành, một cổ trấn kiểu vậy ở Triết Giang trước khi nó thực sự biến mất vài tháng sau đó dưới đáy nước và trong đêm ngủ nhờ một ngôi chùa ở đó cậu đã có một giấc mơ kỳ lạ. Cậu đã thấy lại nhà sư già ban chiều, người tự giới thiệu chỉ là ông tử chứ không phải phương trượng gì ráo. Lúc đó Zuckerberg thoáng có ý xem thường cái dáng vẻ lão nông cục mịch của nhà sư già, nhưng thật lạ, trong giấc mơ, vị lão tăng kia bỗng phương phi và đạo mạo khác thường.

Nhà sư già hỏi cậu tên gì. Cậu trả lời là Zuckerberg. Vị lão tăng neho mắt một giây, đoạn gật gù ra chiều thích thú:

- Đường Sơn đại huynh... Người Trung Quốc sẽ dịch cái tên của cậu như vậy đó, và sẽ thích gọi như vậy hơn!

Zuckerberg có thể nghe rành rọt từng câu nói của nhà sư già, rõ ràng đến mức cậu không còn nhớ nhà sư nói thạo tiếng Đức hay cậu nghe giỏi tiếng Tàu, dù sáng ngày thức dậy cậu biết rõ cả hai chuyện đó đều là không tưởng.

Không hỏi gì về quê quán hay nghề nghiệp, nhà sư cứ như đã biết rõ mọi sự về Zuckerberg. Nhà sư già hỏi mấy câu băng quơ về chuyện đi Tàu rồi bỗng nhiên nhìn sững vào Zuckerberg, ông bảo:

- Đi theo ta, có cái này hay lắm, dành sẵn cho cậu đây...

Dắt Zuckerberg ra con suối sau chùa, nhà sư già trở tay xuống đó, một tấm bia đá rêu phong khắc đầy chữ. Ông mỉm cười tinh quái:

- Đọc theo cách nhanh nhất mà cậu có thể, trước khi nó chìm hẳn trong dòng nước sâu thẳm này.



Thấy Zuckerberg còn đang bối rối, nhà sư già gợi ý:

- Hãy đọc từ dưới lên trên, nhờ vậy thời gian của cậu sẽ dài hơn, số hàng đọc được cũng sẽ nhiều hơn. Chỉ bằng cách này cậu mới theo kịp con nước đang lên!

Từ chỗ hai người đang đứng xuống đến mặt suối nhiều lắm là vài thước tây, vậy mà chiều dài của tấm bia đá kia cơ hồ phải nhiều hơn vậy rất nhiều lần, đủ để Zuckerberg phải mỏi như cả tay để chép lại những dòng chữ trên đó. Mà cũng lạ, tấm bia viết tiếng Đức hay Zuckerberg biết đọc tiếng Tàu, ông cũng không nhớ được. Ông cứ đọc rồi chép, chép xong lại đọc. Rõ ràng một chuyện phi lý chỉ có trong chiêm bao.

Zuckerberg đã đọc hết tấm bia đó, trừ mấy dòng ở giữa, khi cậu rời mắt khỏi tấm bia trong tích tắc để ước lượng phần còn lại của nó.

Đến tận bây giờ Zuckerberg vẫn còn thắc mắc tại sao trong cơn mơ ấy cậu đã không nhờ nhà sư già đọc giùm cho cậu chép có

phải hơn không. Bây giờ mấy dòng ấy viết gì làm sao đoán ra được, cậu vò tóc trách mình. Từ sau ngày về lại Đức, có ít nhất ba lần chúng hiện lên chớp nhoáng cho cậu đọc lại hay để trên người không biết và lần nào cũng thế, Zuckerberg chưa kịp định thần thì chúng lại biến mất.

Tấm bia được chạm khắc rất đơn giản, viền ngoài chỉ gồm một đường gợn sóng như dáng rồng lượn được cách điệu. Minh văn bên trong được bắt đầu bằng một thứ văn phong mơ hồ không giống cách viết của người Hán xưa nay...

"Ngày sương giáng, tiết trọng thu, năm Khai Bảo thứ ba triều Bắc Tống, lão tiều họ Khuất đến cầu pháp với sư Tiều Phiền ở Vô Lượng Sơn. Kế hậu học quê mùa họ Lữ thấy tiếc lời pháp nhữ Phật thân nếu để cuộc gặp này không được đời sau biết đến, nên mạo muội lời quê đem khắc trên bia để ghi lại. Người hỏi không chứng đắc, người đáp cũng không đắc chứng chỉ vì không có gì để chứng đắc thì làm sao có ai đắc chứng."

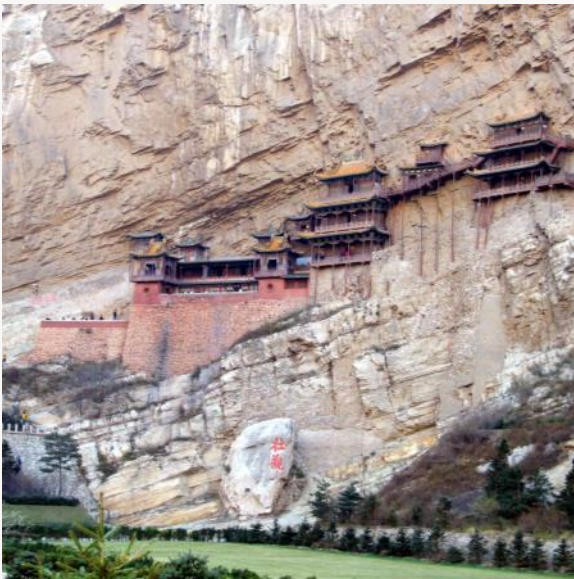
"Xin được cho nghe về chuyện sinh tử:

- Không nên bận lòng về khởi thủy cuộc sống theo cách nghĩ phàm phu. Chỉ nên biết cái gì đã tạo ra nó. Sáu căn đời này nếu không tu tập sẽ có thích ghét nọ kia, từ đó tạo ra sáu căn đời sau, làm nên dòng trầm luân bất tận. Nói gọn là dòng chảy thừa tiếp của nhân với quả, nói rộng và rõ hơn là mười hai mắt xích của lý Duyên Khởi.

Xin được cho nghe về phiên nào:

- Vì không hiểu được vạn hữu do chư duyên tạo thành và đã có mặt thì cũng do các duyên mà biến mất nên phàm phu thích cái này, ghét cái nọ. Trước mắt chúng làm khổ ta đời này, xa hơn, chúng là điều kiện sinh tử cho đời sau kiếp khác.

Xin được cho nghe về lý nhân quả:



- Cái gì ở đời cũng có thể là kết quả có được từ những nhân duyên nào đó và hoàn toàn có thể là nhân duyên dẫn đến một hậu quả nào đó. Một câu nói hay một suy nghĩ đều có thể để lại một hậu quả tốt xấu cho mỗi người và từ đó ảnh hưởng đến vô lượng thiên hạ. Một sợi tóc hay hạt cát luôn có thể là cái bắt đầu cho một đại sự nào đó. Nhân quả luôn tương ứng nhau. Hiểu được điều này, một niệm bất thiện cũng là đáng sợ để tránh.

Xin được cho nghe về Phật Đạo:

- Có hạt cát biết mình chỉ là hạt cát, tự trau luyện thành ngọc và hoá độ vài năm cát khác trên sa mạc sinh tử.

Xin được cho nghe về Chi (samatha):

- Sức mạnh của nước hay sức nóng của lửa chỉ phát huy tối đa khi được tập trung đúng mức và từ đó trở thành nguồn năng lượng hữu ích.

Xin được cho nghe về Quán (vipassana):

- Không biết vạn vật thực ra là gì, chỉ gồm toàn những nhân tố vô thường, làm sao có thể chán để buông.

Xin được cho nghe về con đường giác ngộ:

- Nói rộng là ba mươi bảy pháp Bồ Đề Phần, nói gọn lại là từng nhóm nhỏ trong đó.

Thất Giác Chi chính là Bát Thánh Đạo, Tứ Niệm Xứ chính là Thất Giác Chi. Kỳ dư, diệc phục như thị.

Xin được cho nghe về yếu chỉ 3 tạng:

- Không biết A Tỳ Đàm thì không biết Phật đã thấy gì mà thành Phật, không biết Kinh tạng

làm sao biết Phật và thánh chúng đã diễn bày cái hiểu của mình ra sao, không biết Luật tạng làm sao biết đường về giải thoát qua mỗi sinh hoạt nhỏ trong ngày.

Xin được cho nghe về pháp an tâm:

- Cái khổ của người đứng kè lạ không làm ta nặng lòng. Phải buông tay thì tự nhiên nhẹ lòng. Cứ thấy mình là mình thì tâm nào có thể an.

Xin được cho nghe về pháp tu nhanh nhất:

- Càng nóng lòng thì chỉ khiến đường xa thêm. Và, không hề có pháp môn nào nhanh hay chậm, tùy căn tánh mà hợp với pháp môn nào thôi. Nhanh hay chậm chỉ là giả niệm.

Xin được cho nghe về chuyện lễ bái và xưng niệm:

- Niệm Phật phải là nhớ nghĩ đến Phật bằng tâm bằng trí, không phải chỉ bằng miệng. Hôm nay ta tu bằng cái gì thì mai sau giải thoát bằng cái đó. Tu bằng cách niệm suông ở miệng thì chỉ thành Phật ở cái miệng.

Xin được cho nghe chuyện hoằng pháp và truyền thừa:

- Chỉ có trí và bi mới đầy được pháp luân của Phật. Mọi lý tưởng nằm ngoài tinh thần đó đều chỉ khiến bánh xe pháp thành vuông, không giữ được hình tròn để mà lăn tới.

Xin được cho nghe về trú xá, tự viện:

- Chùa hay nhà chỉ là chỗ nấu thân, người tu phải coi trọng chỗ nấu tâm. Tâm không trú pháp thì nhà cửa nào cũng chỉ là chuông trại, lồng cũi.

Xin được cho nghe về chuyện ăn uống:

- Tất cả những món ăn thức uống chỉ là để nuôi thân, miễn là hợp luật hợp pháp thì được. Thân xác cần được nuôi dưỡng thì tinh thần cũng cần phải như thế. Phật đạo suy cho cùng chỉ là hành trình nuôi lớn nội tâm bằng những thức ăn tâm linh.

Xin được cho nghe về Sa môn tướng:

- Y áo tăng ni là quy định của ba đời Thế Tôn, nhưng chỉ đắp áo cho thân mà lãng quên nội tâm thì khác gì ngôi nhà mái dột vách nát. Tăng ni khi ấy chỉ là phường hát ản vận theo vai diễn cho đời xem..."

Trở về Đức được mấy tháng, Zuckerberg đã gặp lại vị lão tăng trong mơ, và hỏi ông 3 dòng chữ đã không kịp ghi. Ông lại nheo

mắt tinh quái:

- Thầy hay sách cũng chỉ đưa câu đi một đoạn đường nào đó, không phải cái gì cũng rêu người khác. Nếu đơn giản thế thì chư Phật có thể tu giùm chúng ta hay sao chứ. Hãy nhớ, điều cậu chứng ngộ không giống như cái đã học trong kinh điển, nhưng là kinh điển cậu không thể có được cái thấy lúc chứng ngộ!

Bảy năm sau, Zuckerberg nhận được một gói quà từ một nhà sư người Hoa trao tận tay. Đó là một đôi guốc gỗ khá đẹp thường được chư tăng ở vùng nông thôn Trung Quốc sử dụng, và một lá thư viết bằng Trung văn của vị lão tăng:

"Yên thân chưa đủ, còn phải an tâm nữa. Đây mới là giai đoạn tối hậu trong đạo nghiệp. Cậu trả lời cho nỗi thắc mắc ngày xưa của cậu giờ không quan trọng nữa, nhưng ta vẫn phải gửi cậu cho trọn. Mấy câu nói của ta trong giấc mơ của cậu bên Đức 7 năm trước có chứa mấy dòng chữ đó, nhưng là câu nào thì cậu bây giờ dự sức đoán ra. Nếu đoán sai mà vẫn thấy tâm đắc thì coi như cũng đã..."

Zuckerberg giật mình, vị lão tăng kia là người thế nào mà lại biết được giấc chiêm bao của cậu.

Và nếu vậy, hẳn ông cũng đã biết Zuckerberg vừa rũ bỏ chiếc áo khoác của một bác sĩ chuyên khoa thần kinh để xuất gia từ 2 năm nay. Zuckerberg ngày nào giờ đã là một Tỷ kheo với pháp danh Supinaññu, Quán Mộng. Và thầy cứ nghe văng vẳng từ một nơi nào thật xa câu nói của vị lão tăng. Yên thân chưa đủ, còn phải an tâm. Lá y tỷ kheo trên người và nếp sống khép mình trong hình thức xuất gia nhiều lắm cũng chỉ là một sự yên thân.

Muốn an tâm, thầy còn phải đi xa hơn nữa, còn nhiều việc phải làm, phải học, vượt qua, trải nghiệm...

Supinaññu nhìn ra cửa sổ, những bông tuyết đang bay lất phất bên ngoài và từng phút phủ kín một lớp dày lên những cảnh khô. Đã hai hôm nay trời ở đây như quên nắng. Konstanz đang vào mùa đông, mùa đông đẹp nhất trong đời Supinaññu.

(Riêng tặng anh chị Sibylle và Rolf)
Toại Khanh

Thà như giọt mưa

HUỆ TRÂN

*"Thà như giọt mưa, vỡ trên tượng đá
Thà như giọt mưa, khô trên tượng đá
Thà như mưa gió, đến ôm tượng đá
Có còn hơn không,
Có còn hơn không ..."* (*)

Đó là những câu mở đầu bài thơ của một người làm thơ như ăn cơm, làm thơ như uống nước, làm thơ như thiền hành, làm thơ như tĩnh tọa, làm thơ như say ngủ Làm thơ mà như chưa từng nghĩ là mình làm thơ, huống chi, nhọc nhằn khoắc vào mình những hư danh nhân thế.

Đó là người làm thơ, tên gọi Nguyễn Tất Nhiên. Tên như định mệnh. Tất Nhiên. Tất nhiên là thế. Tất nhiên như vậy. Nhưng "Là thế" là thế nào? "Như vậy" là ra sao?

Có thắc mắc chẳng là nhân thế. Nguyễn Tất Nhiên không thắc mắc. Bởi vì người đó làm gì có sát-na nào dành cho thắc mắc! Từng giây từng phút hiện hữu, người đó chỉ làm thơ và cõi thơ của người đó là hoa tâm mở rộng. Không nghi hoặc gì. Không oán than gì. Không giận hờn gì. Không chờ đợi cũng chẳng đòi hỏi gì. Đợi cho. Ta cảm ơn. Đợi không cho. Ta cũng cảm ơn.

Như gió. Cũng ngọn gió đó, mùa hè được trân quý, mùa đông lại bị nguyên rủa, đuổi xua! Nhưng gió chỉ lặng thính, vẫn đến và đi, trăm năm như thoáng chốc, thoáng chốc tựa trăm năm...

Chiều nay, tâm tôi bỗng quyen vào những giọt mưa từ cõi huyền hoặc này. Những giọt mưa tưởng như chỉ mới rơi từ nhiều thập niên qua, nhưng tới nay tôi mới nhận ra là mưa đã rơi từ vô lượng kiếp.

Tại sao tới nay mới nhận thấy?

Tôi đã từng hát những câu thơ này từ thuở thơ ngây, nhưng hát, như con chim ngửa cổ, ngẩng nhìn trời mây và cất tiếng, tuyệt nhiên chẳng cần biết cái

ngôn ngữ được diễn đạt bằng âm thanh đó mang tâm ý gì.

Thế nên, từ nhiều thập niên qua, tôi cứ vô tâm hát mà không nhận ra bài pháp "TỨ ĐIỀU ĐỂ" ở ngay trong những tiếng mưa rơi:

*"Người từ trăm năm, về như dao nhọn
Người từ trăm năm, về như dao nhọn
Dao vết ngọt đậm ta chết trăm năm
Dòng máu chưa kịp tràn
Dòng máu chưa chảy đậm"*

Đó là SỰ CÓ MẶT CỦA KHỔ ĐAU. Vì thế mà ngọn Bát Phong dạt tới có làm tơi tả lá hoa thì cây vẫn cam chịu như những gì chẳng thể tránh! Bởi thế, tiếng mưa lại xôn xao nhắc nhở:

*"Người từ trăm năm, về khơi tình động
Người từ trăm năm, về khơi tình động
Ta chạy vòng vòng, ta chạy mòn hơi
Nào có hay đời cạn,
Nào có hay cạn đời"*

Đó là SỰ CÓ MẶT CỦA NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA KHỔ ĐAU.

Mưa không ngừng rơi, không ngừng quán chiếu:

*"Thà như giọt mưa, vỡ trên tượng đá
Thà như giọt mưa, khô trên tượng đá
Thà như mưa gió, đến ôm tượng đá
Có còn hơn không
Có còn hơn không"*

Có gì?

Có sự tỉnh thức để CHẤM DỨT SỰ KHỔ ĐAU. Muốn chấm dứt khổ đau phải nhìn ra huyền giả:

*"Người từ trăm năm, về qua sông rộng
Người từ trăm năm, về qua sông rộng
Ta ngoắc mòn tay, ta ngoắc mòn tay
Chỉ thấy sông lồng lộng,
Chỉ thấy sông chấp chùng
Người từ trăm năm, về phai tóc nhuộm
Người từ trăm năm, về phai tóc nhuộm
Ta chạy mòn đời, ta chạy tàn hơi
Quy tẻ trên đường rồi,
Sợ tóc vương chân người"*

Mây tan rồi mà mưa vẫn rơi. Vì mưa thương trần thế. Mưa nhỏ lệ từng giọt, dẫn CON ĐƯỜNG ĐI TỚI SỰ CHẤM DỨT KHỔ ĐAU.

*"Thà như giọt mưa, vỡ trên tượng đá
Thà như giọt mưa, khô trên tượng đá
Để ta nghe thoáng tiếng mưa vội đến
Những giọt rừng rưng, ướt ngọn lông măng
Khiến người trăm năm, đau khổ ăn năn ..."*

Trời ơi, bài thơ từ nhiều thập niên qua, bao người đã "hát cho vui", sao giờ phút này, trong am thất tĩnh lặng, tôi lại nhìn ra trọn vẹn hành trình Tứ Diệu Đế của tác giả?





Thôi,
 Chẳng còn chi nghi hoặc nữa.
 Người mang tâm Phật như thế mới có thể
 thoát tục giữa bủa vây phiền não.
 Người như thế mới có thể lặng lẽ đến sân
 chùa, buông bỏ hệ lụy đời-thường mà thả hồn thơ
 vào hương đêm quện tiếng chuông ngân.

Không ai biết đã bao lần như thế, nhưng rồi,
 trong sân ngôi chùa đó, một khuya cô tịch, không
 cả tiếng chuông ngân, chỉ với Đêm và Sao, người
 làm thơ mang tên Nguyễn Tất Nhiên đã an nhiên thị
 tịch, không ai biết, không ai hay, chỉ có Đêm, Trăng
 và Sao đưa tiễn!

Một người Đến và Đi như thế, khi thốt lên:
 "Có còn hơn không" thì không phải cái Có, Không
 của cõi Ta-bà, mà cái Có đó phải là "Cái Có của núi
 Tu Di trong hạt cà, Cái Có của đại dương nằm trong
 vỏ ốc"

Cái Có đã như thế thì cái Không phải là "tự
 tánh không của vạn pháp". Tự tánh đó chính là
 "Không có, Không không, Không sanh, Không diệt,
 Không thành, Không hoại"

Không một pháp nào từ KHÔNG thành CÓ.
 Không một pháp nào từ CÓ thành KHÔNG.

Còn thấy Có, thấy Không là còn đang oằn
 vai ngũ trước, làm sao chiêm ngưỡng Tổ Đạt Ma cười
 bẻ lau về Thiên Trúc, hay qua sông bằng chiếc dép
 cỏ mà lòng chẳng chút hoài nghi?

Huệ Trân

(Về một ngày, 3 tháng 8, hơn 20 năm trước)

Thơ Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Duy phổ nhạc

ĐI EM, ĐỜI CHƯA MUỘN

*Ôm một bờ đê ngủ
 Nghe sóng vỗ trăm năm
 Chuông vang từ thượng cổ
 Những vạt đất xanh mầm.*

*Đi em, đời chưa muộn
 Sương cát sắp hai hàng
 Biển dâu còn xanh lắm*

*Những ngọn đồi thiên định
 Trăng sáng đã bao ngày
 Cỏ cây chừng an tịnh
 Bốn mùa xanh trên vai.*

*Đi em, đời chưa cạn
 Pháp giới vẫn êm đềm
 Con sông nào viên mãn
 Trôi một dòng an nhiên.*

*Sao còn nghe thỏ thức
 Tiếng mưa hay tiếng đàn
 Âm âm trong lồng ngực
 Nhặt nguyệt hê! mang mang.*

*Đường xa chân có mỏi
 Hát một khúc thiên ca
 Dựa lưng vào đêm tối
 Khép cánh cửa ta bà.*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP





Con Gà Ở Mã Lại

LÊ GIANG TRẦN

Phượng Hoàng được nhân gian biết đến như Vương nữ của các loài chim xinh đẹp, hót hay và múa giỏi. Rất hiếm người gặp được Phượng Hoàng, các bậc thánh nhân, cao tăng, hoặc thiên sư sống ẩn dật trên núi cao rừng thiêng mới có kỳ ngộ trông thấy. Người xưa tin rằng chỉ khi gặp đời thái bình thịnh trị, chim Phượng Hoàng mới xuất hiện. Người phạm phùng theo sự tả lại mà họa nên hình thần kỳ như truyền thuyết, và tôn trọng là một linh vật.

Phượng Hoàng theo truyền kỳ là con gái út của Tây Thiên Thánh Mẫu, phong tư diễm tuyệt, văn nhã phong tao, tính khí lãng mạn, đam mê ca múa. Hằng Nga từ Nguyệt Điện đến dâng lên Ngọc Hoàng điều Hạ Nguyệt Vũ. Phượng Hoàng đang nhiệm vụ nấu đan, nghe tin háo hức, dẫn dò gia nhân giám hộ, sang Bắc cung để thưởng lãm tận mắt điệu múa Nghệ Thường mới lạ của Nguyệt Nga. Không may Thánh Mẫu ngự đến vì linh đan bị khê do Phượng Hoàng tắc trách, nàng bị đầy xuống Hy Mã Lạp Sơn thuộc Phật địa Tây Tạng. Ở đó, trên đỉnh băng chót vót có Tuyết Sâm nghìn năm nở hoa một lần, bông linh sâm độc nhất này là hương liệu dùng luyện lại linh đan kia. Nàng phải đợi đến năm hoa nở, hái về dâng lên Mẫu mẹ để chuộc tội.

Mùa xuân nắng ấm ở Hy Mã Lạp Sơn chỉ đôi ngày. Đứng trên "Sân thượng của trái đất," ngọn núi "Cao Không Ngời Ngời" được người Tây Tạng ở mạn Bắc Sơn yêu quý gọi là Chomolungma, mang ý nghĩa "Người Mẹ Vĩ Đại Tuyệt Vời của Trần Gian," còn dân phía Nam Sơn mạn gọi là Sagarmata với ý nghĩa "Thượng Đỉnh Bầu Trời," Phượng Hoàng nhìn xuống dòng trường giang Brahmaputra phát xuất chào đời ở ngọn Kailas trong rừng Chemaungdung khoảng 60 dặm về hướng đông nam, ở đó, trong chu vi 30 dặm xung quanh ngọn

Kailas mọc lên nhiều ngôi chùa Phật giáo và Bà La Môn giáo. Từ thượng nguồn ấy, con sông Brahmaputra chảy băng về đông bắc ngàn, ngang qua những Phật Tháp vĩ đại như Tashilhunpo trong vùng Phuntsogling – Tại khoảng sông này, Đạo Sư Thangtong Gyalpo đã bắt chiếc cầu treo lịch sử – rồi tiếp tục chảy ngang qua các Phật tháp xa hơn như Mindolin, Changzhusi, Samye. Hầu hết người Tây Tạng sống tựa vào lưu vực này gọi nó một tên khác, là Yarlung Zangbo, họ sống dọc theo nó đến tận Zetang, nơi Phật giáo Tây Tạng phát triển tốt cùng vào kỷ nguyên thứ Tám.

Bồ hiễn lành qua khỏi vùng Tháp Phật linh thiêng, con sông Yarlung cắt đầu đâm chẻch lên, thu mình hẹp lại tại ngọn Pei thuộc Trung Quốc rồi ngoác cong đầu thành ngọn thác phun siết nước dồn chứa vào một đáy sâu mười ngàn bộ, sau đó lại bắt thần cuộn cuộn phóng mình xuống ở độ cao bảy ngàn bộ như một hiện tượng phi thường, tạo thành cảnh tượng hùng vĩ suốt 150 dặm dài. Từ trên núi cao hơn hai mươi lăm ngàn bộ này, nó đổ dốc theo hình chữ S cong về hướng tây nam xuyên qua Nepal, bề hướng bất ngờ đâm thẳng xuống Bangladesh, đổi thành tên Jamuna rồi nhập chung với nhánh sông Ganges từ Ấn Độ chảy sang, tia ra nhiều nhánh phụ, lại thay tên lần nữa là Meghna, trước khi chạm vài mũi Bengal hòa nhập vào trùng dương biển mẹ của trái đất.

Rung động trước sự tươi mới và cảnh tượng hùng vĩ phi thường của vạn vật chuyển mình, Phượng Hoàng cất tiếng hót thần tiên chào đón chúa Xuân, thả hồn mơ màng nhớ về tiên giới nơi nàng suốt ngày tung tăng ca múa cùng đàn tiên nữ.

Chúa tể của loài dững điều là Đại Bàng. Vương điều Đại Bàng thuộc giòng Linh Vũ. Trong

hằng hà sa số tiền kiếp đã quy y Địa Tạng Vương Bồ Tát, hầu hạ bên ngài. Khi cần thiết, Điều Vương dùng oai lực đánh đuổi và khuất phục lũ kên kên là ngạ quỷ hiện thân. Có công phụng hầu Bồ Tát Vương nên Đại Bàng một thời được làm bá chủ cõi ta bà khi loài người chưa xuất hiện, dạy dỗ loài vật dưới đất và trên không đi vào trật tự trời đất. Loài người sau khi thống lĩnh địa cầu còn nhớ ơn, nước hùng mạnh nhất mới được dùng hình ảnh Đại Bàng làm quốc hiệu.

Vương Điều khoác y bào đen tuyền, biểu hiệu cho tạng đất. Cổ quần giải bạch phù, biểu hiệu của mây cao. Tránh nơi ô trọc, chọn địa thế hùng vĩ ngự trị. Cung điện xây trên lưng núi cao ngút ngàn, tung hoành bốn phương tám hướng, thỉnh thoảng giả ngự xuống đồng bằng, vì đồng bằng về sau là nơi an ổn do loài người làm chủ.

Mùa xuân, Vua Đại Bàng thăm thú muông chim, vỗ an dân điều, ban lệnh trật tự, truy lùng và tận diệt ác thú. Mừng một Nguyên Đán năm ấy, đứng ngo, Vương Điều biết là ngày Tuyết Sâm nở hoa, chàng bay đến Hy Mã Lạp Sơn. Đến nơi, đứng lúc



tiếng hót thanh tao náo nức của Phượng Hoàng cất lên làm trái tim chàng xúc động mãnh liệt.

"Nàng từ đâu đến, có chi âu sầu?" Chàng nghiêm trang hỏi một thanh nữ đẹp tuyệt trần mà trong đời dọc ngang chàng chưa từng gặp. Mỹ nhân nhan như ngọc, chân mày xanh biếc, môi sen hồng, mắt u huyền. Nàng quàng trên cổ khăn nhung đỏ thắm, xiêm y màu cẩm thạch vân huyết, áo choàng sắc phượng xanh da trời, nhìn vào như thiên tiên. Khởi động đến nỗi u hoài, Phượng Hoàng kể sự tình.

Từ đó, cứ vào xuân, khi bạch đào, bạch mai rộ nở, đứng ngọ Tết Nguyên Đán, trên chót đỉnh Hy Mã Lạp Sơn cao ngất có tiếng hót thánh thót của một loài chim nghe thật thanh khiết, kích thích người lòng sầu muộn trở nên yêu đời, tưới vào tâm hồn người quân tử niềm sáng khoái băng khuâng. Dứt điệu hót, lại có tiếng chim khác họa theo, ra chiều thống khoái, oai hùng, vang vọng cả hang sâu núi thẳm. Tiếng chim ấy khiến người nhục chí cảm thấy phấn khởi, ý chí bừng dậy, cảm tưởng mình như trắng sí đứng trên núi cao thét tiếng thét ngàn cân hào khí ngất trời. Nhưng về chiều, lúc vắng ô chìm sau lưng núi tuyết, cũng tiếng chim thanh tao ban sáng cất lên, nhưng lại làm cho lòng người u sầu héo úa. Âm thanh nào nuốt thồn thức, thúc bách lòng người xa cố quận hình dung có ngàn mũi kim đao châm chích.

"Dù hoa linh chi Tuyết Sâm nở ba năm mới tàn, và mỗi tình chúng ta hương lửa đã được nồng ba mùa hoa xuân ấy, nhưng kỳ hạn mang hoa trở về thiên quốc của thiếp không còn có thể lần lựa." Nàng đau khổ nắm tay chàng, Phượng Hoàng nước mắt ràn rụa thưa thốt.

"Giọt máu của chàng, thiếp không thể mang theo. Đó là khối tình gửi lại, mong chàng thay thiếp ấp ủ cho con trẻ ra đời. Thiếp mang thân lưu đầy nơi này, dù địa linh hùng vĩ nhưng thiếp sống u mặc, lòng luôn vọng tưởng cố hương. Kết nghĩa đá vàng vì chàng là bậc anh hùng đã chinh phục trái tim thiếp. Nhưng tội tình yêu nơi hạ giới không được thiên luật khoan dung. đành gửi con lại chàng. Đành thôi!"

Vương Đế Thích tìm quận thất. Lời chân tình của vợ, đứa con sắp chào đời, hạnh phúc bên nhau...

giờ đây... tan nát. Đêm ấy, rừng Hy Mã Lạp Sơn bão tuyết mù mịt, gió hú rền vang. Người sơn cước nghe tiếng chim Đại Bàng kêu thét thảm thê.

Vương Đế Thích nhớ lời dặn của vợ: "Thiếp vượt lễ Trời, ăn ở với chàng có giọt máu đã là tội trọng, nếu chàng giữ con bên mình ắt mắt Trời cũng biết. Chàng hãy đưa con xuống đồng bằng cho sống trà trộn loài người, con chúng ta sẽ thoát khỏi truy tìm của Thiên tướng. Đứa trẻ vô tội, đừng bắt nó gánh chịu nghiệp quả của song thân." Vương Đế Thích xuống đồng bằng, đưa con đến cánh rừng thiêng đã chọn, là nơi Đế Thích Đế Thiên đã được các Vua cùng tăng chúng xây dựng hoàn hảo, con người sống nơi đây thiên tâm hiền lành. Chàng truyền dạy cho con tính anh hùng, lòng dũng cảm, chí khí bất khuất, tâm độ lượng nhưng quyết định, vô bách thắng nhưng không chủ quan, chiến thắng nhưng không tàn nhẫn, cứng rắn nhưng không ác độc. Chàng từ giả con, dặn dò bằng lời chung quyết:

"Với hình vóc đẹp để do mẹ, tư thái oai phong và tính khí anh hùng do cha, con sẽ không bị khuất phục bởi bất cứ loài vật nào. Loài người sẽ thân thiết và quý giá con, nhưng đó chỉ do con thực hiện lòng khao khát tiềm ẩn của con người. Bởi vậy, đối với người anh hùng, con dùng tài năng chứng tỏ cho thấy con xứng đáng. Với bọn tâm địa dã thú, bọn bị ám ảnh bởi bạc tiền quyền lực, con hãy dùng đức kham nhẫn và có thể cả đức hy sinh thân mình để làm bài học răn dạy cho bọn lợi dụng con. Chúng có thể nhìn con là kẻ chiến bại, nhưng bài học này để chúng thấm hiểu. Chúng sẽ tàn gia bại sản, gia đình sụp đổ nếu không cảnh tỉnh. Những kẻ xung động như thế, đầu trưởng chỉ để phô trương dục vọng, để nhục mạ lẫn nhau, kẻ mê đắm mù quáng sẽ đi đến tự vận."

Ta từ hôm nay lập lời nguyên, kẻ nào xúc phạm đến linh thân con, gia sản họ kết như vua chúa cũng tàn mất. Kẻ nào hủy hoại hùng xác con, hồn vía họ sẽ không được yên nghỉ, giòng tộc họ sẽ lụn bại, con cháu họ ly tán cầu thực tha phương. Từ nay, con là vua loài chim ngự dưới đồng bằng, cha là vua loài chim ngự trên núi cao. Ngoài mẹ



con ra, không một loài chim nào có thể cao quý hơn chúng ta."

Mạn bắc phía trên kinh thành Thăng Long gọi là Kinh Bắc, được coi là đất ngàn năm văn vật, cái nôi văn hóa cả nước, nơi truyền thống hội hè và âm nhạc phong phú. Lê Tuấn là con độc nhất của một đại địa chủ tại đây và chàng thanh niên này còn là một thương gia giàu có. Gia thế tài phiệt nên chàng là công tử hào hoa ăn chơi khét tiếng. Tiền tiêu như nước chảy, giai nhân như bướm lượn, bè bạn như đám ong, nhưng thú đam mê chính của chàng không phải trن cười thâu đêm với mỹ nhân, không phải tiệc rượu trọn ngày với đám bạn. Thú đam mê của chàng tao nhã hơn: chơi chim và chơi gà.

Nhà chàng có khu vườn mênh mông đặt tên là "Điểu Uyển", nuôi đủ loài chim lớn như Phụng, Khổng, Trĩ, Hồng Hạc, Bạch Hạc, Thiên Nga, Trích, Gà Lôi... Các loại chim hót như Yến, Hoa Mi, Anh Vũ. Chim nói như Nhông, Sánh, Sáo Sậu, Sáo Nghệ, Cưỡng... Các loại gà chơi được sưu tầm từ Bắc chí Nam, khắp nước mang về, đủ giống đủ loại, từ gà Bướm, gà Lau, gà Nhạn, bông Trích, Xám, Đế, bông Chuối, gà Mái Lai, gà Ô, gà Ó... Trọng làng gà chơi, chàng là cao thủ được kiêng dè vì lăm tiền của mà gà chiến cũng thừa dư.

Sáng tinh sương, Lê Tuấn đã có mặt trong khuôn viên độc đáo của chàng, nhanh chân đến chỗ nuôi gà chơi, đích thân ôm từng con ra khỏi chuồng, vuốt ve, mơn trớn, nựng nịu. Con cho ăn lúa, con cho ăn thịt bò, con cho mút trứng gà... rồi mới cho vào "lồng ép." Cho vào lồng ép phải sao cho có kỷ luật và mỹ thuật: nâng gà lên trong tay rồi dứt ngược để cho đuôi gà vào trước mới đứng điệu nghệ. Không bao giờ tay nhà nghệ đưa đầu gà vào trước, làm mất thể thống con gà. Đưa đuôi vào

trước thì khi vào lồng con gà ngó mặt ra trước trông oai nghi hơn.

Con gà nào nuôi thúc để mang ra trận mạc thì mang ra “văn sương” và “nhồi gà,” “sổ gà.” Khi nhồi gà, chàng đưa tay hữu bợ bằng hai ngón dưới ức con gà, nâng cho gà hồng căng khỏi mặt đất độ hai tấc, nhồi nhẹ nhẹ cho gà biết ý thủ thế trước, rồi lệ làng vừa nhồi mạnh vừa rút tay ra, gà bỗng nhiên bị mất thăng bằng rồi xuống chổng cẳng sẽ biết dùng hai gối chống thế cho khỏi té. Cặp nào chàng muốn sổ thủ thì lấy lá chuối khô, vải và da mềm, bịt cửa lại rồi thả hai con cho đá nhau trên bãi đất mềm hay trên đám cỏ tơ xén ngọn mới mọc lên lúp xúp. Xổ, văn, tắm gà xong là chàng loay hoay vô nghệ cho gà. Con nào đến ngày xả nghệ thì chờ đến lúc bông mười giờ nở, nắng đủ ấm, dùng xác trà huế cọ chà khắp châu thân gà cho sạch sẽ, rồi thả gà cho xả hơi, bay giỡn. Buổi sáng nào của chàng đều như vậy.

Trong số những con gà đá chàng tuyển chọn, có con Ô Mã Lại sắc lông đen tuyền, đứng đi hùng vĩ, mắt chân linh mãnh. Đặc biệt, dù cổ con Ô Mã lại đã nhỏ trọi lông khoe cần đỏ au nhưng lông mọc ra trên cổ lại trắng tinh, nếu để nguyên một thời gian không nhổ sẽ mang một hình thù kỳ dị: lông thân, lông giò tuyền đen mà lông cổ lại mượt bạch. Ở xa nhìn nó, nếu không để ý phần lông đuôi, người ta có thể nhìn lầm ra con ó biển hay con diều hâu, đại bàng. Đây là bí mật, Lê Tuấn tuyệt đối không cho biết lại lịch con gà Ô này. Chỉ biết lần chàng xuôi Nam lòng gà chọi, lần trở về đó ôm về độc nhất con Ô Mã Lại, quần nó trong chiếc khăn gấm, cực kỳ thống khoái cho biết giá trị của nó, cả trăm con đang nuôi cũng không đổi được nó.

Con gà này khi ngủ sải chân xòe cánh, cổ ngoẹo xuống như chết, giả tướng độc đáo này được thầy gà hạng tổ sư đặt biệt danh là gà “Tử Mị.” Khi ra trận nó mới hiển lộng thật tướng, nó vỗ cánh, túc con, hùng hùng củ củ, oai phong lẫm liệt khiến gà kia khiếp vía hoảng hồn. Và, khi nhập độ, trong vài ba miếng xạ đầu, gà nó như bị thôi miên bủn rủn không ra đòn được, đứng xơ rờ chờ nó dứt mũi cửa là xong. Gà nào gặp nó như gặp phải diều hâu, đại bàng. Họa hỏn con nào gan lắm cũng chỉ chịu nổi ba bốn đòn, không bị đâm vào “giao long” huyết, cũng “chữ tử,” “hang cua.” Cặp giò nó một chân có vảy “liên

giáp nội” đóng ngang hàng cửa nhìn giống hàm rồng gọi là “long hàm,” chân kia ngoài vảy “khai vương” có vảy “huyền châm” nhỏ xíu chen chính giữa các vảy khác đóng ngang cửa. Đồi cửa “Nhật Nguyệt” của nó chuyên đá “đòn dọc,” đứng trước địch thủ là tung cước tạt ngay vào tử huyết ở cần, ở mặt đối thủ.

Ngày Lê Tuấn ôm con Ô Mã Lại về, không hiểu tại sao nó mang thương tích trầm trọng, máu me xơ xác. Chàng gần như bắt giao một số độ gà đánh cược to đã giao ước. Ngày đêm săn sóc nó không rời, nào ngâm rượu nút máu bầm, nào đồ sâm, thoa nghệ, vít vá thương tích. Đến độ cha mẹ định ngày tốt đã coi, đưa chàng đi xem mắt vợ, chàng cũng đủ lý do để ở nhà. Hai tháng sau, con gà Ô lành lặn mạnh khỏe, cũng là ngày tân hôn vội vàng của chàng, vì theo lịch tử vi, trọn năm tới không có ngày tháng nào tốt cho đôi tuổi tân lang và giai nhân. Cha mẹ cưới về cho chàng một nàng vợ xinh đẹp sắc xảo, con một gia đình vọng tộc thân thiết ở Hà Đông, đôi bên gia đình đã hứa cưới gà từ khi chàng còn tấm bé.

Con Ô Mã Lại chưa thua trận nào, công trạng bách chiến bách thắng của nó mang về cho chàng tiếng tăm lẫy lừng. Tiền thắng độ bao giờ cũng thật to, do lòng thù hận và quyết tâm muốn triệt hạ nó mà nhiều chủ gà thắng tay cược lớn nhưng cuối cùng luôn thua cuộc. Từ khi mang nó vào gia đình chàng, cha chàng buồn bán bổng trúng nhiều vốn lãi to, phát triển thêm hai cửa hàng ngoài kinh thành. Mẹ chàng có hiệu buôn bán vàng và đá quý cũng may mắn không kém, món nào mua vô bán ra đều lãi năm lãi mười. Con Ô Mã Lại được xem như báu vật mang vận hên đến. Bởi vậy, chàng cưng tiu nó như con, phụng hầu nó hơn cha mẹ. Khó ai đụng được cọng lông đuôi nó. Vợ mới cưới của chàng so với nó kém xa sừng ái. Chính vì thế, mớ ra một trời oan nghiệt.

Người vợ Hà Đông xinh đẹp của chàng về nhà chống thay vì có những ngày tháng vợ chồng mới mẻ đầu ấp tay gối quần quít nồng nàn, chẳng này cô nàng chỉ nhận được hững hờ té nhạt và nghiêm nghị của chồng. Chồng nàng ăn nằm với nàng như thủ tục. Đối xử với nàng bằng thái độ của người trưởng giả chủ nhân



chứ không bằng cưng yêu ưu ái. Thật trái ngược với mơ ước của người thiếu nữ lên xe hoa, liên tưởng nét mặt thẹn thù của mình trong vòng tay thềm muộn của chồng, bế bổng ngụp lặn sông ân ái trong thời kỳ phong hoa ong nhụy. Cay đắng ngay đêm động phòng. Sau dằng hiến đầu đời, cảm giác hạnh phúc còn tràn lan trong thân mình, nỗi phập phồng trinh nguyên còn chưa hết then thủa trên gương mặt, hơi ấm còn nồng mùi da thịt thì chàng đã vội nhóm dây, khoác áo bước bả ra vườn “Điếu Uyển” thăm con gà Ô. Nàng ngỡ ngàng khi chàng cúi khỏi lớp chân bông. Đôi mắt lim dim tận hưởng dư vị hoan lạc bỗng phụt tắt, mở trừng nhìn lên trần phòng u tối giống như từ đáy vực trông lên. Nàng mơ hồ một viễn tượng bất hạnh, người mình trao thân gởi phận bị thu phối tron ven bởi một hấp lực khác mãnh liệt hơn nàng.

Nỗi ê chề đó không chỉ tái tê một lần trong đêm dạ chúc mà có thể xí xóa. Cứ mỗi đêm sau hồi ân ái, dù có khi chàng nán lại thêm dăm phút cuộc tàn, nhưng rồi cũng thế, cũng bỏ ra sau vườn thăm nom con Ô Mã Lại, trở vào với mình mấy hồi nghệ hội gà. Nàng cảm thù con gà quí quái đó. Nó là cái thá gì mà chồng nàng quý yêu hơn nàng? nó chỉ là con gà đen đúa gớm ghiếc. Đã thế, chồng nàng thức giấc vừa sáng tinh sương, thay vì ôm ấp ái ân nàng, lại không cả một chiếc hôn, lẳng lặng đi xuống chuồng gà chuồng chim. Chồng nàng phải chọn một trong hai, khi nàng đã là phu nhân trong nhà này nhất định không thể còn có mặt con gà đen ghê tởm đó. Một con vật không thể nào tước đoạt hạnh phúc trong vòng tay của nàng được!

(còn tiếp một kỳ)

Lê Giang Trần

ĐI NGHE DIỄN GIẢI CỦA TIẾN SỸ NGUYỄN TƯỜNG BÁCH (NHẬT KÝ GIÁO DƯỠNG TUỔI TRẺ)

Tâm Thường Định

Trời Sacramento nhiều nắng thiếu mưa, lại là một ngày đẹp và thanh thản. Chúng tôi lái xe về trường Đại học cộng đồng Consumnes River College (CRC) để lắng nghe Tiến sỹ Nguyễn Tường Bách chia sẻ “Những nẻo đường nhận thức” trong Chương trình Việt Ngữ tại trường đại học CRC. Ở Sacramento, có thể nói Chương Trình Việt Ngữ tại đại học CRC là lâu đời nhất mà những người giáo sư như Cô Đỗ Thị Minh Hồng, Cô Nguyễn Thị Yến, v.v... đang tận tụy giữ gìn và phát huy ngôn ngữ Việt nói riêng và văn hoá thuần phong mỹ tục của Việt Nam nói chung. Vì thế, khi được mời để tham dự những việc liên quan đến giáo dục tuổi trẻ, chúng tôi không thể từ chối, nhất là về nghe Tiến sỹ Nguyễn Tường Bách, người mà chúng tôi rất hâm mộ qua cuốn sách *Mùi Hương Trầm*.

Ban tổ chức (Gs. Đỗ Thị Minh Hồng, Gs. Nguyễn Thị Yến, cô counselor Anna Đoàn), Cộng đồng người Việt và sinh viên CRC đã đón tiếp Tiến sỹ Bách đến từ Đức một cách nồng hậu và hoan hỷ. Trong số đó, đông nhất là các em sinh viên trong trường CRC, rồi đến Hội Thiền Học Tánh Không, và đồng hương Phật tử. Chúng tôi nhận thấy sự hiện diện của Ni Sư Thuần Tuệ, Sư Cô Thuần Tĩnh và Sa Di Ni Phương Thiền từ Thiền Viện Diệu Nhân, Rescue, CA. Các vị khách quý mà được ban tổ chức giới thiệu hoặc nhắc đến như: Ông bà Nha sĩ Đỗ Kỳ Long, Ông Trần Duy Phô và Hội Từ Bi Quán Thế Âm, Ông bà Mục sư Phan Như Ngọc, Ts Trần Kiêm Đoàn, Ts Trương Xuân Bình, Ts Nguyễn Đăng Hoàng, Ts. Phan Văn Chương, Ts. Phan Mẫn, giáo sư Business ở trường CRC, giáo sư Lý Lập dạy Toán ở CRC, Ông Bà Vũ Hữu Kỳ, Ông bà Hoàng Xuân Thiệu, Ông Đàm Phương, Ông bà Nguyễn Phúc Hồng Thanh, quý Huynh trưởng GDPT như anh chị Nguyễn Sanh Ty,

Ngô Thị Thu, Đặng Văn Cường, Nguyễn Huy Hoàng v.v...

Giáo sư Đỗ Thị Minh Hồng, khoa trưởng ban Việt ngữ tại CRC, giới thiệu:

Ts Nguyễn Tường Bách sinh tại Thừa Thiên Việt Nam, Du học tại Đức năm 1967. Tốt nghiệp kỹ sư xây dựng năm 1975 và tốt nghiệp Tiến sĩ Kỹ thuật năm 1980. Từ 1980-1992: ông làm việc cho công ty ABB tại Đức. Sau đó Ông làm Giám đốc cho một công ty xuất nhập khẩu tại Cộng Hòa Liên Bang Đức và nghỉ hưu năm 2010. Ông là tác giả và dịch giả của những cuốn sách nổi tiếng đã xuất bản và tái bản nhiều lần.

(Dr. Nguyen Tuong Bach was born in Thua Thien Province, Vietnam, and began studying abroad in Germany in 1967. He earned his Ph.D. degree in Engineering in 1980. He worked for ABB in Germany until 1992 and was the founder/CEO of an import-export company in Germany until his retirement in 2010.

Dr. Bach has authored a number of books and papers on the topic of Eastern Philosophy, especially on Buddhism. A few of his most noted works are Mùi Hương Trầm (Scent of Incense), Lưới Trời Ai Dệt (The Cosmological Drag Net), Mong Đời Bat Tuyet (The Endless Dream of Life), Đường Xa Ngày Mới (Long Road New Day), Đêm Qua Sân Trước Một Cảnh Mai (Last night a spring flower bloomed).

His translated works include Dao của Vạt Ly (The Tao of Physics - Fritj of Capra), Con đường mây trắng (Long road white cloud - Lama Anagarika Govinda), Thiền trong nghệ thuật bắn cung (Zen in the Art of Archery - Eugene Herrigel), Đối diện cuộc đời (Facing life - Krishnamurti).

Mà trong phần giới thiệu, chúng tôi đặc ý nhất là lời nhắc nhở của Tiến sỹ Bách cho các bạn sinh viên trẻ; ông đã nói như sau:

"Tôi có may mắn sống trong những nền văn hóa khác nhau. Tôi mong những người trẻ có cơ hội sống trong những nền văn hóa khác trong một khoảng thời gian hoặc dài hoặc ngắn, nói tiếng nói của người ta, tìm hiểu văn hóa của người ta, qua đó cảm nhận được tính cách của người Việt Nam rõ ràng hơn, khách quan hơn. Ra ngoài không phải là xa Việt Nam. Đi để nhìn lại, để tạo cơ hội nhìn rõ con người mình nhiều hơn. Có xa gia đình mới thấy yêu gia đình của mình thế nào, có xa đất nước mình mới thấy yêu đất nước mình như thế nào." (I have been lucky to have lived in many different cultures. I wish that young people will have the same opportunity to live in different cultures however short or long, speak other languages, try to understand other cultures, and through that they will be able to understand the characters of the Viet-



Hình ảnh trong buổi chia sẻ của Tiến sỹ Nguyễn Tường Bách - Photo: BXK

namese people more clearly and objectively. To leave Vietnam is not to distance oneself from Vietnam. To go away is so that one can look back, to give oneself a chance to better reflect. To be away from one's family helps one to love it more, to be far away from one's country will help one to cherish it more.)

Trong phần diễn giải "Những nẻo đường nhận thức," Tiến sĩ Bách nhấn mạnh là ông "chỉ nói về những kinh nghiệm và nhận thức của riêng mình. Nó sẽ có tính chất chủ quan và có thể khác lạ, thậm chí kỳ cục so với thông thường. Tôi không có một chút ý định nào thuyết phục người nghe vì phần lớn là các trải nghiệm trong tâm. Tôi cũng thấy thật là khó khăn khi diễn bày những cảm nhận trong tâm bằng ngôn ngữ."

Tiến sĩ Bách trình bày năm nẻo đường nhận thức như sau:

Nhận thức bằng cách nghe

Nhận thức bằng cách thấy

Nhận thức bằng cách quan sát

Nhận thức bằng suy luận tư duy

Nhận thức bằng cách buông bỏ

1. Nhận thức bằng cách nghe

Theo Tiến sĩ Bách, nghe không chỉ qua lỗ tai bằng âm thanh mà còn nghe bằng tâm. Mà quan trọng hơn mà nhận thức qua "Tâm nghe tâm", một phương pháp mà tự tâm mình lắng nghe chính mình để biết những diễn biến bên trong của mình. Chúng ta có thể thêm vào đây là sau phần lắng nghe tâm, chúng ta nên quán chiếu để biết, nhận chân và phòng hộ những suy nghĩ và lời hành xử của chính mình. Ông nhắc thêm:

"Nhưng cũng có khi ta nghe bên trong, nghe vận động bên trong tâm.

Rong chơi râu tóc bạc phơ

Còn nghe đắm đuối vẫn thơ yêu người

Người đi ở cuối chân trời

Có nghe tình mộng nửa đời dang dai... (thơ Bùi Giáng)

Nghe của Bùi Giáng là tâm nghe tâm. Thế nên "nghe" không chỉ là lỗ tai nghe âm thanh. Tâm nghe tâm là tâm tự lắng nghe chính mình, hay chính xác hơn là nghe những diễn biến trong mình. Nói vậy chứ không phải đơn giản vì "diễn biến trong tâm" thường kéo dẫn chúng ta đi theo mà ta không hề biết. "Diễn biến trong tâm" chính là tâm chúng ta. Hình ảnh trong gương chính là tấm gương. Tâm nghe tâm là tự tách mình đứng bên dòng chảy của tâm và lắng nghe nó. Thế nên Bùi Giáng không hề điên mà rất tỉnh vì tỉnh táo mới nghe được diễn biến trong tâm."

Có lẽ chúng tôi đồng tình cùng tiến sĩ rằng "chỉ có một cái nghe đang vận hành. Khi đó thì tính nghe đồng nghĩa với tính biết. Khi đó thì những cái được nghe, hay chính xác hơn là những cái được biết, dường như "bóc tách" khỏi tâm ta và lơ lửng trong không gian rỗng rang của tâm."

2. Nhận thức bằng cái thấy

Cái thấy qua con mắt là sự nhận xét mà mọi vật chất, hay mọi Pháp (ngôn ngữ của nhà Phật) chỉ hiện qua hình tướng. Và theo tiến sĩ Bách, hiện tướng là tương đối và tùy theo trình độ và khả năng của người nhìn nó. Điều này nhắc tôi nhớ nhà bác học Einstein cũng từng nhắc nhở chúng ta một khái niệm mình bị giới hạn vì những gì mình đang là (we are limited of who we are-our thoughts, feelings and experiences). Cái thấy biết của mình tùy thuộc vào

những tu duy, kiến thức, kinh nghiệm sống v.v... Ông lại phân tích thêm,

"Đối với người điếc thì thế giới toàn màu sắc và sự lặng yên, đối với người mù thì thế giới đầy âm thanh và một màu đen, đối với người mù màu thì thế giới chỉ hai màu đen trắng, đối với loài chó, loài có khứu giác nhạy bén thì thế giới nhấp nhô toàn cả mùi..."

Ông nói tiếp, "Heisenberg, nhà vật lý lượng tử cũng nói đại ý "thiên nhiên là câu trả lời trước sự vấn hỏi của con người". Ta thắc mắc thế nào thì thiên nhiên đáp lại theo cách hỏi của ta. Thế nên cái thấy của chúng ta có hai điều đáng nhớ, một là điều ta thấy chỉ là tướng trạng của sự vật, không phải thể tính thực của nó; hai là nó mang tính chất, mang chữ ký của người ngắm nhìn nó."

Tuy nhiên, cái thấy viên thông trong nhà Phật là thông suốt cả lý và sự, tình và nghĩa và thấy được cả tướng lẫn tánh.

3. Nhận thức bằng cách quan sát (thân và tâm)

Ông bảo rằng "nhận thức bằng cách nghe, nhận thức bằng cách thấy chính là "mở" hai giác quan tai và mắt, cho hai cái nghe và cái thấy vận hành. Qua Nghe và Thấy hầu như toàn thể thế giới hiện ra quanh ta." Vì thời gian giới hạn, có lẽ Tiến sĩ Bách chỉ nói về hai giác quan, Nghe và Thấy, nhưng trên thực tế thế giới quanh ta hiện ra bởi sáu giác quan (mắt tai mũi lưỡi thân ý / sắc thanh hương vị xúc pháp) qua sự biết của ý thức mà quý thầy tổ đã nhắc nhở "Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ"

Có thể nói, nhận thức này chính là ở nơi thực hành của chúng ta. Tùy trình độ, kinh nghiệm hay pháp môn của mình, mỗi khi chúng ta tự lắng lòng quan sát chính mình (qua suy nghĩ, lời nói, hành động) và quan sát chính thân tâm mình thícó lẽ chúng ta sẽ thấy được phép lạ của sự tinh thức.

Tiến sĩ Bách chia sẻ, "nếu kiên trì, nếu tinh táo và chú ý, thường thì phải sau vài tháng hay vài năm, ta sẽ nhận ra một điều đơn giản trong tâm. Đó là có một dòng hoạt động tâm lý cứ trôi chảy liên tục trong ta. Ban đầu có lần vui buồn thương nhớ, về sau cảm xúc ít đi nhưng tâm luôn luôn có hình ảnh, có âm thanh. Đặc biệt trong âm ta luôn luôn có lời, khi thì độc thoại, khi thì đối qua đáp lại. Luôn luôn có lời nói thầm trong tâm, tôi tạm gọi là "tâm ngôn"."

Nói chung, tất cả nhận thức đều là "phương tiện thiện xảo", không phải là một cứu cánh, để dựa chúng ta trại thái của tâm hồn rỗng lặng, mà diễn giả gọi là "Tâm hoàn toàn tỉnh giác sáng tỏ."

4. Nhận thức bằng suy luận tư duy

Tiến sĩ Bách cho rằng tư duy suy luận là một trong những hoạt động của tâm. Một phạm trù rất trừu tượng, mà chúng tôi nghĩ những sinh viên khó hiểu đó là khái niệm về "pháp hữu vi". Ông giải thích rằng, "hiện tượng tâm vật, xác định tính chất chung nhất của chúng là những "hiện tượng được tạo thành" (hữu vi – composed things). Tất cả những gì được tạo thành, dù là do nhiều phần tử khác hợp lại, hay do các điều kiện khác sinh ra, được gọi là pháp hữu vi. Như thế thì từ mỗi hạt nhân nguyên tử đến cả các thiên hà vĩ đại, từ cực tiểu đến cực đại, đều là pháp hữu vi cả. Thân chúng ta và các cơ quan trong thân từ hơi thở cho đến các bộ phận cũng đều là pháp hữu vi. Chưa hết, cả mọi hiện tượng tâm lý cũng pháp hữu vi vì tất cả đều sinh ra từ các điều



Hình ảnh trong buổi chia sẻ của Tiến sỹ Nguyễn Tường Bách - Photo: BXK

kiến khác. Về triết học đây là sự khái quát hóa cao nhất. Thế là mọi hiện tượng tâm vật trong thế gian đều là pháp hữu vi."

Chúng ta có thể nhắc nói với tuổi trẻ rằng, những cái lớn là sự tập hợp của những cái nhỏ hơn. Như những thành công lớn, bắt nguồn từ những thành công còn con. Và những niềm vui lớn cũng bắt nguồn từ những niềm an lạc của tự tâm. Tới đây, diễn giả nhắc đến bài kệ Lục Như trong kinh Kim Cang:

*Nhất thiết hữu vị pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán.*

Diễn giả chia sẻ:

"Tất cả các pháp hữu vi

Như cơn mộng, như ảo ảnh, như bọt nước, như bóng

Như sương mai, như ánh chớp

Nên quán chúng như thế.

(Kinh Kim Cương, dịch bản chữ Hán của Cư Ma La Thập)

Nhưng trong bản Phạn ngữ có đến 9 ẩn dụ như sau:

Như sao đêm, như mắt loạn, như ngọn đèn, như huyền thuật, như sương mai, như bọt nước, như cơn mộng, như ánh chớp, như đám mây — những gì hữu vi nên được quán chiếu như vậy (1).

Diễn giả cho rằng, suy luận từ các ẩn dụ mô hình là vô cùng quan trọng vì là bằng chỉ đường trực tiếp nhất. Nhưng vì là bằng chỉ đường nên ta nhìn xong là đi tiếp, không dừng lại. Nếu dừng lại lập tức nó trở thành chướng ngại. Như diễn giả, chúng tôi thiết nghĩ, tất cả đều là phương tiện để chúng ta nhận chân rằng mọi pháp hữu vi cũng nằm trong quy luật vô thường, vô ngã, khổ và không. Từ đó, chúng ta tích cực hơn với cuộc sống. Chúng ta hãy tư duy suy luận để rồi học từ bi và hành hỷ xả. Sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ.

5. Nhận thức bằng cách buông bỏ

Có lẽ đây là nẻo nhận thức khó hiểu và thực hành nhất vì sự nghịch lý của nó. Buông bỏ là một trong đặc tính của tứ vô lượng tâm—Tứ Bi Hỷ Xả. Ts Bách cho rằng,

"Tới nay ta thường nghĩ, nhận thức là một quá trình làm giàu thêm cho tâm. Nhận thức là thêm, thêm kiến thức, thêm kinh nghiệm, thêm phán đoán. Nhận thức chỉ có một chiều "thêm". Thế nhưng nếu khéo quan sát, ta sẽ thấy kiến thức và kinh

nghiệm là một con dao hai lưỡi. Kiến thức giúp ta hiểu thấu sự vật nhưng đến mức nào đó nó thành chướng ngại. Cái thấy sinh cái biết, đến phiên nó cái biết lại ngăn cản cái thấy.

Đóa hoa vừa xuất hiện trước mắt. Ta chưa kịp thưởng thức nó thì khái niệm về hoa và kinh nghiệm trong ta liền lên tiếng: "Đây là loại hoa hồng gai mềm hay trồng tại Đà Lạt. Có nhiều màu đẹp hơn nhiều". Ta không thấy thực tại mà chỉ nghe lời nói của chính ta. Cái biết cũ xưa về hoa đã ngăn ta thấy đóa hoa tình khôi."

Ông ân cần lại nhắc,

"Nếu sánh kiến thức như những viên gạch nằm trong kho chứa khổng lồ của tâm thì kiến thức và kinh nghiệm rất có khuynh hướng tự mình xây nên một lâu đài và giam giữ ta trong đó. Có ai nói "Có thể xây địa ngục bằng những viên đá của thiên chí" thì ở đây ta có thể nói nhại rằng "Có thể xây lâu đài trú ẩn bằng những viên đá của kiến thức và kinh nghiệm". Có lẽ chúng ta từng thấy rất nhiều người, phần lớn là lớn tuổi và nhiều kiến thức, tự xây cho mình một lâu đài của thành kiến, kinh nghiệm, khái niệm, thang giá trị thiên ác đúng sai... và ẩn trú trong đó. Họ bít cả cửa sổ cửa lớn, bản thân họ không ra ngoài và cũng không cho những gì mới mẻ lọt vào. Ánh sáng mặt trời cũng không vào, họ tự đốt đèn bằng chất dầu mang tên "từng biết - well known" và vui sống trong đó."

Ông tha thiết tâm sự là chúng ta hãy,

"Mạnh dạn mở toang những cánh cửa đó, tức là hai cửa của Nghe và Nhìn. "Mở toang" là buông bỏ những gì đã biết, giữ tâm chú ý, rỗng rang, không chủ động, không dụng công, không mong chờ, chỉ chú ý trống rỗng. Ta sẽ thấy ánh sáng mặt trời luôn luôn có đó. Nói "ra ngoài" là nói ẩn dụ. Tâm không có trong ngoài. Tòa lâu đài họ xây dựng bằng những viên gạch của tâm. Buông bỏ nó, phá hủy nó cũng là hoạt động của tâm. Chỉ cần thấy xuyên suốt tự tính của nó là đã phá hủy nó rồi, rất dễ. Nhưng cũng vô cùng khó, vì như Albert Einstein nói, phá bỏ một thành kiến còn khó hơn phá vỡ một hạt nhân nguyên tử. Rất dễ nên nhà Thiền mới nói buông dao quay đầu là thành Phật. Rất khó nên không mấy ai thành tựu, trước khi thành tựu, Phật cũng phải tu vô lượng kiếp. Về phần tôi, tôi cũng thấy rất khó vì phải bơi ngược dòng tất cả mọi thói quen.

"Bên ngoài" ra sao? Bên ngoài những lâu đài kín cửa là một không gian vô cùng thanh tịnh. Huệ Năng đã từng thốt lên "Ai dè tự tánh vốn sẵn thanh tịnh". Lục Tổ mà thốt lên "ai dè" thì chúng ta khó mà ngờ đến. Phía trên ta nói "giữ tâm rỗng rang" là nói cho người trong nhà đi lần ra cửa lâu đài, chứ ở bên ngoài rồi chỉ cần để tự nhiên, tâm vốn rỗng rang, tâm vốn luôn luôn chú ý, tâm vốn luôn luôn tỉnh thức. Cho nên ra ngoài thì cũng bỏ luôn sự chú ý vì lúc đó chính ta là sự chú ý.

Có thể các bạn hỏi tôi chúng nghiệm được cái gì. Lòng tôi vẫn còn đầy ngập những đám mây. Nhưng mây thỉnh thoảng vén ra cho thấy chút trời xanh. Tôi chỉ ghi nhận được rất ngắn là: Thực tại chính là toàn thể pháp hữu vi đang vận hành chớp nhoáng, vô chủ, cái này sinh ra cái kia, làm điều kiện lẫn nhau để sinh ra và diệt đi. Sinh diệt vô tận.

Sau khi nghe xong bài thuyết giảng và những câu hỏi, chúng tôi cảm nhận những lời chia sẻ của Tiến sỹ Bách. Bài chia sẻ bằng bạc Tánh Không và kinh nghiệm thực tập của diễn giả. Chúng tôi tin chắc là quý đồng hương Phật tử đã thấy và hiểu điều đó, còn chẳng là không biết trong số những sinh viên học tiếng Việt đó, bao nhiêu hiểu lời chia sẻ của

Tiến sỹ Bách. Rồi tự nhìn lại mình,
nhìn về đạo pháp và dân tộc, song
dư âm của bốn câu thơ của Thầy
Tuệ Sỹ lại về.

*Đêm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi
ngàn.*

Khi bước nhẹ rời khỏi hội trường
và trở về cùng với hơi thở và con
người của chính mình, tôi lại thăm
cảm ơn những ai đã được gặp—một
nhân duyên và phước báu của
nhau. Vui vì được gặp vợ chồng
diễn giả, quý Ni Sư, thầy cô bạn
hữu, các sinh viên CRC và thỉnh
giả. Ấu đó cũng là phước duyên
được gặp nhau, trong đầu ẩn hiện
dăm câu thơ vừa chớm để cảm ơn
người anh trong đạo từ phương xa
bỏ bớt thời giờ du dịch để chia sẻ
trong tình đạo vị.

**Nghe Thầy, Quan Sát, Tu
Duy, Buông Bỏ**

(Kính tặng anh Nguyễn Tường
Bách)

*Một trưa trắng sáng trong ngần
Thiền môn vô trụ đi về tảnh
không
Phù sinh bao cõi long đong
Thuyền từ bến giác thông dong
cối về.*

Breathe and Smile. Thở và cười
bạn nhé!

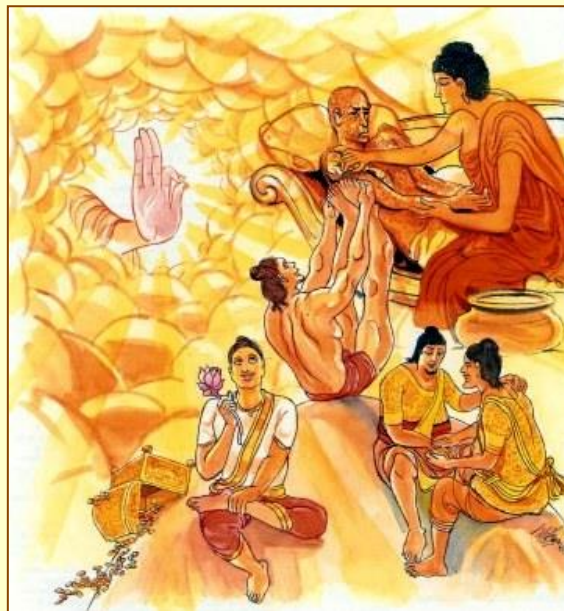
*Sacramento, ngày sinh nhật của
Ba—March 10th, 2015.*

Tâm Thường Định

(1) Bản Anh ngữ: "All composed
things are like a dream, a phantom,
a drop of dew, a flash of lightning.
That is how to meditate on them,
that is how to observe them."



The Story of King Pasenadi of Kosala Dhammapada, Verse 204



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (204) of this book, with reference to King Pasenadi of Kosala.

One day, King Pasenadi of Kosala went to the Jetavana monastery after having his full morning meal. It was said that the king had eaten one quarter basket (about half a bushel) of rice with meat curry on that day; so while listening to the Buddha's discourse he felt very sleepy and was nodding most of the time. Seeing him nodding, the Buddha advised him to take a little less rice everyday and to decrease the amount on a sliding scale to the minimum of one-sixteenth part of the original amount he was taking. The king did as he was told and found that by eating less he became thin, but he felt very much lighter and enjoyed much better health. When he told the Buddha about this, the Buddha said to him, "O king! Health is a great boon; contentment is a great wealth; a close and trusted friend is the best relative; Nibbana is the greatest bliss."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 204:

Health is the greatest gift, contentment is the greatest wealth, a trusted friend is the best relative, Nibbana is the greatest bliss.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

LẦU BÁT BỮU CHAY

Chuẩn bị vật liệu và nấu:

1) Phần một:

- 6 lit nước lạnh
- 2 củ cải trắng
- 2 củ củ sắn
- 1 củ bắp cải nồi
- 4 củ carrot
- 4 củ nấm đông cô khô
- 1 trái dưa tươi (lấy nước) hay 2 lon coco soda

Thái lát phần 1) rồi nấu 1 hr để làm nước lèo, rồi vớt hết rau cải, cho nước lèo được trong, sau cùng cho nước dưa và nêm muối, bột nêm chay cho vừa miệng và 1 chút đường phèn.

2) Phần hai:

- 1 củ gobo (thái lát)
- 1 củ gừng nhỏ (đập dập)
- 1 cup táo tàu khô (không có hạt)
- 1/2 cup bạch quả tươi (hay trong hộp)

- 2 cái nấm bạch nhĩ (ngâm nước, vắt ráo)
 - 2 cọng phù chú (tàu hủ ky khô ngâm nước vắt ráo)
 - 1 gói bông trúc (ngâm nước, vắt ráo)
 - 1 trái dưa tươi (lấy nước)
 - 1/2 cup kim châm (ngâm nước cho mềm)
 - 1/4 cup củ kỷ
- Trước khi ăn thì cho (phần 2) vô nước lèo (phần 1) đun sôi lửa medium, nhớ hớt bọt cho nước soup được trong.

3) Phần ba, nhân ăn chung với lẩu:

- 1 gói tôm chay (thái làm hai)
- 1 gói mực viên chay (thái làm hai)
- 1 khúc ham chay chiên (thái lát mỏng)
- 1 miếng gà chay chiên (thái lát mỏng)

Tất cả sắp lên đĩa bàn nhúng với rau cải Đài Loan, nấm đông cô tươi, cải bắp thảo (loại để làm kim chi) ăn với bún, tương ăn phở, tương ớt.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: thuvienhoasen.org)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Kẻ bòn sên bị phạt

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Ngày xưa ở gần thành vua nước Xá Vệ, có ông Lô Chí, nhờ thừa hưởng của phụ ấm và thêm hà tiện có tiếng “Rán sành ra mỡ được trở nên triệu phú ít ai bì.”

Một hôm trong thành có tổ chức cuộc lễ công cộng linh đình, tiếng pháo vang rền, trống kèn inh ỏi đưa lọt vào tai, thêm trước mắt hình ảnh nam thanh nữ tú dập dìu ngựa xe đông đúc kéo nhau rộn rịp vào thành dự hội, làm cho Lô Chí thấy trong người cũng hân hoan. Ông vội vàng vào nhà mở tủ lấy ít đồng tiền lẻ, định ăn xài một bữa cho ngỏa nguê. Xuống nhà bếp hốt một nắm muối, lấy một cái chai, gói cột lại một chùm, Lô Chí mang đi xem lễ, không ngưng nghỉ gì cả.

Vào thành, sau một hồi bách bộ ngóng xem cảnh đẹp phố phường, trưởng giả nhà ta mới mệt bụng bắt đói, miệng thèm ăn. Ông ghé vào quán mua thêm ít cái bánh và rượu, rồi đi ngay ra ngoài ô tìm chỗ vắng người định dùng bữa. Đến một gốc cây to, ông vừa ngồi xuống mở nút trút ve, thì bỗng nghe tiếng kêu “qua quạ!” trên không. Sợ lũ chim ô tinh ranh xốt bánh, ông lật đặt đứng dậy chạy một hơi tuốt ra đồng không mông quạnh, một mình ăn uống. Rượu vài tuần, ông trưởng giả hứng chí đứng lên múa hát ngêu ngạo, lúc cao hứng ông lại lớn tiếng tự hào:

“Bực vua Trời (Đế Thích) hôm nay cũng không sướng bằng ta, huống nữa là các vị Tứ Thiên Vương!” Rồi cho ông lúc đó ông Đế Thích với các vị hiền thánh đi ngang qua đồng đến tịnh xá Kỳ Hoàn nghe Phật thuyết pháp. Vừa nghe được lời ngạo nghễ của Lô Chí, vua Trời nghĩ ra một kế phương tiện để hóa độ người ngu si hết tật bòn sên. Ngài liền hiện thân thông biến ngay một ông Lô Chí giả giống hệt Lô Chí thật, chạy thẳng về nhà ông trưởng giả. Lô Chí giả hỏi tất cả người nhà tự hợp lại nói chuyện. Ông thưa với mẹ rằng: Bấy lâu nay

con bị con ma bòn sên ám ảnh mất hết trí khôn. Nó không cho con chủ trương một việc gì có đạo nghĩa cả. Bao nhiêu tiền kho nó cũng cấm con đem cung phụng mẹ già, cấp dưỡng con cái, dâu rể. May mắn thay! Ngày hôm nay, nhân dịp tiết hội, con đi chơi trong thành, gặp ông đạo sĩ cao tay ẩn đuổi con ma tham lam ấy ra khỏi mình con. Từ đây cả nhà chúng ta đều được hạnh phúc. Ông lại dặn thêm rằng: “Con ma bòn sên ấy giống con không sai chút nào. Nếu nó có đến, thì nội nhà ai ai cũng phải giúp con đánh đuổi nó ra khỏi cửa.”

Dẫn dò xong, ông vào kho tuôn tiền bạc ra cho người đi chợ thuê nhạc, mua pháo và sắm đủ món ngon, vật lạ làm tiệc linh đình, thiết đãi tất cả lục thân quyến thuộc, tôi trai tớ gái trong nhà và lối xóm láng giềng không sót một ai cả. Ông bảo đóng cửa rào lại không cho con ma bòn sên vào, để ông đem các đồ quý báu ra phân phát cho mọi người xong, rồi sau sẽ cho nó vô. Ông dâng cho mẹ quần áo quý giá, phát cho vợ con, dâu rể, vàng ngọc bạc tiền. Tay phải ông dắt mẹ, tay trái ông dắt vợ đi viếng thăm kho tiền trong lúc tiếng hát hoà với giọng đàn, giữa mùi thuốc pháo pha lẫn hương trầm. Thật là cuộc vui hi hữu trong nhà ông trưởng giả lần thứ nhất vậy.

Lô Chí thật tình rượu trở về nhà. Thấy thiên hạ rất đông đảo bao vây quanh nhà mình, trong nghe có tiếng đàn hát trống kèn inh ỏi, ông lấy làm ngạc nhiên và sợ hãi. Ông cố sức chen lẫn người vào đến cửa rào kêu gào lạc giọng người nhà, nhưng không ai lên tiếng. Lô Chí giả biết Lô Chí thật đã về, dạy người ra mở cửa rào. Ông trưởng giả chạy thẳng vào nhà. Khi ấy mọi người đều la lên rằng:

“Ma bòn sên đến kia rồi!

Hãy đề phòng sẵn sàng đánh đuổi nó!”

Lô Chí trưởng giả thấy một người giống in mình ăn mặc sang trọng, có vẻ trang nghiêm, ngồi ăn uống với mẹ, vợ con, dâu, rể một cách tự nhiên. Ông lại gần hỏi: “Người là ai? Sao được vào nhà ta hoành hành phung phí như thế?”

Vua Trời tươi cười hỏi lại: “Người là ai?”

- Tôi là Lô Chí, chủ nhà này chứ ai. Bà này là mẹ tôi, cô kia là vợ tôi, đám họ là con cái, dâu, rể tôi.

Tất cả người trong nhà đều phản đối. Bà mẹ nói “Con ma bòn sên, mày giống con tao thiệt, nhưng tao nhìn nhận đứa con hiểu thảo, mà từ bỏ đứa con bội nghịch.” Bà lại kêu nàng dâu nói: “Con ma bòn sên xưng là chồng mày, sao không lại gần nó đi.”

Nàng dâu đỏ mặt, nạt dội trưởng giả: “Đồ quý nói xàm! Hãy đi cho khỏi nhà này, thứ bòn sên ai mà có yêu.”

Vua Trời nói: “Các người đều công nhận tôi là Lô Chí, chủ nhà này thì sao còn để ma bòn sên ở đây làm gì?”

Tức thời kẻ thọt gậy, người quơ roi đuổi xua trưởng giả chạy dài một nước. Ra đường ông ta tay bức tóc, chân dậm đất, miệng kêu trời, khóc kể rồi rít như người mất trí. Một ông lão thấy vậy thương tình, cho mượn tiền sắm lễ vật đến vua cầu xin minh oan. Đến bệ rồng, trưởng giả Lô Chí vừa cúi đầu dâng hai tấm lụa lên bỗng bị Đế Thích dùng phép thần thông biến hai tấm lụa thành hai bó cỏ khô. Lô Chí chết khiếp sợ tội khi vua, mặt mày tái mét, run rẩy lập cập nói ra không được lời nào.

Vua lấy thể làm thương, hỏi các người theo Lô Chí biết việc làm sao tàu giùm rành rẽ.

Bạn của Lô Chí tâu rằng “Muôn tàu bệ hạ, hôm qua ông Lô Chí vừa đi dự lễ trong thành, thì có một người giống hệt như ông, tự xưng là Lô Chí, đi ngay vào nhà ông, tự do hoành hành, tiêu xài hết của cải. Ông Lô Chí về, người nhà gọi rằng ma bòn sên không nhìn, đánh đuổi. Ông Lô Chí uất ức quá nên đến xin Thánh hoàng minh xét.”

Vua nghe tâu rồi cho người bắt kẻ giống như Lô Chí đến hầu.

Lô Chí giả, chính là Đế Thích, đến trước bệ rồng. Vua xem tiên cáo, hai người in như khuôn đúc, không biết thế nào mà phân biệt giả thật. Vua suy nghĩ một chập rồi nói với bị cáo rằng: Lô Chí xưa nay vốn rít róng không dám xài

tiền. Còn nhà người tâm tánh rộng rãi, biết thị ân bố đức cho mọi người. Trầm xét tính tình khác nhau như thế thì đủ biết thật giả lắm rồi, nhà người cứ việc khai ngay.

Đế Thích đáp: “Bệ hạ phán lời ấy có lý, song gần đây tôi mới hấp thọ giáo pháp của Đức Phật Thích Ca, bỏ tà theo chánh, nên tôi phát tâm bồ thí, dứt sạch thói bòn sên đề hèn ngày xưa.”

Vua hỏi quần thần có ý kiến gì hay giúp ngài minh oan.

Ông Túc Cầu tâu “Xin bệ hạ hỏi các việc bí mật ở trong nhà và trong thân thể thì biết được sự chơn giả.” Vua đưa cho hai người vào phòng riêng bắt làm khai của cải và những việc cần mật. Thì hai tờ sổ khai trình sản nghiệp và sự bí mật đều giống nhau cả. Vua lấy làm lạ. Ngài hạ lệnh đòi mẹ Lô Chí vào hầu.

Vua hỏi: “Trong hai người này: ai là thiệt con bà?”

Đế Thích nói nhỏ trong tai bà ấy: “Xin mẹ chớ để con bị con ma bòn sên ám ảnh nữa.”

Bà cụ chỉ Đế Thích: “Người này có lòng hiếu thảo với tôi. Còn người kia bạc bẽo lắm, quyết không phải là con tôi. Tôi căn cứ vào tánh nết tốt xấu mà thừa nhận, chứ hình vóc, tiếng tăm không phân biệt được.”

Vua lại hỏi: “Con bà có dấu vết gì? Ở trong chỗ ẩn mật hay không?”

Bà cụ tâu: “Ở dưới nách bên tả con tôi có một nút ruồi đen bằng hạt đậu nành.”

Đế Thích nghe lập tức biến nốt ruồi ngay ở nách để đợi khám nghiệm.

Vua truyền hai người cởi áo, đưa tay trái lên coi, thì thấy người nào cũng có nốt ruồi đen như nhau. Vua và quần thần hết sức ngạc nhiên đồng cười rộ. Vua thú nhận rằng Ngài không phương giải quyết. Ngài nhất định thân hành đem nội vụ đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu Phật phân đoán.

Đến trước Phật đài, vua lễ Đức Như Lai và bạch rằng: “Lạy Đức Thế Tôn, chúng con đem hết tài năng suy cứu cũng không làm sao phân biệt được hai người này ai là Lô Chí thiệt ai là Lô Chí giả. Mong cần Đức Như Lai dùng Phật nhãn phân giải giùm kéo tội nghiệp ông Lô Chí trưởng giả.”

Bạch rồi, vua phán dẫn hai ông Lô Chí đến trước Phật đài. Đại chúng ngồi yên lặng đợi nghe Đức Thế Tôn minh đoán.

Bị cáo Lô Chí giả, thân thể khác thường mặt mày vui vẻ, ngồi yên lặng chỉnh tề. Tiên cáo, Lô



MẢNH TÂM, MẢNH ĐỜI

*Những mảnh tâm là những mảnh đời
Tám cơn gió thổi dạt ngàn nơi
Về đi bến cũ ngàn năm đợi
Nước tình hồ xưa trắng vẫn soi.*

thơ THỊ GIỚI

Chí thiệt, thân hình tiều tụy, quần áo rách rưới, bẩn thỉu, mặt mày lem luốc, ra dáng đau khổ. Ông khóc mướt, bạch rằng: “Lạy Đức Thế Tôn, xin đừng cha lành làm cho con khỏi sự oan ức.”

Bị cáo, ông Đế Thích thấy Lô Chí khổ não quá thì mỉm cười.

Đức Như Lai cất cánh tay vàng thần quang rực rỡ chói lòa, phá tan mọi vật mờ ám tối tăm, không còn vật nào ẩn hình vào đâu được nữa. Đức Phật hỏi Đế Thích rằng “Người làm gì thế?”

Lô Chí giả lập tức biến mất, hiện nguyên hình là Đế Thích, khắp mình hào quang chói rạng, tướng mạo trang nghiêm, chấp tay hướng trước Phật đài đọc bài kệ rằng:

*Cái người bòn sên ngu si
Không hay bồ thí giúp gì
cho ai,
Năm đồng bánh rệu một
chai*

*Đem ra nơi vắng ngồi nhai
một mình
Say rồi múa hát linh đình
Lớn lời tự thị dám khinh cả
trời*

*Muốn cho tánh nó đổi đời
Quyền phi phương tiện nên
tôi trả hình.*

Phật bảo Đế Thích: “Tất cả chúng sanh đều có tội, nên hoan hỷ cho họ.”

Trưởng giả Lô Chí than với Đế Thích rằng: “Tôi chịu khổ sở nhiều năm mới trích trữ được tiền của cho đầy kho. Nay bị Ngài huy hoặc phá tan hết trơn, tội nghiệp tôi quá!”

Đế Thích đáp rằng: “Ta không hề tiêu phá của người đồng nào.”

Trưởng giả Lô Chí còn hoài nghi.

Phật dạy rằng: Người hãy an lòng tin chắc, cứ về kiểm điểm lại đi, không mất một tý gì đâu cả. Lô Chí tin lời Đức Phật, bao nhiêu phiền não đều tiêu tan. Ông kính cẩn lễ Phật rồi vội vã trở về nhà.

Thuật giả:
Thích Trường Lạc

Chuyến bay định mệnh

Hồi ký của **HOÀNG THỤY DUNG**



Phi trường Qui Nhơn, chiều 30 tháng 03 năm 1975

Thời gian thấm thoát trôi qua, mỗi ngày nào đó mà nay đã bốn mươi năm; 40 năm như một giấc mơ, đôi lúc những hình ảnh xa xưa ấy nó lại chập chờn trước mắt tôi.

Tất cả gia đình tôi đã vào Sài Gòn trước tháng 03/1975; riêng tôi còn ở lại Qui Nhơn để thu xếp việc nhà và đã có vé máy bay đi Sài Gòn vào ngày 28 tháng 03. Bất ngờ, vợ tôi từ Sài Gòn quay trở về lại Qui Nhơn ngày 22/03. Tôi rất lo lắng, vì lúc này dân chúng quá hoang mang, phần lo sợ về bom đạn, phần tìm cách để thoát ra khỏi Qui Nhơn. Tôi đã tìm mọi cách để mua vé cho vợ tôi vào Sài Gòn, nhưng không có chỗ trống. Mãi đến ngày 28/03, chúng tôi cùng ra phi trường hy vọng là sẽ có người nào đó nhường vé lại, để vợ chồng chúng tôi về cùng ngày; cuối cùng gặp anh Tiến (*nhà sách Việt Long*) nhường cho tôi một vé đi Sài Gòn vào ngày mai 29/03, nên tôi vội đổi vé lại để vợ tôi đi ngày hôm nay, còn tôi đi ngày 29/03; đồng thời, gặp được anh Đoàn Văn Toại, Giám đốc Nam Đô Ngân Hàng, chi nhánh Qui Nhơn, cho biết Nam Đô Ngân Hàng có chiếc tàu đang đậu tại bờ biển Qui Nhơn, để chờ nhân viên ngân hàng về Sài Gòn khi nào Qui Nhơn di tản. Anh chở tôi xuống bờ biển, lên tàu gặp anh Vĩnh, Phó Giám Đốc trên tàu để giới thiệu, nếu tôi bị trở ngại không đi được, sẽ cho tôi xuống tàu về Sài Gòn cùng với nhân viên ngân hàng.

Sáng ngày 29/03, tôi chuẩn bị hành lý ra phi trường. Chờ mãi từ sáng đến chiều mà không có một chuyến bay nào đáp xuống; nhân viên hãng máy bay cho biết các chuyến bay đều hủy bỏ, chờ thông báo mới. Hành khách chờ đến tối mới ra về.

Sáng ngày hôm sau 30/03, tôi gọi điện thoại đến hãng máy bay nhiều lần nhưng không có ai trả lời. Tôi bàng hoàng liền gọi xe

thồ đi một vòng thành phố để xem tình hình như thế nào. Lên đến bến xe, không còn một chiếc đậu. Xuống hải cảng, thấy hàng ngàn người đang chờ đợi, nhưng cũng không có cách nào để chen chân vào được. Ra đến tận bờ biển thì tàu Nam Đô Ngân Hàng đã nhổ neo. Cả ba đường đều vào ngõ cụt, đầu óc tôi quay cuồng và tinh thần sa sút hẳn.

Trên đường trở về nhà, vòng qua nghĩa trang Phật Giáo, để thăm mộ phần và thắp hương cho hai đứa con được chôn cất ở đây như là một lời tiễn biệt lần cuối. Vừa đến nghĩa trang, anh xe thồ không muốn đưa tôi vào; vì, ngày thường thì tập nập, nhộn nhịp mà bây giờ phủ lấp một bầu không khí im lìm, vắng lặng, không một bóng người hay xe cộ qua lại. Tôi năn nỉ mãi anh ta mới chịu chở tôi vào nơi phần mộ của hai đứa con để thắp hương. Về tới gần nhà, tôi thấy một chiếc phi cơ quân sự C-130 đang lượn vòng quanh phi trường. Tôi vội vàng vào nhà lấy bộ áo quần và một ít đồ dùng cá nhân bỏ vào xách đi chợ và gọi xe thồ chở thẳng ra phi trường. Đến nơi, tôi thấy cổng phi trường đóng kín. Mấy anh lính phòng vệ cho biết: có lệnh cấm ra vào phi trường; nhưng tôi thì vào được, vì tôi là lính an ninh của phi trường.

Khi vào phi trường, có khoảng chục người nằm ngổ lảng, hành lý ngổn ngang; ngoài ra có một người đàn bà bị thương, đầu còn băng bó nằm rên la trên băng ca, nghe đâu bị trúng mảnh đạn pháo ở Bồng Sơn hay Tam Quan chở vào ngày hôm qua. Những người này là hành khách của chuyến bay bị hủy bỏ, vì họ ở xa không có phương tiện trở về lại nhà được.

Chiếc phi cơ C-130 hạ cánh, đậu lại khu quân sự chừng 10 phút, rồi quay đầu ra phi đạo; mọi người chen nhau chạy ào ra gần lề phi đạo. Tôi nhìn lại thấy người đàn bà bị thương đang còn

nằm trên băng ca. Không biết động lực nào thúc đẩy, tôi quay trở lại; thấy em bé chừng mười mấy tuổi đang ngồi khóc thút thít bên người đàn bà bị thương ấy; tôi và em bé ấy cùng khiêng băng ca, tôi khiêng đi trước, cháu bé khiêng đi sau và hướng thẳng vào đám người đang đứng chờ.

Khi phi cơ từ từ ngang qua nhóm người đang đứng chờ bên lề phi đạo, phi cơ chỉ ngừng một chốc lát, thì mọi người mạnh ai nấy chen lấn để lên phi cơ; lúc này, buộc lòng tôi phải thả xách tay xuống, nâng chiếc băng ca lên cao để đưa vào tận sàn phi cơ. Khi mọi người lên hết, cánh cửa sau đóng lại, phi cơ từ từ cất cánh. Từ trên máy bay nhìn xuống qua khung cửa, tôi thấy rõ cái xách ny lông của tôi vẫn còn nằm chơi vơi trên phi đạo.

Con tàu lắc lư, đưa qua đưa lại, ai nấy đều thấm mệt, ngủ gà ngủ gật. Tôi hoang mang không biết con tàu đi về đâu. Bến Hải hay Cà Mau hay ngang qua vùng phòng không của Việt Cộng nhà đạn thì chắc chắn không ai còn sống và số phận chiếc C-130 cũng tan xác. Tôi đang nghĩ miên man thì máy bay hạ cánh, nhìn qua khung cửa máy bay thấy một vùng trời rực sáng - phi trường Nha Trang hiện ra. Tôi hoàn hồn, hai tay chấp lại miệng niệm danh hiệu Phật và Bồ tát Quán Thế Âm, thầm chân thành cảm ơn các ngài đã ra tay cứu độ. Đến phi trường thì trời nhá nhem tối, mọi người đi về một ngã, riêng em bé và người đàn bà bị thương thì nhân viên y tế của phi trường lo chăm sóc.

Nơi đây, tôi không có người quen nên chẳng biết đi về đâu đêm nay. Vào quán ăn một đĩa cơm mà không dám uống một ly nước ngọt, vì trong túi còn được mấy chục đủ để dành cho ngày mai. Thức trắng đêm tại phi trường Nha Trang, tôi rất lo lắng vì không biết số phận mình sẽ ra sao. Tình hình chính trị có thay đổi hay không? Liên lạc về gia đình cũng không được. Bao nhiêu

sự khó khăn hiện ra trước mắt.

Trời hừng sáng, người ra kẻ vào, phi trường trở nên nhộn nhịp. Tôi đi lang thang ngoài hành lang, bất chợt thấy gia đình ông Luật sư Sinh đang chờ chuyển bay đi Sài Gòn. Ông Sinh là người quen biết với tôi, đã từng đánh quần vợt với nhau ở Qui Nhơn. Tôi đến chào hỏi và ngỏ ý mượn một ít tiền và xin địa chỉ để hoàn trả; ông trả lời không có và tôi cũng ngậm ngùi bằng tiếng cảm ơn, không nói thêm một lời nào nữa. Đến trưa, có chuyến bay từ Sài Gòn ra Nha Trang, trong số hành khách có một người bà con là dưỡng Thứ, chủ tiệm vàng Đồng Thạnh Qui Nhơn. Tôi vội chạy đến chào hỏi và cho dưỡng biết là Qui Nhơn đã di tản, khuyên dưỡng nên trở về Sài Gòn; dưỡng cho biết là trở về đây để tìm người con trai út bị thất lạc ở Nha Trang.

Tôi hỏi dưỡng có tiền không? Dưỡng nói có đây và đưa ngay cho tôi một xấp bạc 50 ngàn, rồi dưỡng cũng vội và đi ra cổng để tìm con. Tôi liền lấy tiền chia làm hai gói và nhét vào hai túi quần, phòng hờ mất túi này thì còn túi khác cho chắc ăn. Và, đến ngay quầy bán vé để mua vé đi Sài Gòn, họ cho biết là vé đã bán hết không còn chỗ trống. Thất vọng tràn trề, tôi vẫn cứ quanh quẩn ở phòng bán vé để tìm người quen

nhờ mua dùm; bỗng nghe loa phóng thanh mời hành khách chuẩn bị hành lý để lên máy bay. Tôi nhìn ra ngoài cửa thấy anh Thạch tiếp viên hàng không, từng quen biết đang đứng ở cầu thang máy bay để hướng dẫn hành khách. Tôi vội ra cửa đứng dưới cầu thang gọi tên anh Thạch, rồi đưa vé máy bay chiều hôm kia đi Qui Nhơn - Sài Gòn bị hủy bỏ. Anh liền cầm tay tôi kéo lên cầu thang tìm được chỗ ngồi gần cửa sổ.

Trời đã về chiều, máy bay từ từ đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Hành khách lần lượt xuống phi cơ. Nhìn qua cửa, tôi thấy thanh niên, đàn ông phải đi qua trạm kiểm soát giấy tờ. Một số họ đưa lên xe có Quân cảnh canh gác; một số thì lên xe có Cảnh sát canh gác, tôi rất hồi hộp cho thân phận mình, không biết rồi phải lên xe nào đây bây giờ và sẽ đưa đi về đâu?

Chờ hành khách ra về hết, tôi không theo họ ra cửa trước mà vòng lại cửa sau thì thấy nhân viên hàng không chuẩn bị đưa người đàn bà bị thương nằm trên băng ca, tôi đến phụ giúp em bé khiêng băng ca theo sự hướng dẫn của nhân viên phi trường. Khi ngang qua trạm kiểm soát giấy tờ, họ thấy người đàn bà bị thương ấy trên đầu băng bó còn dính nhiều máu, họ

bảo đi lên xe cứu thương đang đợi bên kia vệ đường. Được nhân viên y tế chăm sóc cẩn thận đưa nạn nhân cùng em bé lên xe an toàn, xe hự còi inh ỏi và trực chỉ đến nhà thương.

Tôi vội ra cổng phi trường gọi Taxis về đường Nguyễn Minh Chiêu, Phú Nhuận, và chờ một hơi dài rất thoải mái làm sao. Nhớ một chuyến đi đầy gian nan và sợ hãi mà tôi lại được may mắn vượt qua những trở ngại, khó khăn. Xin tạ ơn trên đã phù hộ cho tôi được bình an và hạnh phúc.

Mãi đến hôm nay, tôi vẫn không biết tên của người đàn bà và em bé ấy hiện giờ họ đang ở đâu? Cầu nguyện cho họ được bình phục, mạnh khỏe, an lành và gặp nhiều may mắn trên đường đời.

Và để kết thúc bài này, tác giả tạm có mấy câu thơ Hoài Niệm như sau:

Vắng trắng sáng tỏa trần gian,

Tiếng hò giã gạo, âm vang vọng về.

Bâng khuâng gợi nhớ tình quê,

Trường ta, phượng nở, tiếng ve kêu sầu.

Hoàng Thụy Dung

*Một chiều mưa bay của vùng trời
Dallas, tháng 03 năm 2015.*



ẢNH HƯỞNG CỦA DƯỢC PHẨM VỚI THỰC PHẨM

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Dược phẩm là những chất hóa học hoặc những chất được bào chế từ thảo mộc, được dùng vào mục đích trị bệnh cũng như để phòng ngừa một số bệnh.

Dược phẩm được đưa vào cơ thể sẽ trải qua ba giai đoạn:

Hòa tan trong bộ máy tiêu hóa;

Được hấp thụ vào máu, chuyển đến các tế bào;

Tạo ra các dụng mong muốn về trị bệnh.

Dược phẩm được phân phối nhiều nhất vào các cơ quan như tim, gan, thận, não bộ; một phần ít hơn vào thịt, da, mỡ.

Dược phẩm có thể làm tăng hoặc giảm sự dinh dưỡng. Ngược lại, tình trạng dinh dưỡng của người bệnh có thể làm giảm hoặc tăng công dụng hay độc tính của dược phẩm. Thức ăn có thể làm chậm hoặc gây khó khăn cho sự hấp thụ dược phẩm, làm sự chuyển hóa dược phẩm nhanh hoặc chậm hơn và đôi khi có thể ngăn chặn tác dụng của dược phẩm. Ngược lại, dược phẩm có thể làm giảm khẩu vị, làm thực phẩm trở nên khó tiêu, khó hấp thụ hoặc làm thất thoát sinh tố, muối khoáng qua sự bài tiết nước tiểu. Hậu quả là tình trạng suy dinh dưỡng của cơ thể.

1- Ảnh hưởng của dược phẩm lên sự ăn uống

Một số dược phẩm có tác dụng làm giảm khẩu vị, làm mất đi sự ngon miệng và có thể đưa tới suy dinh dưỡng.

Các dược phẩm sau đây đã được biết là làm giảm sự ngon miệng:

- Sulfasalazine (Salazoprin) trị bệnh thấp khớp;
- Colchicine chữa thống phong;
- Chlorpromamide (Diabenese) chữa tiểu đường;
- thuốc hạ huyết áp Furosemide, Hydralazine, Hydrochlorothiazide;
- thuốc trị suy tim Digitalis;
- thuốc an thần Temazepam;
- thuốc trị kinh phong Tegretol (Carbamazepine).

Đặc biệt là các hóa chất trị ung thư làm cho người bệnh buồn nôn, giảm vị giác, thấy thức ăn không còn hấp dẫn.

Các thuốc làm giảm hoặc thay đổi vị giác thì rất nhiều. Sau đây là một số thông dụng nhất:

- thuốc an thần Meprobamate, Triazolam (Halcion);
- thuốc ngủ Dalmane,
- thuốc chống trầm cảm Lithium,
- thuốc trị kinh phong Phenytoin,
- thuốc kháng nấm Griseofulvin...

Thuốc làm tăng sự thèm ăn như Cyproheptadine (Perliactin), Marijuana giúp ăn ngon hơn và tăng cân.

Ngược lại, thuốc kích thích thần kinh như crack, cocaine, amphetamine lại làm giảm sự thèm ăn, nên được dùng để người mập muốn giảm ký.

Uống quá nhiều rượu đưa tới suy dinh dưỡng, thiếu các sinh tố B6, B1 và folic acid. Kết quả là bệnh nhân bị bệnh thiếu hồng huyết cầu, rối loạn thần kinh trung ương.

Các thuốc vừa kể đều có tác dụng phụ nguy hiểm nên cần được dùng dưới sự hướng dẫn của bác sĩ.

2- Ảnh hưởng vào sự hấp thụ Thực phẩm

Hầu hết sự hấp thụ dược phẩm và thức ăn đều diễn ra ở ruột non. Do đó, một số dược phẩm có thể làm giảm khả năng hấp thụ của màng niêm ruột và bao tử, giảm thời gian thực phẩm ở lại trong ruột.

- Lấy một thí dụ là loại dầu khoáng chất (mineral oil) được dùng làm thuốc nhuận tràng, được bán tự do không cần toa bác sĩ và nhiều người rất thường dùng để thông đại tiện. Sau khi uống, thuốc này hòa lẫn với thực phẩm đã được tiêu hóa, xuống bao tử và ruột, làm lòng ruột trơn nhờn. Một số sinh tố hòa tan trong chất béo như A, D, E, K sẽ hòa hợp vào dầu thuốc, thoát ra khỏi ruột và không được hấp thụ. Hậu quả là cơ thể sẽ thiếu sinh tố nếu ta dùng dầu xổ này quá thường xuyên.

- Một số dược phẩm làm giảm tác dụng của một vài men tiêu hóa, do đó làm giảm sự hấp thụ thực phẩm. Chẳng hạn như các thuốc hạ cholesterol và kháng sinh neomycin giảm tác dụng của mật, gây khó khăn cho sự tiêu hóa các thức ăn có chất béo. Và khi các chất béo không được hấp thụ, thì các sinh tố hòa tan trong dầu mỡ sẽ mất đi.

- Thuốc Cimetidine (chữa loét bao tử) giảm acid trong bộ máy tiêu hóa, đưa đến giảm hấp thụ sinh tố B 12 bằng cách không cho sinh tố này tách rời khỏi thực phẩm.

- Trường hợp thuốc giảm đau aspirin và các dược phẩm có chất chua acid cũng rất đáng lưu ý. Các thuốc này làm hư hao màng niêm bao tử và ruột dẫn đến giảm hấp thụ thực phẩm ở các bộ phận này, nhất là khoáng calci và sắt.

- Thuốc Neomycin làm thay đổi cấu tạo của niêm mạc khiến cho sự hấp thụ chất đạm, béo và các muối natri, kali bị trở ngại. Tuy nhiên, khi ngưng thuốc thì mọi rối loạn sẽ trở lại bình thường.

3- Ảnh hưởng tới sự chuyển hóa và thải chất bã

Sau khi hấp thụ, chất dinh dưỡng sẽ được chuyển hóa thành năng lượng và các phần tử cần bản để cấu tạo tế bào.

Sự chuyển hóa các chất xảy ra khi có sự xúc tác của các enzym. Với số lượng rất nhỏ, enzym có

thể thúc đẩy các phản ứng sinh học mà không bị mất đi. Enzym được sản xuất từ trong hoặc ngoài tế bào với sự hiện diện của vài phần tử dinh dưỡng như sinh tố.

- Một số dược phẩm chặn sự thành hình của enzym bằng cách lấy đi vài vi chất cần thiết cho việc tạo ra điều tố.

Thuốc methotrexate chữa ung thư máu, viêm thấp khớp và thuốc pyrimethamine (Daraprim) chữa sốt rét là hai loại thuốc lấy đi folic acid trong DNA của enzym khiến cho men tiêu hóa mất tác dụng và bị tiêu hủy.

- Thực phẩm và dược phẩm có thể kết hợp, tạo ra một hợp chất mà cơ thể không dùng được. Thí dụ khi uống INH để chữa hoặc ngừa bệnh lao, INH sẽ kết hợp với sinh tố B6 (pyridoxine) trong thực phẩm tạo thành một hợp chất mà cơ thể không dùng được. Do đó người dùng thuốc INH cần phải uống bổ sung sinh tố B6.

- Một số dược phẩm làm cho sự chuyển hóa chất dinh dưỡng mất đi một số chất cần thiết cho cơ thể.

Thí dụ khi ta uống các thuốc lợi tiểu tiện thì thuốc cũng làm thất thoát calci, potassium, kẽm theo nước tiểu, làm cho cơ thể bị thiếu những chất này.

Kết luận

Thức ăn và dược phẩm đều là những nhu cầu cần thiết cho cơ thể, nhưng việc sử dụng không thích hợp có thể dẫn đến những kết quả bất lợi.

Nguy cơ gây tương tác giữa dược phẩm và thực phẩm tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe tổng quát của cơ thể, các bệnh mạn tính, chế độ kiêng khem, ăn uống, sự lạm dụng rượu, thuốc hoặc các chất gây nghiện, sử dụng cùng lúc nhiều loại dược phẩm.

Để tránh hậu quả tương tác xấu, người bệnh cần thông hiểu các ưu và nhược điểm của thuốc. Thầy thuốc và nhân viên dược phòng cũng có trách nhiệm nắm vững các vấn đề quan trọng và dành thời gian cần thiết, chỉ dẫn cho bệnh nhân cách dùng thuốc cũng như các thức ăn nên tránh khi dùng thuốc.

Tránh được các tác dụng tương tác có hại thì việc ăn uống và sử dụng thuốc men mới có thể an toàn và đạt được những hiệu quả như mong muốn.

Đặc biệt là đối với người tuổi cao, thường hay dùng nhiều loại dược phẩm, thảo dược khác nhau. Một số các thuốc này cũng ảnh hưởng không nhiều thì ít lên sự ăn uống.

Cho nên, trước khi tìm cách điều trị ăn mất ngon, miệng khô đắng không nhai nuốt được, thì xin hãy hỏi bác sĩ coi xem thuốc mình đang dùng có gây ra các khó khăn ăn uống này hay không.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com



HÍT THỞ SÂU - GIA TĂNG TUỔI THỌ

Vào buổi sáng mỗi khi ta thức dậy
Hãy vươn vai chào ngày mới an lành
Vài động tác thể dục thật tinh anh
Cho máu huyết lưu thông đều khắp cả
Hàng đi bộ chú ý vào hơi thở
Cả vào ra cũng phải thật cho sâu
Dưỡng khí vào cho sinh lực đạt dào
Thải độc tố giản nở nhanh lá phổi
Hít thở sâu sản xuất tăng trong phổi
Dưỡng chất cần trong đó có serotonin
Giảm Stress nhanh lợi ích cho tâm mình
Giúp tăng cường khả năng tập trung lớn
Hít thở sâu giúp thể cơ thả lỏng
Thư giãn cơ giảm được các cơn đau
Làm nở phổi hoạt động khá dồi dào
Trợ lá phổi tăng thêm phần sức khỏe
Hơi thở sâu tăng cường sản xuất máu
Cấp oxy tăng haemoglobin* giúp trơn tru *
(huyết cầu tố)
Giảm chất béo loại bỏ độc tố thù
Đưa lên não những oxy cần thiết
Hít thở sâu tùy sống thần kinh chuyển
Lan truyền ra đưa đến khắp châu thân
Nhịp tim đập cũng theo đó giảm dần
Giúp ổn định điều hòa khâu huyết áp
Hít thở sâu với muôn vàn lợi ích
Thân khỏe mạnh tâm cũng được tập trung
Nuông hơi thở tâm ý cũng theo cùng
Cần cần trọng mạng sống theo hơi thở!
Theo hơi thở kéo tâm về quy nhất
Cùng với thân sống thực tại bây giờ
Hãy quên đi quá khứ chớ mộng mơ
Không vọng tưởng sống với điều hiện hữu
Không phân biệt đả chân như trường cửu
Sống bình yên theo hơi thở chuyên sâu
Thực hành ngay sẽ thấy pháp nhiệm mầu
Tâm tĩnh lặng thở vào ra rõ biết.

An Lạc thất, những ngày tịnh dưỡng

tho

THÍCH VIÊN THÀNH

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG BỐN

(kỳ 2)

Về chuyện chỗ ngủ, thầy quản chúng bảo tôi và chú Kính ngủ tạm dưới đất ở Tổ đường một đêm, ngày mai thầy mới thu xếp được chỗ ngủ cố định. Tám giờ tối, tôi và chú Kính được phát cho mền và chiếu để giăng mà ngủ gần hai bộ trường kỷ nơi Tổ đường. Tôi đang loay hoay giăng mùng thì thầy Hải Tuệ từ phòng riêng của thầy (kế bên Tổ đường) bước ra bảo tôi vào phòng thầy mà ngủ. Tôi thật là ái ngại khi bước theo vào phòng thầy. Thứ nhất, bỏ chú Kính ngủ lại một mình ở Tổ đường thấy tội nghiệp chú làm sao! Có thể chú ấy sợ ma mà ngủ không được đêm nay. Thứ hai, thầy là vị tăng cao đức, nghiêm trì giới luật, tôi là một đứa bé thể tục mới vào chùa tập sự làm tiểu, làm sao không khỏi phạm lỗi này lỗi nọ khi ngủ cùng phòng với thầy.

Phòng thầy nằm bên hông Tổ đường nên cửa chính cũng từ Tổ đường mà vào. Bên trong có hai cửa sổ đóng kín bùng (vì thầy không chịu được làn gió tây từ bên ngoài thổi vào) nên đêm hay ngày cũng tối tăm. Chỉ có hai bóng đèn điện nhỏ trên bàn thờ Phật riêng của thầy là sáng lờ mờ, đủ soi căn phòng chật ních những tủ sách, bàn làm việc và ngốn ngang những đồng hồ sách của viện. Phòng được chia làm hai, buồng trước và buồng sau. Buồng trước lại được chia làm hai ngăn bằng một cái tủ sách cao. Ngăn trước là bàn làm việc, tủ kính sách, tủ hồ sơ giấy tờ quan trọng và két sắt lớn đựng tiền của viện. Ngăn sau là giường ngủ của thầy, cạnh giường ngủ dư được một khoảng trống. Kế đó là một bàn nước nhỏ. Ở buồng sau có một cửa lớn mở ra dãy phòng ăn của các chú tiểu và một cửa sổ khác mở ra hướng nhà bếp của viện. Cửa lớn thì thỉnh thoảng thầy dùng đến khi muốn tránh ra

ngoài gió, còn cửa sổ thì không bao giờ mở ra. Tủ quần áo, tủ thức ăn, đồ đạc linh tinh, được đặt ở buồng sau này. Ngoài ra còn có một chiếc giường gỗ nhỏ vừa một người nằm đặt ở đây, nhưng trên giường chứa đầy đồ đạc. Có lẽ trước kia, giường này dành cho chú tiểu nào đó hầu hạ thầy. Nay không dùng để ngủ thì thầy đặt đồ đạc linh tinh lên đó.

Thầy lôi từ buồng sau lên một cái ghế xếp. Tự tay thầy căng ra, đặt dọc theo giường ngủ của thầy. Thầy cũng cho tôi một cái gối và một tấm mền mỏng để đắp. Vì phòng thầy có cửa lưới nên khi ngủ, cả thầy và tôi đều không cần treo mùng. Thầy chỉ cái ghế xếp bảo tôi hãy ngủ trên đó. Tôi đại khờ chưa biết phép tắc của chùa, cứ nghĩ thầy như là cha, nên thầy vừa bảo xong là tôi leo lên ngay, nằm duỗi chân duỗi tay ra một cách thoải mái trong khi thầy hãy còn đứng đó nhìn. Lúc đó chưa đến giờ ngủ. Thường ngày, đến chín giờ rưỡi đêm thì tới giờ hô canh. Một vị có giọng tốt thỉnh *báo chúng* (một loại chuông báo có hình dạng như hồng chung nhưng kích thước nhỏ) hô bài kệ niệm Phật, tất cả đại chúng từ trên hòa thượng xuống dưới các chú tiểu và các đi vãi nhà bếp đều cùng hô lớn câu niệm Phật ba lần rồi ngồi niệm Phật hoặc ngồi thiền nửa giờ đồng hồ cho đến khi có kẻng báo *chỉ tịnh* (ngủ) mới xả thiền mà nằm xuống. Tôi mới vào đâu biết lệ này, nằm lên ghế xếp là ngủ ngay. Cả viện niệm Phật vang rền mà tôi không hay biết. Hơn nữa, suốt ngày đi dạo núi với mấy chú đến giờ đó tôi cũng đã mệt lử rồi.

Ngủ đến khoảng nửa đêm thì tôi giật mình thức giấc. Tôi chưa tỉnh táo để biết mình đang ở đâu, nhưng tôi đã có thể biết rất rõ rằng tôi vừa đá dằm vì phần dưới quần tôi ẩm ẩm, ngứa ngáy lắm. Thật là xấu hổ! Tôi sợ hãi và lúng túng không biết phải

giải quyết làm sao với vũng nước khai ngầy ở dưới chiếc ghế xếp cũng như tấm mền đã ướt gần một nửa. Tôi nằm im mà nghĩ cách chứ không dám động đây sớm, sợ thầy tỉnh giấc. Một lát sau, tôi rón rén trở dậy, cuộn tấm mền cho gọn lại một chút rồi luồn tấm mền xuống phía dưới ghế, vừa lau vừa chậm, để sản phẩm nước dơ của mình thấm trọn vào mền. Chỉ một lúc là khô hết. Tôi không rõ mùi khai có còn vương lại hay không, nhưng đã khô được là tốt lắm rồi. Xong việc đó, tôi còn phải suy nghĩ cách mang tấm mền ra khỏi phòng thầy. Đó mới là điều khó khăn. Mang ra khỏi phòng này rồi đem đi đâu nữa? Suốt hôm qua tôi đã quên hỏi chú Dũng chú Sung là chỗ giặt đồ của viện nằm ở đâu. Ở gần nhà bếp có ba cái buồng tắm nhỏ thì tôi đã biết, nhưng đó không phải là chỗ giặt đồ. Huống chi giờ này đã khuya, tôi đâu biết đường ra ngoài vào ban đêm, cũng như tôi không dám đi ra ngoài giặt mền một mình. Nếu tôi có thể làm được điều đó thì sau khi giặt tôi phơi mền ở đâu để thầy không biết? Một điều rất thực tế là từ nhỏ đến giờ, tôi chưa hề học cách giặt đồ bao giờ, dù là giặt một cái áo nhỏ, nói chi cả tấm mền to như vậy! Tôi khổ sở ngồi núp bên góc tủ sách để nghĩ cách tống cái mền ra ngoài. Viện chùa rộng lớn nhiều ngõ nhiều ngách, tôi thực chưa biết đường đi. Tôi ngồi đó mà muốn khóc, lo sợ đến giờ thầy thức dậy. Nghĩ mãi không ra cách tôi bèn đem giấu tấm mền ở dưới cái giường gỗ nhỏ ở buồng sau. Cứ nhét đại nó vào trong, lấy chân lùa cho nó vào sâu hơn một chút. Tạm thời để nó nằm im đó cái đã, nội nhật ngày mai hẵng tính chuyện đem nó ra ngoài. Xong, tôi trở lại chiếc ghế xếp của mình, tiếp tục đánh một giấc cho đến sáng, quên bằng luôn chuyện tấm mền nằm dưới chiếc giường gỗ. Và cũng từ nãy giờ, tôi quên luôn là không phải chỉ có nền đất và tấm mền là bị ướt mà còn có



cái quần tây tôi đang bận cũng chẳng được khô ráo gì cho lắm. Buổi khuya, ba giờ rưỡi, thầy thức dậy theo tiếng hô canh niệm Phật của vị báo chúng. Thầy không đi tụng kinh mà chỉ ngồi thiền trên giường. Sau đó, thầy đọc kinh sách tại bàn viết. Thầy bảo tôi đi tụng kinh thời công phu khuya. Tôi yên lòng khi thấy thầy không tỏ dấu hiệu gì là biết chuyện tôi đã đâm cà. Vào phòng của các chú tiểu, tôi mở va-li lấy bộ đồ tây thứ hai ra thay. Cái quần tây dơ, chưa được khô hẳn, tôi chẳng biết bỏ đâu cho kín, bèn nhét luôn vào va-li cho tiện, khỏi phiền đến ai! Thời kinh buổi khuya tập trung gần ba chục vị thầy. Các chú tiểu không bị bắt buộc phải tham dự nhưng các chú cũng bị gọi dậy để ngồi học kinh. Tôi mê thích tụng kinh và vì thầy có bảo nên cứ vào tụng. Chỉ một mình tôi là *tiểu* đứng tụng kinh chung với quý thầy trong khóa lễ này. (Thực ra tôi chưa được cạo tóc và giữ năm giới nên chỉ được quý thầy gọi đùa là *tiểu-xi-vin* hay *tiểu cư sĩ*). Tôi cũng thuộc lòng thời kinh toàn những thần chú phiên âm từ tiếng Phạn này. Quý thầy biết vậy ai cũng khen. Tôi thích lắm, hãnh diện lắm. Mỗi ngày đầu vào chùa đã tụng được hai thời công phu ro thì sao không hãnh diện được. Nhưng thời kinh vừa dứt thì tôi nhớ ngay đến tấm mền giấu dưới chiếc giường gỗ. Người ta bảo đi tu cực nhọc khổ sở lắm, hôm qua tôi chưa thấy khổ đâu. Hôm nay thì biết khổ là gì rồi! Chưa biết phải làm sao để tự cứu lấy cái khổ này!

Buổi sáng, sau khi làm xong công tác được giao phó, chúng tôi đi ăn điểm tâm rồi bắt đầu cái công việc nhàn rỗi nhưng kéo dài suốt ngày là: coi nhà. Chú Dũng và Sung coi phía trước chùa (chánh điện); chú Sang và Thiệt

coi dãy nhà cũ (bao gồm phòng tăng, phòng học, thư viện và tịnh thất của hòa thượng); chú Xuân và Thỏa coi dãy nhà mới; còn tôi và Kính thì coi phòng khách. Suốt ngày chúng tôi ngồi đó, không được chạy đi đâu. Vừa coi nhà, vừa học kinh.

Hình như thầy vẫn chưa phát hiện cái mền ướt nằm dưới giường gỗ. Còn tôi, tôi vẫn không có cơ hội nào trong ngày để lôi cái tấm mền đó ra. Tôi cũng chẳng biết nói với ai để họ thông cảm và giúp đỡ tôi chuyện đó. Đái dầm đầu có phải là chuyện hay ho gì để có thể bộc bạch với người khác. Cho dù mẹ tôi lên chùa, tôi cũng không đủ can đảm để thưa với bà chuyện đó. Huống chi, bà có thể giúp gì được tôi nếu không phải là thừa với thầy để xin phép được lấy tấm mền ra ngoài mà giặt! Làm vậy thì còn gì là bí mật của tôi nữa! Thầy mà biết rồi thì có thể những thầy khác, cho đến những chú tiểu trong chùa, cũng sẽ biết. Quê không chịu nổi! Mặt mũi đâu mà sống, mà tu ở ngôi chùa lý tưởng này nữa!

Thầy chỉ mở cửa cho tôi vào ngủ ban đêm. Ban ngày, nếu thầy không sai bảo thì tôi không có cơ hội nào để vào phòng thầy cả. Có lúc thầy sai tôi vào lấy vật này vật nọ trên bàn hay trong tủ. Có khi thầy sai tôi mang bình thủy xuống bếp lấy nước sôi cho thầy. Những lần như vậy, vào rồi ra, có thầy ngồi trong phòng hoặc ngồi chờ ở ngoài phòng khách, tôi có thể làm gì được! Tôi không nẩy ra được chút sáng kiến nào trong việc giải quyết tấm mền ướt, mà cũng không đủ thời giờ để thực hiện nếu có sáng kiến này ra. Tâm tôi âu lo suốt ngày hôm đó. Đến tối, thầy trò vào phòng chuẩn bị đi ngủ, thầy dạy tôi ngồi niệm Phật (chứ không được ngủ sớm như đêm qua) nửa giờ đồng hồ theo lệnh báo chúng. Tôi xuống buồng sau tự động lôi cái ghế xếp ra và chỉ lấy theo cái gối. Tôi cũng không quên khom người nhìn xuống dưới giường gỗ xem có còn một đồng mền lù lù ở đó không. Còn. Cái vật màu trắng ngà đó hãy còn nằm yên trong bóng tối. Vậy cũng tạm yên tâm trong đêm nay. Thầy chưa biết là tốt rồi. Thấy tôi không mang mền, thầy hỏi:

"Sao không lấy mền ra đắp?"

Tôi trả lời nhanh:

"Dạ... trời nóng quá. Con ngủ như vậy cho mát," nói xong

bỗng thấy ngượng miệng, khó chịu trong lòng. Lần đầu tiên tôi dối thầy.

Thầy gật gù nhìn tôi một lúc rồi nói:

"Ít hôm nữa đề thầy nói thầy quản lý lực trong kho vải của viện xem có xấp nào cho con để may đồ tu mà mặc cho thoải mái. Đồ tây chật chội quá phải không?"

"Dạ, bạch thầy mẹ con đã may đồ tu sẵn cho con rồi. Mẹ con dặn khi nào thầy cho phép thì mới lấy ra mặc."

"Vậy sao? Thầy cho phép rồi đó, mai con lấy ra mà mặc."

Ngày mai. Tôi sung sướng mặc vào người bộ đồ tu mẹ tôi lo may từ tháng trước. Mẹ may cho tôi ba bộ đều màu lam nhạt, loại vải tê-tơ-rông (têtron) rất đẹp. Tôi thích lắm và tôi thật không biết diễn tả làm sao nỗi sung sướng của mình ngày hôm ấy. Chính lúc mặc áo quần tu vào người, tôi mới thấy mình thật sự thuộc về chùa và lập tức trở thành một thầy tu nhỏ (Chiếc áo *phái* làm nên ông thầy tu!). Lâu nay chỉ tạm thời và bây giờ thì chính thức rồi đây. Đồ tôi mặc, trong chùa gọi là đồ vật khách (ngoài Trung, kể cả Nha Trang, gọi là vật hồ). Quần thì may đơn giản, hai ống, luôn giây thun hoặc giây thắt lưng (của bọn tiểu như tôi thì giây thun cho tiện). Áo thì hơi giống áo bà ba của người thôn quê nhưng đặc biệt có một vật nhỏ nối với vật bên trái, kéo qua phía phải, có bốn cho đến sáu cái nút chạy dọc theo bề cạnh của vật áo này để cài vào vật phải. Đồ vật hồ không có may ba bốn cái túi như áo bà ba mà chỉ duy nhất một cái túi nằm giấu trong vật áo nói trên. Vị trí của túi áo nằm ở giữa ngực và bụng, phía bên phải, người khác không nhìn thấy được. Tôi thích cái túi đó lắm. Nó lạ và hay hay mà kiểu áo của người đời không sao có được. Nhà tu đâu có vật sản gì quý giá, nhưng nếu có thì cũng không khoe ra ngoài như người thế tục. Vị trí cái túi áo của nhà tu đã nói lên ý nghĩa đó. Không phải chỉ nơi cái áo vật hồ mà cả nơi áo nhật bình, áo năm thân, áo thông y, hậu... đều như vậy cả, tức là có cái túi nằm khuất bên trong hoặc nằm ở vị trí rất lạ (như hai túi rộng ở hai ống tay của cái *hậu*, tức cái áo tràng màu vàng dành cho quý thầy). Người đời không biết là nhà tu có túi. Như vậy, cái túi của nhà tu tuy chẳng cất gì quý báu (có thể chỉ là một tờ giấy ghi vài chữ vài câu gì đó để học, một ít tiền để đi xe, một ve dầu nhỏ, hay chỉ là một cái khăn tay) nhưng nó

cũng có vị trí và vai trò tế nhị, kín đáo của nó, để ít ra cũng có một chỗ riêng tư nào đó cho nhà tu chú!

Bộ đồ tôi mặc vào thấy mát mắt lắm và cũng thích hợp cho không khí mùa hè nữa. Ai thấy tôi mặc đồ tu cũng khen, nhất là mấy chú tiểu, cứ chạy theo sờ, đụng, chọc quê tôi hoài:

“Ui da, đứt tay rồi!”

“Kìa, kìa, mấy con ruồi đậu vào là bị trượt té hết, thấy chưa?”

Tôi thấy vui vui trong lòng, không chấp chi chuyện mấy chú chọc ghẹo. Tôi lên trình diện thầy để thầy biết tôi đã mặc đồ chùa chưa. Nhưng thầy đã làm tôi sững sốt. Thầy nói:

“Ai may đồ cho con vậy” Mẹ con hả?”

“Dạ mẹ con đưa cho sư cô Yến may.”

“Không được. Vải tốt quá. Làm chú tiểu tập sự chuyện tu không cần phải ăn mặc sang trọng như vậy. Đem vứt hết đồ kiểu này đi.”

Tôi buồn rầu, xụ mặt, dạ một tiếng rồi ú ớ rút lui. Tôi đi được vài bước thì thầy gọi giật lại:

“Này, đem mấy bộ đồ của con cho mấy chú tiểu khác mặc. Chú nào mặc vừa thì cho, mỗi chú một bộ. Rồi thầy sẽ kiểm vải cho con may đồ khác. Ở đây có mấy thầy trong ban trực phòng may sẽ cắt đo và may đồ cho con. Nếu viện không có sẵn vải thì thầy mua cho con. Còn nữa, đôi giép da kia cũng không được mang. Nói mẹ con mua giép nhựa thay thế. Giép da đem cho mấy chú tiểu khác đi.”

Tôi ra ngoài. Trở về phòng mình mà ứa nước mắt. Thầy có hứa chuyện may đồ khác cho tôi, tôi có đem cho các chú tiểu khác đồ này thì cũng không tiếc, nhưng nghe trong lòng chưa xót tội nghiệp cho mẹ tôi. Mẹ tôi lo mua sắm, chăm chút cho tôi từng món, bây giờ bị thầy la, bảo đem cho hết, bảo sao không thương mẹ được! Mai một mẹ lên chùa thấy đồ mình may cho con mà chú tiểu khác lại mặc thì dù có bao dung đến đâu chắc mẹ cũng phải buồn.

Tôi về phòng thay đồ ra, lại mặc đồ tây vào. Thấy tôi có vẻ buồn chú Dũng e dè hỏi:

“Sao vậy? Bộ thầy chưa cho mặc đồ tu hả?”

“Không phải, thầy không cho bận đồ tốt.”

“Vậy thì may đồ khác hả? Còn đồ này thì sao?”

“Thầy biểu cho mấy chú mặc.”

“Sao mấy chú khác mặc được mà chú lại không được?”

“Tôi cũng chẳng biết nữa. Thầy nói sao thì nghe vậy thôi. Chú lấy đồ này mặc đi.”

“Không, tôi có đủ rồi. Hay là... hay là đổi đồ mới lấy đồ cũ của mấy chú kia, khỏi cần may.”

“Ờ, đúng đó, nhưng chỉ có chú mới vừa chứ chú Sung thấp hơn tôi làm sao đổi được. Đồ chú Kính thì bộ nào cũng đồ loét, tôi không thích đâu. Còn các chú Sang, Thỏa, Thiết thì lại cao quá đầu có mặc vừa đồ của tôi. Thôi tôi với chú đổi lấy áo quần cho nhau đi. Đổi đôi giép nữa nha, giép da này thầy cũng không cho tôi mang đó.”

Cả tôi và chú Dũng đều không hiểu nguyên do thầy cấm tôi mặc đồ tốt, giép tốt mà không cấm mấy chú khác. Tôi đưa cả đồ của mình cho chú Dũng, nhưng khi chú Dũng đưa quần áo của chú cho tôi, tôi thấy là mình không thể mặc được. Thứ nhất, áo quần của chú Dũng ngắn cùn cởn, chính chú tôi mặc còn bị ngắn hướng hồ tôi cao hơn chú mấy phân. Thứ hai, đồ chú dơ quá, dính mực, dính mũ chuối, lốm đốm khắp trên áo quần mà chính lúc mặc vào tôi mới để ý. Nhưng tôi không dám chê, sợ chú buồn. Tôi cứ đưa đồ của mình cho chú mặc còn đồ của chú, tôi nói rằng mặc không vừa, xếp lại cất vào va-li. Tối định bụng là cứ mặc đồ tây tạm thời cho đến khi nào thầy hay mẹ may cho tôi đồ khác. Tôi không đưa hết đồ của mình cho chú Dũng mà giữ lại một bộ trong va-li để giữ chút kỷ vật của mẹ. Tự dưng tôi muốn khóc khi nghĩ đến bàn tay chăm sóc của mẹ. Chính tay mẹ tôi lựa vải cho tôi đó. Tôi biết nói sao với mẹ khi đem áo quần này cho hết. Tôi không hiểu được ý thầy. Nếu thầy không đồng ý chuyện đi tu mặc đồ đẹp thì sao thầy không bảo đem cắt hết mà lại bảo đem cho các chú kia mặc, còn tôi thì không? Không hiểu được thâm ý của thầy, trong lòng tôi hơi bất mãn. Nhưng, như đã nói ở trước, từ lần đầu tiên bái kiến thầy và Hòa thượng Từ Quang, tâm ý tôi đã biến đổi nhiều. Tôi muốn sống đời sống tuân phục. Tôi muốn vâng lời thầy một cách chân thành, tận tụy. Tôi không buồn nghĩ về chuyện thầy đối xử bất công với mình nữa.

Vào ngày thứ ba, tôi bắt đầu học luật Sa-di. Như vậy là nhanh lắm. Trong khi các chú tiểu để chòm vẫn còn học kinh mà tôi đã

bước qua học luật là trường hợp khá đặc biệt rồi. Thầy quản chúng cho tôi một cuốn Sa-di dày khoảng hai trăm trang (vừa âm vừa nghĩa) để học. Tôi chỉ cần học thuộc lòng phần âm Hán-Việt, còn phần nghĩa thì học sau theo chương trình của Phật học viện Sơ hay Trung đẳng. Thầy quản chúng biết hai đêm rồi tôi đã ngủ trong phòng thầy Hải Tuệ nên thầy chia công tác khác cho tôi. Như vậy, tôi không cần phải làm công tác quét dọn ở Tổ đường và phòng khách nữa mà làm “thị giả” cho thầy tôi. Chúc thị giả có nghĩa rất đơn giản là người hầu cận. Ở chùa, các vị hòa thượng cao niên, các vị trụ trì hay những vị lãnh đạo giáo hội phải đảm đương nhiều công việc, đều cần một thị giả để giúp đỡ những việc vặt vãnh như pha trà, dọn cơm, quét dọn phòng riêng, theo hầu lúc ra đường, đi xa v.v... Thầy tôi là người bận bịu nhiều công việc nhất của viện, nên cần một người làm thị giả cho thầy cũng là điều hợp lý. Trước đây thầy quản chúng cũng cần một chú lớn tuổi (khoảng mười tám, hai mươi) làm thị giả cho thầy tôi, nhưng chú ấy đã đi vào Sài-gòn học. Kể từ lúc đó, thầy quản chúng đã cắt cử một hai thầy trẻ khác thay nhau đảm trách chức thị giả cho thầy tôi. Thầy tôi không muốn phiền các thầy đang là học tăng theo học chương trình của Phật học viện nên từ chối nhận thị giả. Nay thấy thầy cho tôi ngủ trong phòng riêng, thầy quản chúng biết là việc chọn thị giả cho thầy tôi cũng đã đến lúc thích hợp. Vào buổi cơm chiều, thầy quản chúng đã thưa với thầy tôi để học thử hóa chuyện chọn tôi làm thị giả. Thầy tôi im lặng chấp nhận. Kể từ đó, tôi đảm trách việc hầu hạ thầy suốt ngày đêm trong mọi sinh hoạt, cho đến giờ đi ngủ. Nhờ ra vào thường xuyên nơi phòng thầy, tôi có thể kiểm soát được cái mền xanh từng giờ. Mỗi lúc thầy sai tôi vào phòng lấy vật này vật nọ là tôi bước xuống buồng dưới, nhìn xuống gầm giường xem còn cái mền nằm đó không. Chỉ kiểm soát được như vậy chứ không biết làm cách nào tốt hơn. Mền còn nằm đó tức là thầy chưa biết. Vậy là yên tâm rồi. Ngày nào cũng vậy, hễ không có thầy trong phòng thì tôi khom người xuống để chắc ăn là cái mền chưa bị thầy phát giác.

Vĩnh Hào

(mời đọc tiếp kỳ 3, Chương 4)

Ve kêu gọi Hè sang

TN. GIỚI ĐỊNH



"Mỗi năm đến hè lòng mang mác buồn, chín mươi ngày qua chưa chan tình thương..."chà, tiếng của ai mà lạnh lốt thế, biết là ai rồi nhưng Thy khẽ hỏi khi nghe tiếng ca.

Mình đây mà, thì ra chẳng ai xa lạ đó là đứa bạn thân nhất từ thuở học chung tiểu học đến bây giờ.

"Thy à," tiếng Ngân buồn buồn nói, "gần nghỉ hè rồi rầu quá!"

"Gì mà rầu, còn Thy thích nghỉ hè ở nhà giúp mẹ bán hàng, mẹ Thy vất vả lắm."

Ngân chợt chạnh lòng, ba Thy mất hồi Thy mới học lớp ba, còn hai em nhỏ một mình mẹ tảo tần nuôi ba chị em Thy.

"Thế Thy không đi học hè sao?"

"Từ từ rồi tính, không học thì thua bạn bè, mà học thì nhiều tiền lắm, mẹ đâu có khả năng lo cho Thy, và lại còn hai em nữa."

Hai đứa chia tay nhau, trên đường đi Ngân suy nghĩ nhiều lắm, thương bạn nhưng biết làm sao đây!

Ngày mai là lễ Phật Đản, Ngân lên chùa, mọi người rất đông ai cũng lo làm việc chuẩn bị cho ngày mai. Người quét dọn bàn Phật, người lo cắm hoa quả, người thì tưới cây. Nhất là khâu nhà bếp, thiếu niên thì lật rau, người lớn thì đứng bếp. Mùi thơm nổi bánh tét; đậu hủ chiên, mùi cà ri thơm lừng, Ngân nghĩ bụng, chắc ngày mai mình được ăn bánh mì cà ri. Các bác nói cười vui vẻ, người người hân hoan làm việc, bác Tư kể chuyện Đức Phật Thích Ca Đản Sanh một cách rành rẽ, hình như bác đã thuộc lòng, mọi người nhìn bác khâm phục; lâu lâu bác Bảy nhắc tưởng nhìn bác rằng không còn, cái miệng móm mém, nhai trầu thật có duyên.

Sáng Ngân ngủ dậy thật sớm, đi nhanh qua nhà Thy.

"Thy à hôm nay tui mình lên chùa dự lễ Phật Đản nghe."

"Thy cũng thích đi nhưng ngại lắm."

"Sao vậy," Ngân khẽ hỏi khi nghe Thy nói.

"Tại Thy ít khi đi chùa, bây giờ đi người ta nhìn mình kỳ lắm."

"Ai mà nhìn, đi càng đông thì Ni sư càng vui, thôi vô thay áo quần rồi mình cùng đi."

Xin phép mẹ xong hai bạn nắm tay nhau đến chùa.

Trời hôm nay nắng, nhưng thật đẹp. Đến chùa thấy quý sư đã quang lâm chánh điện, Phật tử vâng tập đã đông, đã đến giờ hành lễ, hai đứa đi lên chánh điện, hương trầm nghi ngút. Nhìn lên bàn thờ Đức Phật trang nghiêm thanh tịnh, ánh mắt đức Như Lai từ bi đang nhìn xuống đàn con thơ dại. Mỗi người đang tâm thành dâng lời khẩn nguyện. Hai bạn cũng quỳ xuống chấp tay thành kính lâm râm cầu xin cho cha mẹ bình an, còn mình thì học giỏi, mau lớn...

Mỗi năm khi tiếng ve sầu réo rắt, hoa phượng đỏ nở rộ ngập sân trường, báo hiệu mùa hè đã trở về. Mỗi hoa phượng có khoảng năm cánh pha lẫn màu vàng, có râu dài trông rất ngộ nghĩnh. Từng cánh phượng đỏ thắm hòa với màu xanh của lá, lá hoa phượng nhỏ rơi bay trong gió, gom lại một góc sân trường. Các bạn lượm cánh hoa phượng làm thành những con bướm, ép vào trong tập vở; ép vào quyển lưu bút, hoặc tặng nhau khi chia tay. Mùi thơm hoa phượng thật dễ chịu, mấy trái phượng non màu xanh mơn mớn. Ba tháng nghỉ hè, đứa về thăm quê, đứa đi làm thêm, đứa giúp ba mẹ trông em, mỗi đứa làm một việc, nhưng được nghỉ học là vui rồi, tha hồ chạy nhảy...

Tiếng các chú ve ve kêu nghe vui tai, mỗi khi một chú cất cao giọng thì sẽ có vô số chú hoà âm lại, sau đó không ai bảo ai nhưng tất cả đều nín thinh, rồi nhip điệu được cất cao khi trưởng đoàn cất tiếng, thật rập ràng, nhip nhàng như đã từng được luyện tập chu đáo, y như các ca sĩ chuyên nghiệp. Đời

sống của ve thật ngắn ngủi, ban đầu chỉ là một cái trứng ở dưới đất, nở ra con sâu, sau đó mọc cánh thành con ve, con ve kêu suốt mùa hè, thường bám vào thân cây, nó kêu ba tháng đến chết chỉ còn một cái xác khô treo trên cây. Mỗi ngày nào đây cất cao tiếng ca làm vui cho cuộc đời, báo hiệu hè về là lúc phượng nở; ấy thế mà bây giờ tìm đâu cho ra con ve, hay chỉ còn cái xác không hồn, cuộc đời vô thường quá nhanh chóng.

Khi học trò trở lại trường đã qua mùa thu nên thân phượng chỉ còn lá vàng, cành cây trơ trọi, mốc xi, treo lủng lẳng nhiều trái phượng khô. Trái phượng mà đập ra lấy hạt ăn, bùi bùi cũng ngon ngon, có vị hơi đắng chát. Nghe nói ngày xưa thuốc nhuộm rất hiếm, ông bà mình thường lấy trái phượng để nhuộm áo quần.

Bạn bè gặp lại nhau, vui mừng náo nức, kể chuyện không dứt, ai cũng mặc áo quần mới, giày mới, cặp mới, nói chung tất cả mọi thứ đều mới. Năm nay Thy và Ngân đã lên lớp chín rồi ai cũng lớn và xinh xinh, các bạn ai cũng có đồ mới nhưng Thy thì vẫn bộ đồng phục như ngày nào, nhìn nét mặt bạn buồn buồn Ngân an ủi, càng làm cho Thy tủi thân hơn nước mắt vòng quanh.

Suốt đêm Ngân suy nghĩ tìm cách nào giúp bạn đây, cuối cùng nghĩ đến vị Ni sư hiền lành khả kính đang trụ trì chùa Quang Minh gần nhà Ngân. Nghĩ là làm, Ngân lên chùa trình bày hoàn cảnh gia đình của Thy, được Ni sư hứa khả.

Chiều nay Ngân đến trường sớm hơn mọi khi để chờ bạn, Ngân đi ra lại đi vào, thấy Thy Ngân mừng quá.

"Thy ơi, sáng nay mình đi lên chùa thưa thiết với Ni sư hoàn cảnh của Thy, Ni sư thương lắm, hứa sẽ giúp Thy tiền học hành, và Ni sư cũng cần gặp Thy."

"Ngân à, Ni sư là người tu hành mọi việc trong chùa đều nhờ thập phượng bốn đạo, Ni sư làm gì có tiền mà cho Thy."

"Thy không biết mà thôi, Ni sư

làm việc từ thiện, nuôi trẻ mồ côi, các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân đóng góp hằng tháng để Ni sư làm những việc phật sự và giúp các bạn có hoàn cảnh khó khăn nhưng chăm học, để có điều kiện tiếp tục đến trường.”

Thy mừng lắm, rồi cùng Ngân lên chùa Quang Minh. Chùa thật yên lặng, thanh tịnh, mùi hoa mộc lan phảng phất hương thơm, hòa với mùi thơm tinh khiết của hoa sen, Thy nghe lòng mình thanh thoát, nhẹ nhàng. Đi ra phía sau, Thy thấy khoảng mười hai em nhỏ đang chơi đùa, tuổi từ ba cho đến tám, có hai sư cô đang trông giữ. Thấy có khách, các em ngưng chơi và chấp tay niệm A Di Đà Phật. Ngân cũng chấp tay đáp lại A Di Đà Phật. Có em đến nắm tay Ngân vò vỉnh đòi kẹo, em thì kéo áo Ngân. Thy sững sờ nhìn, vì đây là lần đầu tiên Thy thấy cảnh này. Ngân giải thích, các em ở đây ngoan lắm, dễ thương, hàng tuần ngày chủ nhật nghỉ học, mình thường lên chùa giúp quý sư cô trông chừng bọn trẻ, hay cho chúng kẹo bánh, đồ chơi, nên thấy Ngân các em rất mừng.

“Thy à! bây giờ mình đi gặp Ni sư nghe.”

“Sao Thy hồi hộp quá.”

“Đừng lo, Ni sư hiền lắm.”

Mới đến nhà khách, đã thấy một vị sư khoảng ngoài sáu mươi tuổi, mặc chiếc áo dài màu nâu, tay cầm xâu chuỗi, gương mặt hiền từ. Ngân liền chấp tay và niệm Nam Mô A Di Đà Phật, “con kính chào Ni sư.” Sư cũng đáp lại bằng câu niệm Phật, Thy cũng làm theo. Ni sư mời ngồi vào ghế, hỏi Ngân:

“Đây là bạn con?”

“Dạ, bạch Ni sư, đây là Thy, bạn con, người mà con đã thưa với Ni sư hồi sáng.”

Anh mắt hiền từ nhìn Thy. Ni sư bảo:

“Sư đã nghe Ngân nói chuyện về con rồi. Con rất có hiếu với

mẹ, hy sinh cho hai em, lại học giỏi đó là một điều rất quý. Trong kinh Đức Phật dạy: ‘Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật’ ai mà hiếu thảo với cha mẹ sẽ được phước báo vô lượng trong hiện tại, tương lai sẽ có con thảo cháu hiền, vì gieo nhân nào gặt quả đó. ‘Trồng cam thì hái cam, trồng ớt thì gặt ớt.’

Ni sư cầm tay Thy nói tiếp:

“Con còn nhỏ mà biết giúp mẹ như vậy, sư thương lắm. Con yên tâm học hành, Sư sẽ bảo trợ cho con.”

Thy mừng quá, ắp a ắp úng nói không nên lời, một lát sau mới nói được, “con kính cảm ơn Ni sư.”

“Thôi hai đứa con lên lay phật, rồi ra chơi với mấy em,” đoạn quay sang Ngân sư nói:

“Từ đây trở đi, khi nào lên chùa con dẫn Thy đi cho quen, tập cho Thy biết tụng kinh, niệm Phật, làm công quả. Rằm tháng bảy lễ Vu Lan con nhớ ghi tên cho Thy quy y.”

Ngân dạ, “con sẽ nhớ,” rồi hai bạn chấp tay hình búp sen chào sư ra về.

Thy vui lắm cảm ơn Ngân rồi rít, hai đứa đều mừng. Ngân khuôn mặt tươi như hoa mới nở, trong lòng hân hoan vì đã làm một việc phước thiện. Còn Thy, niềm lo sợ bị nghỉ học không còn nữa. Hai bạn nắm tay nhau vừa đi vừa hát, tình bạn thêm bền chặt hơn nữa. Trên cao ông mặt trời chiếu xuống êm dịu, không gay gắt như hồi sáng, hình như ông đang chia sẻ niềm vui của hai nhỏ.

Mùa học mới bắt đầu với nhiều hứa hẹn. Thy cố gắng chăm chỉ học hành để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, ơn thầy cô dạy dỗ, bạn bè thường nâng đỡ Thy, nhất là Ngân, cô bạn tốt bụng hết lòng thương yêu Thy, bây giờ lại thêm Ni sư nữa. Thy nguyện với lòng mình ra sức học hành, thành danh với đời mới không phụ tấm lòng của bao người hy sinh lo cho Thy.

Tiếng ve lại kêu, phượng trong sân trường đã nở, báo hiệu một mùa hè sắp đến. Chia tay ba tháng, tạm biệt thầy cô giáo, tạm biệt bạn bè. Nhưng năm nay lòng Thy hân hoan hơn, ngoài việc phụ giúp mẹ bán hàng, Thy còn được sáng chủ nhật hàng tuần cùng Ngân lên chùa lễ Phật tụng kinh Pháp Hoa, sau đó giúp quý sư cô lo cho các em nhỏ ăn cơm trưa; chiều đến hai bạn sinh hoạt gia đình Phật tử. Thy đã tìm

được niềm hạnh phúc chân thật khi đến với mái chùa. Mái chùa thân yêu nơi đã đem đến cho Thy nhiều hy vọng trong cuộc sống, cho Thy có những suy nghĩ lạc quan hơn, không còn mặc cảm với bạn bè. Quan trọng hơn là Thy biết lay Phật, tụng kinh, kể thật nhiều chuyện cổ tích Phật Giáo cho mẹ và em nghe mỗi khi rảnh rỗi. Mẹ Thy vui lắm, bà đã lên chùa cảm niệm công đức của Ni sư, từ đó bà trở thành một người Phật tử thuần thành, theo các bạn già lay Phật, thọ bát quan trai, kính hành, những ngày lễ bà thường lên chùa làm công quả. Niềm vui tinh thần khiến bà tươi hơn, có nhiều bạn đạo, học hỏi được thật nhiều điều hay mà từ trước đến giờ chưa bao giờ bà biết được.

Nhiều hứa hẹn ở tương lai. Xuân qua, hạ đến, thu về, đông tới, từng tháng từng năm đi nhanh. Bây giờ Ngân và Thy là hai cô sinh viên đã tốt nghiệp xong đại học, hai đứa vẫn là đôi bạn thân như ngày nào. Hơn thế nữa, hai bạn trở về mái trường xưa tiếp tục làm người đứng lớp, hướng dẫn giáo dục các măng non trở thành những cây tre vững chắc, từng thế hệ kế thừa, tiếp nối đào tạo cho đất nước những con người dẫn thân trên hành trình tri thức. Đất nước được phồn vinh, con người có đạo đức, có bốn phận với đất nước, với xã hội, với đoàn thể, là trách nhiệm từ gia đình và học đường. Ngoài gia đình ra, học đường là nơi đầu tiên đào tạo, rèn luyện cho con người có đủ đầy đủ ba phương diện là thể dục, trí dục và đức dục, lòng yêu thương giống nòi, tổ quốc, đồng loại, đó là những nhân tố lành mạnh để xây dựng một quốc gia hùng cường, thái bình.

Tiếng ve kêu gọi hè sang, phượng nở, chia tay, đó là những kỷ niệm khó quên của tuổi học trò, tuổi mới lớn. Một thời cắp sách, áo quần dính đầy mực, về nhà bị anh chị la rầy, thời của những nỗi sợ khi không thuộc bài, bị chép bài phạt. Những lúc trốn học cùng tụi bạn đi lang thang, thời của nhiều mộng mơ, nhiều hoài vọng cho tương lai. Kỷ niệm thời học trò đáng trân trọng, khó phai nhòa trong ký ức mỗi khi mùa phượng nở và nghe tiếng ve ve réo gọi.

Phượng hồng treo giữa tiếng ve

Hành trình vạn nẻo vẫn nghe lời thầy.

Thích Nữ Giới Định



KHÓA AN CƯ KẾT HẠ 2015 CỦA CỘNG ĐỒNG TĂNG NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT

Thích Tuệ Uy

Thế theo giáo luật và truyền thống Phật Giáo, mùa An Cư Kiết Hạ lần thứ 14 năm nay của GHPGVNTN Hoa Kỳ được tổ chức tại Tu Viện Phật Học (Phật Học Viện Quốc Tế - PHVQT) thuộc thành phố North Hills nằm cách Los Angeles khoảng 30 dặm về hướng Tây-Bắc.

Tu Viện Phật Học nằm trong khu dân cư yên tĩnh xa nơi thị tứ lao xao, là không gian thích hợp cho quý Tăng Ni tụ hội về trao đổi Giới Định Huệ. Nhất là tấm lòng của Thượng tọa Thích Minh Chí vị hóa chủ của Trường hạ cùng với quý Phật tử địa phương đã nhiệt thành phát tâm lo lắng tận tâm vật dụng tứ sự cúng dường cho chư Tăng tại đây kỳ này là được 9 lần/9 năm. Quả thật công đức kham năng vô lượng vô biên của PHVQT đã giúp cho nhiều lớp Tăng Ni tiến tu Đạo nghiệp và cất bước du phương hoằng Pháp lợi sanh khắp nước Hoa Kỳ.

Chư Tăng sau gần một năm du hóa khắp nơi hoằng truyền Chánh Pháp, về đây an trú, trước là củng cố đạo lực và lòng từ bi (đối với các côn trùng sinh sôi nhiều vào thời kỳ mùa mưa này), sau là củng ôn lại lời dạy của đức Thế Tôn, nơi gương từ các bậc trưởng thượng, cùng thúc liễm thân tâm, học hỏi kinh nghiệm tu tập và hoằng Pháp lẫn nhau và cùng nhau sách tấn trên con đường thực hành lời Phật dạy.

Đồng thời đạo tràng trong mùa an cư cũng là nơi để hàng Phật tử tại gia đến để tạo nhiều phước duyên cho mình qua các công tác Phật sự như cúng dường trai tăng, thực phẩm, thuốc thang, tịnh tài, và cả thời gian trong ban đưa rước, ban trai soạn, ban hành đường, v.v... Hơn hết là tạo được duyên lành khi được cùng tụng kinh, niệm Phật, nghe Pháp, và tọa thiền cùng với các quý Tăng Ni trong các thời kinh sáng, trưa, tối.

Năm nay có 165 vị chư tôn đức Tăng Ni đã về trường hạ trong suốt 10 ngày qua, từ 16 Tháng 6 đến 26 tháng 6 năm 2015. Ngày đầu, chứng minh

trường hạ có Đại lão HT Thích Thăng Hoan (87 tuổi) Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNT-NHK, kiêm Thiền Chủ, HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận, HT Thích Thông Nguyên Trí, HT Thích Đồng Tuyên, HT Thích Minh Dung, HT Thích Nhựt Huệ, TT Thích Nhựt Trí, TT Thích Đồng Trí, TT Thích Tuệ Uy, v.v... và v.v... cùng về câu hội và tham dự đầy đủ các chương trình tu học mà vị chư Tôn Đức Tăng lãnh đạo đã khéo léo phân chia thời khóa thích hợp cho việc học và hành mang tính cách chuyên nghiệp và có tầm cỡ lớn quốc gia nếu chúng ta để ý so sánh một số các trường hạ được tổ chức với tính cách tông môn hay được thu nhỏ ở các chùa địa phương trong Hoa Kỳ.

Mặc dù trọn thời gian trong ngày, quý Tăng lữ phải tuân thủ nghiêm ngặt các giáo luật của giới trường (phạm vi cương giới trong đất già-lam mà chư Tăng đã tác pháp yết-ma cùng cộng trú trong suốt thời gian tu học). Thập nhật an cư này cũng là nơi quy tụ và hội ngộ của tình Thầy trò và tình thân Pháp lữ, để cùng nhau chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm hành đạo ở hải ngoại mà các hành giả lưu vong đã kham nhẫn, kiên trì giữ gìn mạng mạch Chánh Pháp tại xứ người để truyền thừa. Giáo hội hi vọng trong tương lai sẽ có nhiều người Mỹ bản xứ phát tâm tu học và duy trì mạng mạch Phật Pháp cho chính nước của mình cũng giống như các bậc Tăng sĩ Tổ sư người Ấn Độ khi xưa băng đường biển sang Việt Nam các Ngài đã truyền thừa du nhập Phật Giáo để rồi sau đó chính các vị Tăng sĩ Việt Nam đảm nhiệm, phát triển, lãnh đạo và duy trì cho đến ngày hôm nay.

Ghi nhanh **Thích Tuệ Uy** & Photo by **Thích Tuệ Uy** (HoPhap.Net Press)

(kính mời xem hình ảnh trang kế tiếp)



**HÌNH ẢNH LỄ VÍA BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC LẦN THỨ 52 VÀ
KHÓA AN CƯ KẾT HẠ NĂM 2015 TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ,
THÀNH PHỐ NORTH HILLS, CALIFORNIA, HOA KỲ TỪ NGÀY 16 ĐẾN 26.6.2015**



